

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2026, NHIỆM KỲ 2026 - 2031
TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp;*
- *Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần đã được sửa đổi bổ sung lần thứ 2 ngày 20/04/2021.*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, nhiệm kỳ 2026 - 2031 của Tổng công ty.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tại thời điểm ngày 27/03/2026 (ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam) hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội

- a) Cổ đông hoặc người, tổ chức được ủy quyền (sau đây gọi tắt là người được ủy quyền) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
 - Giấy tờ pháp lý của cổ đông, người được ủy quyền;

– Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự cuộc họp).

b) Đăng ký tham dự họp: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp và nhận tài liệu Đại hội, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết.

c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người, tổ chức khác nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Cổ đông tham dự phiên họp khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình cuộc họp đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham gia dự họp cũng có thể ghi các nội dung vào phiếu câu hỏi, chuyển cho Ban thư ký.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.

f) Các cổ đông, người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành cuộc họp, các cổ đông, người được ủy quyền phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 3. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông bầu; Chủ tịch đoàn là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a) Điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình hoặc ủy quyền cho người khác trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông do Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp; Phát tài liệu đại hội và Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước cuộc họp và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp trước khi cuộc họp chính thức được tiến hành.

Điều 5. Ban thư ký Đại hội

1. Chủ tọa cử Ban thư ký đại hội.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.

b) Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo Biên bản của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn và thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự họp;

b) Chuẩn bị hòm phiếu, hướng dẫn ghi phiếu;

c) Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả trước Đại hội.

d) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban thư ký;

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành phiên họp

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Biểu quyết tại phiên họp

1. Nguyên tắc biểu quyết:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện (trừ việc bầu HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031).

Việc bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 thực hiện theo Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031.

Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 02 Phiếu biểu quyết (Phiếu biểu quyết số 01 và Phiếu biểu quyết số 02) trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu, ủy quyền và đại diện), số phiếu biểu quyết của cổ đông và có đóng dấu của Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần ở góc trái phía trên. Trong mỗi phiếu biểu quyết sẽ ghi các nội dung cần biểu quyết.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) **Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:** Được thực hiện đối với các nội dung: Thông qua chương trình họp; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu; Thông qua Biên bản đại hội; và các vấn đề khác được Chủ tọa đề nghị. Các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

b) **Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội ngoài các nội dung đã được Đại hội biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

– Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **tán thành**, hoặc **không tán thành**, hoặc **không có ý kiến** một vấn đề bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu

quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

c) Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền ký bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

d) Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

– Phiếu biểu quyết không do Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần phát hành và không có dấu của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

– Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến.

– Phiếu sửa chữa, gạch xóa hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

– Phiếu không có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền.

e) Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một phiếu biểu quyết.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại Đại hội tán thành trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 Điều 30 và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty sửa đổi ngày 20/04/2021:

– Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

– Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty.

– Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty.

– Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.

– Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.

– Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại Đại hội tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 30 và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty sửa đổi ngày 20/04/2021.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 60% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) và biểu quyết tại Đại hội tán thành.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Tổng Công ty.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Quy chế này gồm có 4 Chương, 10 Điều được thông qua tại Đại hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, nhiệm kỳ 2026 - 2031 là cơ sở để Đại hội đồng cổ đông tiến hành Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phí Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

Theo đó, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần hiện nay phải sửa đổi bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành. Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng dự thảo Điều lệ mới của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần. Các nội dung sửa đổi, bổ sung đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, tình hình thực tế của Tổng công ty và được tổng hợp cụ thể tại biểu đính kèm.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần xem xét, thông qua toàn văn dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần đã sửa đổi, bổ sung.

(Có dự thảo Điều lệ tổ chức, hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phí Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**BIỂU TỔNG HỢP MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY (LẦN 3)

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
Căn cứ	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thu đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;</u> Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15;</u> Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp 68/2025/QH15;	
Điều 1	Giải thích từ ngữ c) Luật doanh nghiệp có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020. d) Luật chứng khoán có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019.	Giải thích từ ngữ c) Luật Doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thu đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa</u>	



Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>f) Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.</p> <p>i) Vốn có quyền biểu quyết là <u>vốn cổ phần</u>, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>j) Các đơn vị <u>trực thuộc</u> là các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Tổng công ty) <u>và các Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu.</u></p> <p>k) Người có liên quan là tổ chức hoặc cá nhân được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại Khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán</p> <p>2. Một số từ ngữ khác có liên quan đến công ty cổ phần được giải thích theo Điều 4 Luật doanh nghiệp. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.</p>	<p><u>đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;</u></p> <p><u>d) Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là Luật số 68/2025/QH15;</u></p> <p><u>e) Luật Chứng khoán có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15;</u></p> <p>f) Cổ tức là khoản lợi nhuận <u>sau thuế</u> được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.</p> <p>i) Vốn có quyền biểu quyết là <u>cổ phần</u>, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>j) Các đơn vị phụ thuộc là các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Tổng công ty).</p> <p>k) Người có liên quan là tổ chức hoặc cá nhân được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>2. Một số từ ngữ khác có liên quan đến công ty cổ phần được giải thích theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp <u>và khoản 1 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp.</u> Các từ ngữ khác trong Điều lệ này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.</p>	<p>- Điểm a Khoản 1 Điều 1 Luật Doanh nghiệp năm 2025 quy định: “Cổ tức là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.”</p> <p>Sửa đổi theo khái niệm được định nghĩa tại khoản 33 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp</p> <p>Sửa đổi theo khái niệm được định nghĩa của Luật Doanh nghiệp</p> <p>Sửa chính tả</p>
Điều 2	Tên, trụ sở, pháp nhân, thời hạn hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty	Tên, trụ sở, pháp nhân, thời hạn hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty	Địa chỉ trụ sở Tổng công ty cần cập nhật lại theo địa giới hành

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>1. Trụ sở đăng ký chính của Tổng công ty là: – Địa chỉ: Số 127 Lò Đúc, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.</p>	<p>1. Trụ sở đăng ký chính của Tổng công ty là: – Địa chỉ: Số 127 Lò Đúc, <u>phường Hai Bà Trưng</u>, thành phố Hà Nội.</p>	chính
Điều 3	<p>Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức a) Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực của Tổng công ty, ký các văn bản điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo pháp luật Việt Nam, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế, quy định của Tổng công ty. 4. Các quyết định của bất cứ người đại diện theo pháp luật nào đều có giá trị thực hiện, nhân danh Tổng công ty. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật nào vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này thì chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Tổng công ty do các quyết định của người đại diện theo pháp luật đó gây ra.</p>	<p>Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức a) Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực của Tổng công ty, ký các văn bản điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày <u>và là chủ tài khoản ngân hàng</u> của Tổng công ty theo pháp luật Việt Nam, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế, quy định của Tổng công ty. 4. Các quyết định của bất cứ người đại diện theo pháp luật nào đều có giá trị thực hiện, nhân danh Tổng công ty. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật nào vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này thì chịu trách nhiệm cá nhân <u>theo quy định của pháp luật</u> đối với những thiệt hại cho Tổng công ty do các quyết định của người đại diện theo pháp luật đó gây ra</p>	Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 quy định: “Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.”
Điều 8	<p>Các loại cổ phần 7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</u></p>	<p>Các loại cổ phần 7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Tổng công ty mua lại sẽ được xử lý theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p>	Theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán, trong đại đa số các trường hợp cổ phiếu quỹ đã mua sẽ bị hủy (giảm vốn điều lệ). Có rất ít trường hợp được Tổng công ty

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
			được bán cổ phiếu quỹ và lượng bán cũng sẽ rất hạn chế
Điều 17	Quyền của cổ đông phổ thông	<p>Quyền của cổ đông phổ thông</p> <p>4. <u>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	Căn cứ Khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15
Điều 18	<p>Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>8. Đối với cổ đông chiến lược (Công ty cổ phần tập đoàn T&T) mua cổ phần phổ thông của Tổng công ty khi cổ phần hóa có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các cam kết đã ký kết <u>đính kèm theo bản Điều lệ này.</u></p>	<p>Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>8. Đối với cổ đông chiến lược (Công ty cổ phần tập đoàn T&T) mua cổ phần phổ thông của Tổng công ty khi cổ phần hóa có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các cam kết đã ký kết <u>tại họp đồng mua bán cổ phần số 686/HĐMBCP-CĐCL ngày 26/7/2016 giữa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T.</u></p>	

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
Điều 20	<p>Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty.</p> <p>[...]</p> <p>f. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>b) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty, <u>bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ.</u></p> <p>[...]</p> <p>f) <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản, hoặc có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Tổng giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư hoặc bán tài sản.</u></p>	<p>Luật số 68/2025/QH15 quy định các nội dung người đại diện vốn nhà nước báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP, đề nghị sửa đổi điểm f, khoản 2 Điều 20</p>
Điều 23	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, <u>sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán</u> của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p>	<p>Căn cứ Khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15</p>
Điều 29	<p>Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Căn cứ Điểm e khoản 2 Điều 27 Luật số</p>

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.	e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản <u>theo quy định tại khoản f Điều 20 Điều lệ này.</u> g) <u>Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty.</u>	68/2025/QH15
Điều 30	<p>Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty. c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty. d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty. f) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p>Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp <u>và biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty. c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty. d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>theo quy định tại khoản f Điều 20 Điều lệ này.</u> e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty. f) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.</p> <p>1. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp <u>và biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.</p>	Căn cứ Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14
Điều 35	<p>Hội đồng quản trị</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và các quyền lợi khác...đối với</p>	<p>Hội đồng quản trị</p> <p>i) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và các quyền lợi khác...đối với Tổng</u></p>	Đề xuất sửa đổi theo tình hình thực tế hoạt động và đẩy mạnh phân cấp phân quyền cho công ty con.

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>Tổng giám đốc và các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các Ban Tổng công ty; Người phụ trách quản trị Tổng công ty Giám đốc các đơn vị phụ thuộc; Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty làm chủ sở hữu. Cử người đại diện phần vốn, đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tham gia quản lý, hoạt động hoặc dự Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó các Ban, Trưởng các phòng và tương đương của Tổng công ty.</p>	<p><u>giám đốc và các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các Ban, Chánh văn phòng, Chánh văn phòng Đảng, Đoàn, Người phụ trách quản trị Tổng công ty; Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện Tổng công ty; Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên các công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty là chủ sở hữu, Cử, cử lại, cho thôi người đại diện phần vốn của Tổng công ty, giới thiệu giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý; tham dự đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên các công ty có vốn góp của Tổng công ty (công ty cổ phần và công ty TNHH 2 thành viên trở lên); quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành nhưng không phải là người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần.</u></p> <p><u>Đối với các Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty là chủ sở hữu: Có ý kiến trước khi HĐTV hoặc Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc/Kế toán trưởng trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc.</u></p> <p><u>Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh: Phó các Ban, Phó Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng Đảng, Đoàn Tổng công ty, Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó Trưởng văn phòng đại diện Tổng công ty.</u></p>	

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
Điều 36	<p>Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên, tùy theo yêu cầu từng thời điểm số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cụ thể do Hội đồng quản trị xác định và phân công theo tình hình và yêu cầu từng thời điểm.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; <u>đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</u></p>	<p>Căn cứ Khoản 2 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 79 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</p>
Điều 37	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại các công ty khác.</p> <p>5) Không thuộc đối tượng quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 155 của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty <u>chỉ được</u> đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa <u>05 công ty khác.</u></p> <p>5) <u>Tuân thủ</u> quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6) <u>Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện của pháp luật.</u></p>	<p>Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Nghị định 245/2025/NĐ-CP: "3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác."</p>
Điều 40	<p>Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký</p>	<p>Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên</p>	<p>Căn cứ Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Doanh</p>

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p><u>bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</u></p>	<p>nghiệp số 03/2022/QH15</p>
Điều 43	<p>Tổng giám đốc Tổng công ty Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3.e) Đề nghị và bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm khi được Hội đồng quản trị chấp thuận đối với Phó các Ban, Trưởng các phòng và tương đương của Tổng công ty, quyết định lương và các lợi ích khác đối với các chức danh này. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và các quyền lợi khác...đối với các chức danh: Phó các phòng ban và tương đương của Tổng công ty, Phó giám đốc và phụ trách kế toán các đơn vị phụ thuộc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty làm</p>	<p>Tổng giám đốc Tổng công ty Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế (<u>trường hợp Tổng giám đốc là Thành viên Hội đồng quản trị thì thực hiện theo nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</u>).</p> <p>3.e) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận đối với Phó các Ban, Phó Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng Đảng, Đoàn, Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó Trưởng văn phòng đại diện của Tổng công ty; quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho người khác quyết định tiền lương, khen thưởng, kỷ luật và quyền lợi khác ... đối với các chức danh này, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo Quy chế của Tổng công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.</u></p>	<p>Bổ sung thêm cho phù hợp với hoạt động thực tiễn khi Tổng giám đốc phải/không phải là thành viên HĐQT</p>

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>chủ sở hữu; quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho người khác quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động thuộc quyền quản lý, sử dụng.</p> <p>5.a) Theo như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>5.a) Theo như đối với thành viên Hội đồng quản trị. <u>Trong trường hợp này Tổng giám đốc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng quản trị có nghị quyết miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc nhưng không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày Tổng giám đốc không còn là thành viên Hội đồng quản trị.</u></p>	
Điều 44	<p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</p> <p>1. Tổng công ty thực hiện việc trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị; trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh, không hạn chế mức tối đa.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị làm việc thường xuyên trực tiếp tại Tổng công ty được hưởng thù lao hàng tháng và tiền thưởng; Thành viên Hội đồng quản trị không làm việc thường xuyên trực tiếp tại Tổng công ty được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thù lao hàng tháng, thù lao công việc và tiền thưởng</p>	<p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc</p> <p>1. <u>Tổng công ty thực hiện việc trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị; trả tiền lương, tiền thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo quy định của pháp luật, Quy chế của Tổng công ty và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</u></p> <p>2. <u>Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:</u></p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương hàng tháng và tiền thưởng theo Quy chế của Tổng công ty và theo kết quả nhiệm vụ được giao; Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là thành viên Ban điều hành thì <u>hưởng tiền lương, tiền thưởng theo chức danh Ban điều hành và thù lao theo chức danh Thành viên HĐQT. Tiền lương, thù lao được tính theo số ngày công cần thiết, hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>Tiền lương hàng tháng, thù lao công việc và tiền thưởng</u></p>	Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>của các thành viên Hội đồng quản trị được xác định và chi trả theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty. Tổng mức thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>c) Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty.</p>	<p>của các thành viên Hội đồng quản trị được xác định và chi trả theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty. Tổng mức <u>tiền lương</u>, thù lao, <u>tiền thưởng</u> của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>	
Điều 48	<p>Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan sau đây:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.</p> <p>c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định Khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ</p>	<p>Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan sau đây:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.</p> <p>c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d) <u>Khi cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức trong trường hợp Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các</u></p>	<p>Căn cứ Theo khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP Theo khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</p>

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>c) Hợp đồng, giao dịch khác theo quy định tại Điểm a và b Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có</p>	<p><u>công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; đồng thời tổ chức là người có liên quan không phải là cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</u></p> <p><u>e) Khi cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông mà Tổng công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của Tổng công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định Khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>(trừ trường hợp giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất)</u>. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các</p>	

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (đối với biểu quyết tại cuộc họp) hoặc 60% (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p>	<p>bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:</p> <p>a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này.</p> <p>b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p>c) <u>Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này trừ trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất nhưng không dẫn đến tổng giá trị giao dịch vay hoặc bảo lãnh phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Tổng công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế có giá trị.</u></p>	

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
Điều 53	<p>Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p>	<p>Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên</p> <p>Tiền lương, thù lao, <u>tiền</u> thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, <u>tiền</u> thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định của pháp luật</u> và theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p>	Căn cứ Nghị định số 248/2025/ND-CP
Điều 56	<p>Trình báo cáo hằng năm</p>	<p>Trình báo cáo hằng năm</p> <p>4. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị thực hiện báo cáo khác theo quy định của pháp luật.</p>	
Điều 57	<p>Công khai thông tin Tổng công ty</p> <p>3. Tổng công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường theo quy định tại Điều 109, 110 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Công khai thông tin Tổng công ty</p> <p>3. Tổng công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p>	Căn cứ Điều 55 Luật số 68/2025/QH15
Điều 59	<p>Chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính hàng năm, bán niên, quý và báo cáo khác</p> <p>2. Chế độ hạch toán kế toán:</p> <p>a) Tổng công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo Luật Kế toán và Luật Thống kê hiện hành.</p>	<p>Chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính hàng năm, bán niên, quý và báo cáo khác</p> <p>2. Chế độ hạch toán kế toán:</p> <p>a) <u>Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định tại Luật Kế toán và văn bản</u></p>	Căn cứ Điều 55 Luật số 68/2025/QH15

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>4. Báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị 06 tháng</p> <p>Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị 06 tháng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p><u>hướng dẫn.</u></p> <p>4. Báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị.</p> <p>Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
Điều 60	<p>Kiểm toán</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.</p>	<p>Kiểm toán</p> <p><u>3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty</u></p>	Phù hợp với thực tiễn
Điều 61	<p>Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định trích lập các quỹ (trong đó có Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)), mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty do Hội đồng quản trị trình.</p> <p>2. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ</p> <p><u>1. Lợi nhuận sau thuế sau khi chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có) và sau khi bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thì được sử dụng để xử lý các chi phí được xử lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quy định của các luật có liên quan;</u></p> <p><u>2. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối theo nguyên tắc:</u></p> <p><u>a) Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty, bổ sung vốn điều lệ.</u></p> <p><u>b) Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi.</u></p> <p><u>c) Trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</u></p> <p><u>d) Phần lợi nhuận sau thuế còn lại Tổng công ty thực hiện chia cổ tức cho cổ đông, trừ trường hợp sử dụng để</u></p>	

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
		<u>bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo Nghị quyết đại hội cổ đông. Trường hợp sau khi phân phối còn số dư thấp hơn 0,01% vốn điều lệ được phép chuyển bổ sung vào lợi nhuận năm sau để phân phối.</u>	
Điều 63	Chế độ lưu giữ tài liệu của Tổng công ty 7. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Chế độ lưu giữ tài liệu của Tổng công ty <u>7. Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có).</u> 8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Luật 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp
Điều 66	Tổ chức lại Tổng công ty Tổng công ty có thể chia; tách; sáp nhập; hợp nhất và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	Tổ chức lại Tổng công ty Tổng Công ty có thể chia; tách; sáp nhập; hợp nhất và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp <u>theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật khác có liên quan và quy định của Chính phủ.</u>	
Điều 69	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, phải được thông báo và lưu giữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được thông báo và lưu giữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.	Luật Doanh nghiệp không yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đăng ký điều lệ sửa đổi với cơ quan có thẩm quyền
Điều 71	Hiệu lực thi hành 1. Bản Điều lệ này gồm 8 Chương, 71 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần nhất trí thông qua tại cuộc họp ngày / /2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn	Hiệu lực thi hành 1. Bản Điều lệ này gồm 8 Chương, 71 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần nhất trí thông qua tại cuộc họp ngày / /2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ	Luật Doanh nghiệp không yêu cầu doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đăng ký điều lệ sửa đổi với cơ quan có thẩm quyền.

Nội dung Điều lệ	Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Ghi chú
	<p>văn của Điều lệ này.</p> <p><u>Điều lệ này được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền; được lưu giữ, thông báo và sao chép...theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u></p>	<p>này.</p> <p>Điều lệ này được được lưu giữ, thông báo và sao chép...theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>có thẩm quyền.</p>




CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp 68/2025/QH15;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần tổ chức ngày / /2026 đã nghị quyết thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần được sửa đổi, bổ sung lần thứ ba - với các chương, điều, khoản sau đây:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Tổng công ty* có nghĩa là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

b) *Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc...* có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

c) *Luật Doanh nghiệp* có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

d) Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là Luật số 68/2025/QH15;

e) Luật Chứng khoán có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15;

f) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

g) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.

h) *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại của Tổng công ty và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

i) *Vốn có quyền biểu quyết* là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

j) *Các đơn vị phụ thuộc* là các đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Tổng công ty)

k) *Người quản lý doanh nghiệp* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty.

l) *Người có liên quan* là tổ chức hoặc cá nhân được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

m) *Người có quan hệ gia đình* là cá nhân được quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

n) *Quy định của pháp luật*: là quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Một số từ ngữ khác có liên quan đến công ty cổ phần được giải thích theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

3. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định của văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

Điều 2. Tên, trụ sở, pháp nhân, thời hạn hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty

1. Tên gọi:

- Tên đầy đủ : Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Tên giao dịch : Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam
- Tên tiếng Anh : Vietnam Forestry Corporation – Joint stock company
- Tên viết tắt : VINAFOR

2. Biểu tượng (Logo):

Logo của Tổng công ty : Logo của Tổng công ty được Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 62741 theo Quyết định số 62741/QĐ-SHTT ngày 16/5/2005 và Quyết định sửa đổi số 14891/QĐ-SHTT ngày 13/3/2017, như dưới đây:



Mô tả: Logo của Tổng công ty được thể hiện bằng màu xanh tím, trắng, chữ V và F viết lồng trong vòng tròn và có chữ Vinafor đi kèm phía bên phải hoặc phía dưới biểu tượng

3. Trụ sở đăng ký chính của Tổng công ty là:

- Địa chỉ: Số 127 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 3641 0799
- Fax: (024) 3641 0800
- Website: www.vinafor.com.vn
- E-mail:

4. Loại hình doanh nghiệp: Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

5. Thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn trừ trường hợp tổ chức lại, giải thể, phá sản theo quy định của Điều 66, Điều 67 và Điều 68 Điều lệ này.

6. Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh của Tổng công ty:

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này Tổng công ty có các Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Địa điểm kinh doanh theo Phụ lục đính kèm.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Tổng công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty. Trong đó quyền và nghĩa vụ của từng người như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật, ký các văn bản thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; ký các văn bản thuộc thẩm quyền người đại diện theo pháp luật - Tổng giám đốc khi Tổng giám đốc vắng mặt tại văn phòng Tổng công ty mà không có ủy quyền (hoặc ủy quyền không thực hiện được) hoặc trường hợp đặc biệt cần thiết theo quyết định Hội đồng quản trị.

b) Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực của Tổng công ty, ký các văn bản điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày và là chủ tài khoản ngân hàng của Tổng công ty theo pháp luật Việt Nam, Điều lệ Tổng công ty và các quy chế, quy định của Tổng công ty.

c) Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Tổng công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Các quyết định của bất cứ người đại diện theo pháp luật nào đều có giá trị thực hiện, nhân danh Tổng công ty. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật nào vi phạm quy

định tại Khoản 3 Điều này thì chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với những thiệt hại cho Tổng công ty do các quyết định của người đại diện theo pháp luật đó gây ra.

4. Tổ chức là cổ đông Tổng công ty có sở hữu ít nhất 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Tổ chức là cổ đông Tổng công ty có sở hữu ít nhất 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Tổng công ty và chỉ có hiệu lực đối với Tổng công ty kể từ ngày Tổng công ty nhận được thông báo.

Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty

1. Mục tiêu: Bảo toàn và phát triển vốn; tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận cao cho Tổng công ty, cổ tức cao cho cổ đông, việc làm ổn định và thu nhập chính đáng cho người lao động.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

– Trồng, chăm sóc, bảo vệ, quản lý và khai thác rừng; nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh giống cây.

– Chế biến và kinh doanh, xuất nhập khẩu ván nhân tạo, gỗ và lâm nông sản khác.

b) Ngành nghề kinh doanh có điều kiện: Kinh doanh bất động sản, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

c) Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm, theo yêu cầu phát triển của Tổng công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật.

Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Phụ lục đính kèm.

Điều 5. Con dấu của Tổng công ty

1. Tổng công ty có 01 con dấu. Hình thức, nội dung con dấu do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định; nhưng tối thiểu phải có thông tin về tên và mã số doanh nghiệp của Tổng công ty.

2. Việc quản lý, sử dụng, lưu giữ con dấu do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức chính trị và xã hội của Tổng công ty

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.

2. Tổng công ty tôn trọng và không cản trở việc thành lập, hoạt động của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời tạo điều kiện để người lao động tham gia các tổ chức này.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 3.500.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm tỷ đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 350.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty: 0% (*Bằng chữ: không phần trăm*).

Điều 8. Các loại cổ phần

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này Tổng công ty chỉ có cổ phần phổ thông.

2. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi và do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

5. Khi có cổ phần ưu đãi thì Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định cụ thể các nội dung ưu đãi và quyền của cổ đông ưu đãi theo quy định tại Điều 116, 117 và 118 Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp Luật Chứng khoán có quy định khác.

7. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại sẽ được xử lý theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

8. Tổng công ty có quyền phát hành cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.

Điều 9. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu (Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần) là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty. Cổ phiếu phải có nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;

- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;
 - f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu
 - g) Các nội dung khác theo quy định tại Khoản 5 Điều 8 của Điều lệ này.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Tổng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và theo quy định tại Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông

1. Tổng công ty lập sổ đăng ký cổ đông, gồm các nội dung sau:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty.
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - d) Các thông tin về cổ đông như Điểm d Khoản 1 Điều 9 Điều lệ này.
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời để Tổng công ty cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông và chịu trách nhiệm bảo đảm liên lạc được với cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
4. Tổng công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 11. Chào bán, bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Theo yêu cầu hoạt động, Tổng công ty có quyền tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Việc chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Bán cổ phần:

Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty.
- c) Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định.

5. Chuyển nhượng cổ phần:

- a) Cổ phần của Tổng công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp hạn chế đối với cổ phần ưu đãi mua thêm của người lao động, của tổ chức công đoàn, hạn chế khác (nếu có) theo quyết định Đại hội đồng cổ đông và chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ phần tương ứng.
- b) Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- c) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
- d) Việc chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng... cổ phần thực hiện theo Khoản 2,3,4,5,6 và 7 Điều 127 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Phát hành trái phiếu:

1. Tổng công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Chào bán, phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền), tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
4. Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu này được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này.

Điều 13. Mua lại cổ phần

Việc mua lại cổ phần của Tổng công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan

Điều 15. Trả cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
2. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
3. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty.

Tổng công ty chỉ được chi trả cổ tức khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - b) Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
 - c) Ngay sau khi trả hết cổ tức, Tổng công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
4. Tổng công ty chi trả cổ tức cho toàn bộ cổ đông trong vòng 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
 5. Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng tiền mặt, cổ phần của Tổng công ty hoặc bằng tài sản khác cho các cổ đông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 6. Trường hợp cổ tức được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng.
 7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Tổng công ty thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán. Tổng công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
 8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Tổng công ty.

Điều 16. Phạm vi trách nhiệm của cổ đông

Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

Điều 17. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật và Điều lệ này quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty.

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm c Khoản 5 Điều 11 Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5 (năm) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp

lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10 (mười) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 4 Điều 36 và Khoản 3 Điều 49 Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại mục b khoản 2 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; thông báo kịp thời về những thay đổi địa chỉ, chứng thực cá nhân.

6. Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

8. Đối với cổ đông chiến lược (Công ty cổ phần tập đoàn T&T) mua cổ phần phổ thông của Tổng công ty khi cổ phần hóa có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các cam kết đã ký kết tại hợp đồng mua bán cổ phần số 686/HĐMBCP-CĐCL ngày 26/7/2016 giữa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T.

9. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

10. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

- a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Tổng công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty

Tổng công ty có cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động sau đây:

- a) Đại hội đồng cổ đông.
- b) Hội đồng quản trị.
- c) Ban kiểm soát.
- d) Tổng giám đốc.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ.
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- c) Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- e) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản, hoặc có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Tổng giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài

chính riêng quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư hoặc bán tài sản.

g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.

h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.

j) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

k) Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty.

l) Quyết định tổ chức lại, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty.

m) Giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý.

n) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu khi cổ đông đó hoặc người có liên quan của cổ đông đó thuộc các trường hợp quy định tại Điều 13 và tại Khoản 3 Điều 48 Điều lệ này.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27 và Điều 30 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 22. Cuộc họp, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty.
- b) Báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

f) Xác định thời gian và địa điểm họp.

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp.

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Điều 23. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Tổng công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai

lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Yêu cầu cung cấp, sửa đổi thông tin trong sổ đăng ký cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5 (năm) % cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này; vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 25. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - b) Phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

4. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Tổng công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều này.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 27. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;

b) Định hướng phát triển Tổng công ty.

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản theo quy định tại khoản f Điều 20 Điều lệ này.

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm được kiểm toán.

g) Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty.

h) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

Điều 30. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty.

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty.

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị theo quy định tại khoản f Điều 20 Điều lệ này.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.

f) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết

tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp qui định tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định Khoản 1, 2 Điều 23 Điều lệ này; yêu cầu và cách thức lấy ý kiến, tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty.

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty.
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp.
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và/hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 34. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ này.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 35. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty.
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu phát hành của Tổng công ty, trừ trường hợp Tổng công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt giá bán và phương thức phát hành trái phiếu.
 - e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng.
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ cụ thể được quy định trong Quy chế quản lý tài chính Tổng công ty.
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Trường hợp dưới 35% thực hiện theo Quy chế tài chính của Tổng công ty.

Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm f Khoản 2 Điều 20 và Khoản 1, 3 Điều 48 Điều lệ này.

- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và các quyền lợi khác... đối với Tổng giám đốc và các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các Ban, Chánh văn phòng, Chánh văn phòng Đảng, Đoàn, Người phụ trách quản trị Tổng công ty; Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện Tổng công ty; Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên

hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên các công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty là chủ sở hữu. Cử, cử lại, cho thôi người đại diện phần vốn của Tổng công ty, giới thiệu giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý; tham dự đại hội đồng cổ đông, hội đồng thành viên các công ty có vốn góp của Tổng công ty (công ty cổ phần và công ty TNHH 2 thành viên trở lên); quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành nhưng không phải là người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần.

Đối với các Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty là chủ sở hữu: Có ý kiến trước khi HĐQT hoặc Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc/Kế toán trưởng trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc.

Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh: Phó các Ban, Phó Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng Đảng, Đoàn Tổng công ty, Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó Trưởng văn phòng đại diện Tổng công ty.

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty.

l) Quyết định cơ cấu tổ chức; quyết định thang bảng lương; quyết định quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty (trong đó tối thiểu phải có các quy chế sau: Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế trả lương, thù lao và thưởng; Quy chế quản lý vốn và người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác...); quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, phê duyệt Điều lệ hoặc quy chế hoạt động của các tổ chức này; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết.

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể; yêu cầu phá sản Tổng công ty.

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các vấn đề khác.

Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, số lượng và trách nhiệm của thành viên của tiểu ban.

4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy

định của pháp luật, nghị quyết Đại hội cổ đông hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 36. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; và từ 70% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- 2) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
- 3) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và có thể không phải là cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức) của Tổng công ty.
- 4) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
- 5) Tuân thủ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp.
- 6) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện của pháp luật.
- 7) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị với nguyên tắc Chủ tịch Hội đồng quản trị và người được ủy quyền cùng liên đới chịu trách nhiệm

trong việc thực hiện nội dung ủy quyền. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 hoặc nhiều người làm thư ký Tổng công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Quyền và nghĩa vụ cụ thể của thư ký Tổng công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm (đồng thời) làm thư ký Tổng công ty và do Hội đồng quản trị Tổng công ty quy định.

a) Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Tổng công ty:

- Có hiểu biết về pháp luật.

- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

b) Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông.

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

- Tham dự các cuộc họp.

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành

viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có đủ số thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định, không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có 4/5 (bốn phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 11 Điều này.

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết.

- a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 4/5 (bốn phần năm) số thành viên dự họp tán thành.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty.
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c) Thời gian, địa điểm họp.
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h

Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c) Vi phạm pháp luật, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tổng công ty; thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 43. Tổng giám đốc Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế (trường hợp Tổng giám đốc là Thành viên Hội đồng quản trị thì thực hiện theo nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị).

Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và quy định cụ thể của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư và phương án tái cơ cấu của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận đối với Phó các Ban, Phó Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng Đảng, Đoàn, Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó Trưởng văn phòng đại diện của Tổng công ty; quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho người khác quyết định tiền lương, khen thưởng, kỷ luật và quyền lợi khác ... đối với các chức danh này, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo Quy chế của Tổng công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

f) Tuyển dụng lao động.

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.

5. Trường hợp Tổng giám đốc là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số họ, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong trường hợp sau:

a) Theo như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này Tổng giám đốc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi Hội đồng quản trị có nghị quyết miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc nhưng không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày Tổng giám đốc không còn là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Làm việc thiếu trách nhiệm, điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty kém hiệu quả.

6. Trường hợp Tổng giám đốc là người do Hội đồng quản trị thuê, bị miễn nhiệm theo quy định đã thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng.

Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Tổng công ty thực hiện việc trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị; trả tiền lương, tiền thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo quy định của pháp luật, Quy chế của Tổng công ty và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương hàng tháng và tiền thưởng theo Quy chế của Tổng công ty và theo kết quả nhiệm vụ được giao; Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là thành viên Ban điều hành thì hưởng tiền lương, tiền thưởng theo chức danh Ban điều hành và thù lao theo chức danh Thành viên HĐQT. Tiền lương, thù lao được tính theo số ngày công cần thiết, hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.

Tiền lương hàng tháng, thù lao công việc và tiền thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị được xác định và chi trả theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty. Tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty.

3. Tiền lương, thù lao và các chi phí khác của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc, người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định tại điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 46. Trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật liên quan khác.

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp Luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Tổng công ty và bên thứ ba.

Điều 47. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Tổng công ty theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này.

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao.

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty sẽ tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 48. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

d) Khi cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức trong trường hợp Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; đồng thời tổ chức là người có liên quan không phải là cổ đông của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

e) Khi cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông mà Tổng công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của Tổng công ty theo định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định Khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất (trừ trường hợp giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất). Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

c) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này trừ trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất nhưng không dẫn đến tổng giá trị giao dịch vay hoặc bảo lãnh phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Tổng công ty đại chúng và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của công ty đại chúng quy định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế có giá trị.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng

giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Tổng công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 49. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

b) Chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

d) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông

e) Chỉ đạo, triển khai và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

4. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử hoặc được tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức đề cử ứng cử viên Kiểm soát viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

6. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số Kiểm soát viên dự họp có quyền tham gia biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp; không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.
4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Tổng công ty.
5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông (Tổng giám đốc có trách nhiệm gửi cho Ban kiểm soát).
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc

theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 46 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác

15. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

16. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

17. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và theo quy chế về tiền lương, thù lao và thưởng của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 54. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ, trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định của pháp Luật và Điều lệ này.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 56. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo, tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

b) Báo cáo tài chính (phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông).

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty.

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Các báo cáo quy định tại Điểm a,b,c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 25 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này.

4. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị thực hiện báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Công khai thông tin Tổng công ty

1. Tổng công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Tổng công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

a) Điều lệ Tổng công ty.

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty.

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Tổng công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG IV

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU

Điều 58. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Trường hợp Tổng công ty có mở chi nhánh tại nước ngoài; theo sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 59. Chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính hàng năm, bán niên, quý và báo cáo khác

1. Năm tài chính của Tổng công ty:

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mô hình Công ty cổ phần và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

2. Chế độ hạch toán kế toán:

a) Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp theo quy định tại Luật Kế toán và văn bản hướng dẫn.

b) Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

c) Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

3. Báo cáo tài chính hàng năm, bán niên, quý:

a) Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này và gửi đến cơ

quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp lý của các Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

b) Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính quý (đã được soát xét nếu có) của Tổng công ty được công bố trên website của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật.

4. Báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị.

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty phù hợp với quy định tại điều lệ này và quy định của Pháp luật có liên quan. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính (hoặc theo thời gian quy định của pháp luật và đảm bảo thời gian công bố thông tin theo quy định công bố thông tin).

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 61. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Lợi nhuận sau thuế sau khi chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có) và sau khi bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thì được sử dụng để xử lý các chi phí được xử lý từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo quy định của các luật có liên quan;

2. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối theo nguyên tắc:

a) Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty, bổ sung vốn điều lệ.

b) Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

d) Phần lợi nhuận sau thuế còn lại Tổng công ty thực hiện chia cổ tức cho cổ đông, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo Nghị quyết đại hội cổ đông. Trường hợp sau khi phân phối còn số dư thấp hơn 0,01% vốn điều lệ được phép chuyển bổ sung vào lợi nhuận năm sau để phân phối.

Điều 62. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trong trường hợp Tổng công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài không thể bù đắp được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị lập phương án xử lý lỗ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định đồng thời phải phân tích làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát trong việc để Tổng công ty thua lỗ kéo dài.

Điều 63. Chế độ lưu giữ tài liệu của Tổng công ty

Tổng công ty phải lưu giữ tại trụ sở chính các tài liệu sau đây:

1. Điều lệ Tổng công ty; các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; các loại giấy chứng nhận khác.
3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Tổng công ty.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các quyết định của Tổng công ty.
5. Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán.
6. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
7. Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (nếu có).
8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG V

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 64. Quan hệ lao động

Các nội dung về quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động (Tổng công ty hoặc các đơn vị phụ thuộc) với người lao động được thực hiện theo quy định của Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội và pháp luật liên quan.

Điều 65. Tiền lương, tiền thưởng của người lao động

Người lao động được trả lương theo Quy chế trả lương, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và theo trách nhiệm, năng suất lao động, hiệu quả làm việc.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN TỔNG CÔNG TY

Điều 66. Tổ chức lại Tổng công ty

Tổng Công ty có thể chia; tách; sáp nhập; hợp nhất và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán, pháp luật khác có liên quan và quy định của Chính phủ.

Điều 67. Giải thể Tổng công ty

1. Các trường hợp giải thể Tổng công ty:
 - a) Số lượng cổ đông nhỏ hơn 03 thành viên trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp.

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Tổng công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trình tự, thủ tục giải thể, thanh lý tài sản và các nội dung khác liên quan đến giải thể Tổng công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể thành lập Ban thanh lý để trực tiếp thực hiện việc thanh lý tài sản Tổng công ty.

Điều 68. Phá sản Tổng công ty

Trường hợp Tổng công ty bị phá sản, việc phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc kiến nghị của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, nghị quyết việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải phải được thông báo và lưu giữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

Điều 70. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phải được thực hiện trên nguyên tắc thương lượng, hòa giải.

2. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành, thì các bên đưa ra cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền là quyết định cuối cùng, các bên phải có trách nhiệm thực hiện.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 71. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 8 Chương, 71 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần nhất trí thông qua tại cuộc họp ngày / /2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ này được lưu giữ, thông báo và sao chép...theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Tất cả các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty, các đơn vị phụ thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều lệ này.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp những quy định tại Điều lệ này chưa phù hợp với các quy định mới của pháp luật thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC **CHỦ TỊCH HĐQT**

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT **THÀNH VIÊN HĐQT** **THÀNH VIÊN HĐQT**

010
CÔNG
EP VI
Y CỐ
3-TT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 2. Tên, trụ sở, pháp nhân, thời hạn hoạt động, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Tổng công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.....	3
Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.....	4
Điều 5. Con dấu của Tổng công ty.....	4
Điều 6. Tổ chức chính trị và xã hội của Tổng công ty.....	4
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG.....	5
Điều 7. Vốn điều lệ:.....	5
Điều 8. Các loại cổ phần.....	5
Điều 9. Cổ phiếu.....	5
Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông.....	6
Điều 11. Chào bán, bán và chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 12. Phát hành trái phiếu:.....	7
Điều 13. Mua lại cổ phần.....	7
Điều 14. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	7
Điều 15. Trả cổ tức.....	8
Điều 16. Phạm vi trách nhiệm của cổ đông.....	8
Điều 17. Quyền của cổ đông phổ thông.....	8
Điều 18. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA TỔNG CÔNG TY.....	11
Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty.....	11
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 22. Cuộc họp, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 23. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 25. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 26. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 27. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 29. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18

Điều 30. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua.....	18
Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 34. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 35. Hội đồng quản trị.....	22
Điều 36. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	26
Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	28
Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ..	29
Điều 43. Tổng giám đốc Tổng công ty.....	30
Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	31
Điều 45. Công khai các lợi ích liên quan.....	31
Điều 46. Trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty.....	31
Điều 47. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.....	32
Điều 48. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	32
Điều 49. Ban kiểm soát.....	34
Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.....	35
Điều 51. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	35
Điều 52. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	36
Điều 53. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	37
Điều 54. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	37
Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	38
Điều 56. Trình báo cáo hằng năm.....	38
Điều 57. Công khai thông tin Tổng công ty.....	38
CHƯƠNG IV. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LƯU GIỮ TÀI LIỆU.....	39
Điều 58. Tài khoản ngân hàng.....	39

Điều 59. Chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính hàng năm, bán niên, quý và báo cáo khác	39
Điều 60. Kiểm toán	40
Điều 61. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ	40
Điều 62. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ	41
Điều 63. Chế độ lưu giữ tài liệu của Tổng công ty	41
CHƯƠNG V. NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG TỔNG CÔNG TY	41
Điều 64. Quan hệ lao động	41
Điều 65. Tiền lương, tiền thưởng của người lao động	41
CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN TỔNG CÔNG TY.....	41
Điều 66. Tổ chức lại Tổng công ty	41
Điều 67. Giải thể Tổng công ty	41
Điều 68. Phá sản Tổng công ty	42
CHƯƠNG VII. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 69. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	42
Điều 70. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	42
Điều 71. Hiệu lực thi hành	42

**PHỤ LỤC KÈM THEO ĐIỀU LỆ CỦA
TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210 (Chính)
2	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
3	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
4	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
5	Khai thác gỗ	0220
6	Khai thác, thu nhặt lâm sản trừ gỗ	0230
7	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
8	Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quản gỗ	1610
9	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
10	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
11	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
12	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện	1629
13	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
14	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ	3101
15	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
16	Xây dựng nhà để ở	4101
17	Xây dựng nhà không để ở	4102
18	Chế biến và bảo quản rau quả <i>Chi tiết: Bóc vỏ hạt, rang, sấy khô các loại hạt bao gồm cả hạt mắc ca.</i>	1030
19	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa <i>Chi tiết: Hoạt động môi giới</i>	4610
20	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
21	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp</i>	4679
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu</i>	4659
24	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663
25	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
26	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672
27	Bán buôn tổng hợp	4690

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
28	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4783
29	Bán lẻ tổng hợp khác <i>Chi tiết: Phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.</i>	4719
30	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
31	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
32	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
33	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
34	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
35	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020
36	Đại lý lữ hành	7911
37	Điều hành tua du lịch	7912
38	Hoạt động liên quan đến du lịch khác	7990
39	Cung ứng lao động tạm thời	7821
40	Cung ứng nguồn nhân lực khác	7822
41	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm	7810
42	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
43	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
44	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8710
45	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7211
46	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
47	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Hoạt động tư vấn môi trường</i>	7499
48	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
49	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
50	Họạ động của các câu lạc bộ thể thao	9312
51	Hoạt động thể thao khác	9319
52	Truyền tải và phân phối điện	3513

PHỤ LỤC KÈM THEO ĐIỀU LỆ
DANH SÁCH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH
TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

TT	Tên Văn phòng đại diện, Chi nhánh	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính
I	VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN		
1	Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần	Số 169 Võ Thị Sáu, Phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh.	Kinh doanh dịch vụ, cho thuê văn phòng
2	Văn phòng đại diện Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần tại khu vực Tây Nguyên	Số 13 Phan Bội Châu, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh dịch vụ, cho thuê văn phòng
3	Văn phòng đại diện Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần tại Thành phố Quy Nhơn	Số 05-07 Đường Đống Đa, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.	Kinh doanh dịch vụ, cho thuê văn phòng
II	CHI NHÁNH		
1	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên	Tổ 4, Phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên,	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
2	Chi nhánh Giáp Bát	Số 32, phố Đại Từ, phường Định Công, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ; sản xuất chế biến gỗ
3	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần - Khách sạn Lâm nghiệp Đồ Sơn	Khu 1-phường Đồ Sơn - thành phố Hải Phòng.	Kinh doanh dịch vụ du lịch khách sạn; tua du lịch
4	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình	Tổ 7, Phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; sản xuất chế biến gỗ
5	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần - Công ty Lâm nghiệp Hà Tĩnh	Số 25 đường Mai Thúc Loan, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
6	Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần - Công ty MDF Vinafor Gia Lai	Km74, quốc lộ 19, xã Cừu An, tỉnh Gia Lai	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp; sản xuất, chế biến gỗ

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty
Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số: 03/2022/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng xem xét thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần đã sửa đổi, bổ sung.

(Có dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần xem xét, thông qua. /

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phí Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ/HĐQT-BTLTK ngày / /2026)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - Tổng công ty là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần.
 - Điều lệ là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
 - Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
 - Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc nhằm bảo đảm việc quản lý và điều hành Tổng công ty một cách hiệu quả, minh bạch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và các bên có liên quan.
 - Người quản lý doanh nghiệp là các cá nhân giữ chức danh quản lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
 - Người có liên quan là tổ chức, cá nhân được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

2. Một số từ ngữ khác có liên quan đến công ty cổ phần được giải thích tại Điều 1 của Điều lệ Tổng công ty, Điều 4 Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định của văn bản pháp luật khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; trình tự, thủ tục tổ chức họp và thông qua quyết định của Hội đồng quản trị; nguyên tắc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; quy định về phòng ngừa xung đột lợi ích;

công bố thông tin và minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty; cùng các nội dung khác về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật số 03/2022/QH15, Luật 76/2025/QH15, Luật Chứng khoán 2019, Luật 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025, Nghị định 155/2020/ND-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người phụ trách quản trị Tổng công ty, cổ đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quản trị công ty của Tổng công ty.

4. Trường hợp quy định của Quy chế này khác với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty thì thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp;

2. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCD được quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty;

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề được quy định tại Khoản 2 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết theo Khoản 2 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty;

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 3, Khoản 4 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty; Ban Kiểm soát triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 5 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 6 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty;

4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 7 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty; Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty được thực hiện theo Khoản 8 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty. Chi phí này không bao gồm những chi phí ăn, ở, đi lại, các khoản chi tiêu của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông

để kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông/người được ủy quyền đại diện cổ đông đến dự họp, tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban Kiểm phiếu.

Điều 5. Lập danh sách cổ đông và thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 23 Điều lệ Tổng công ty; Danh sách cổ đông được lập căn cứ trên sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

2. Cổ đông có quyền kiểm tra, yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông và được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Điều lệ Tổng công ty; Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Tổng công ty, được công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 6. Chương trình, nội dung và thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ và việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ Tổng công ty; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền kiến nghị đưa nội dung vào chương trình họp theo Khoản 2 và Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông giải quyết kiến nghị theo Khoản 3, Khoản 4 Điều 24 Điều lệ Tổng công ty.

2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

b) Phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

5. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Tổng công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới ngày khai mạc ĐHĐCĐ.

Điều 7. Ủy quyền cho người đại diện và cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ Tổng công ty.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 1 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty; Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây (trừ trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại):

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

4. Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và trực tuyến theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty theo trình tự, thủ tục và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Tổng công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ hình thức họp trực tuyến, phương thức truy cập hệ thống họp trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự và các yêu cầu kỹ thuật cần thiết để cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

b) Cổ đông đăng ký tham dự họp trực tuyến theo hướng dẫn trong thông báo mời họp do Tổng công ty quy định, bảo đảm xác thực thông tin cổ đông theo danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổng công ty.

c) Cổ đông có quyền ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Điều kiện tiến hành và hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết;

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng

cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

5. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản :

a) Việc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ Tổng công ty và Pháp luật có liên quan.

b) Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Tổng công ty

6. Trường hợp đặc biệt, việc bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện thông qua hệ thống biểu quyết điện tử hoặc phương thức điện tử khác do Tổng công ty quy định, bảo đảm nguyên tắc xác thực cổ đông, tính bảo mật và tính chính xác của kết quả biểu quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty .

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Cách thức bỏ phiếu thực hiện theo quy chế làm việc của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm; Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Cách thức kiểm phiếu đối với các vấn đề biểu quyết tại ĐHĐCĐ, thực hiện theo quy chế làm việc của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm. Theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp, ĐHĐCĐ lựa chọn và bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu.

3. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu có đủ chữ ký của các thành viên và công bố kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, nêu rõ tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành tại cuộc họp đối với từng vấn đề.

4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bằng 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 21 và các Khoản 3, 4 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty.

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty.

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản hoặc có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu, hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Tổng giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty.

f) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

5. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 30 và Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất bằng 60% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5 (năm) % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Điều 33 Điều lệ Tổng công ty.

2. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 11. Lập biên bản họp và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Tổng công ty. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp Tổng công ty.
- b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ.
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp.
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký.
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Tổng công ty..

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu

quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định khoản 1, 2 Điều 23 Điều lệ Tổng công ty; yêu cầu và cách thức lấy ý kiến, tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ Tổng công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Tổng công ty.
- b) Mục đích lấy ý kiến.
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.
- d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- e) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Tổng công ty.
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết.
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm

phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu, nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 13. Các vấn đề khác về triệu tập, tổ chức cuộc họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Tùy theo điều kiện thực tế, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị xem xét tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm, thù lao và lợi ích khác của Thành viên HĐQT

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết; Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội cổ đông hoặc Điều lệ Tổng công ty dẫn đến thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Điều lệ Tổng công ty; các quy chế nội bộ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật có liên quan, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau :

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty; Thực hiện các chức năng định hướng chiến lược, giám sát quản trị rủi ro và theo dõi, giám sát hoạt động quản lý với tính liêm chính cao và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

b) Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;

c) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

3. Chủ tịch HĐQT là người đứng đầu Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao, thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT, có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc trái với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và quyết định của HĐQT; Chịu trách nhiệm tổ chức, phân công cho các thành viên HĐQT phụ trách, theo dõi một số lĩnh vực công việc cụ thể để chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo Khoản 2, Điều 38 Điều lệ Tổng công ty;

4. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích tốt nhất của Tổng công ty và cổ đông; Tham gia giải quyết các công việc chung của HĐQT và chủ động giải quyết công việc được phân công theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này, nếu có phát sinh những vấn đề lớn, quan trọng, nhạy cảm cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT;

b) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Báo cáo kịp thời, đầy đủ các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức có liên với Tổng công ty; Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

c) Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cho ý kiến khi được xin ý kiến; các vấn đề được đưa ra thảo luận, nghiên cứu cho ý kiến góp ý, biểu quyết kịp thời, đầy đủ. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và hoặc giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền cho người khác thực hiện. Người được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo toàn bộ nội dung, kết quả thực hiện với người ủy quyền;

d) Lấy ý kiến HĐQT không thông qua cuộc họp: Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm cho ý kiến để thống nhất; quyết định; nghị quyết các nội dung công việc theo thẩm quyền khi nhận được phiếu xin ý kiến;

5. Quyền hạn của Thành viên HĐQT :

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động, tài chính và quản trị của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình; Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị; Quyền được cung cấp, trang bị các phương tiện, thiết bị phục vụ công tác theo quy định của Tổng công ty;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD, tài chính, đầu tư XDCHB của các đơn vị thành viên và kiến nghị HĐQT xem xét, kỷ luật, thay thế người đứng đầu nếu thấy vi

phạm quy định làm tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của Tổng công ty; Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, giám sát việc điều hành thực hiện các chủ trương, chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Thành viên HĐQT được phân công theo dõi lĩnh vực cụ thể, khi kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ cần báo cáo Chủ tịch HĐQT và thông báo cho Tổng giám đốc được biết để kịp thời chỉ đạo, điều hành.

c) Thành viên HĐQT có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

6. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Nhà nước, quy định tại Điều 44 Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, thay thế Thành viên HĐQT

1. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, Hội đồng quản trị có 05 thành viên, tùy theo yêu cầu từng thời điểm số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đáp ứng điều kiện tối thiểu theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cụ thể do Hội đồng quản trị xác định và phân công theo tình hình và yêu cầu từng thời điểm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Tổng công ty.

3. Việc đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 36 Điều lệ Tổng công ty; Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên.
- Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.
- Và từ 70% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành

bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo Quy chế bầu cử do ĐHCĐ thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị :

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

i) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ Tổng công ty.

ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

iii) Vi phạm pháp luật, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tổng công ty; thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Tổng công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Tiết a, Tiết 3 Khoản này, khi xét thấy cần thiết.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

i) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

ii) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật có liên quan về công bố thông tin.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên Thành viên HĐQT :

a) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Khoản 3, Điều 15 Quy chế này;

c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế bầu cử. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

c) Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu bao gồm: *Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty; Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.*

Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

8. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty; Chủ tịch HĐQT do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty;

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị với nguyên tắc Chủ tịch Hội đồng quản trị và người được ủy quyền cùng liên đới chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nội dung ủy quyền. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 16. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Hội đồng quản trị họp, thảo luận, ra nghị quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc lấy ý kiến bằng phiếu để thống nhất, quyết định theo thẩm quyền các nội dung trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc và các tổ chức liên quan.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp bất thường có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng Công ty.

4. Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có đủ số thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định, không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có 4/5 (bốn phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và ủy quyền cho người khác dự họp của Thành viên HĐQT

a) Cách thức biểu quyết tại cuộc họp của Hội đồng quản trị là giơ tay hoặc bằng phiếu và được quy định, thống nhất tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

c) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

ii) Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.

iiii) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

7. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 4/5 (bốn phần năm) số thành viên dự họp tán thành.

8. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi biên bản và có thể ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm ghi chép các biên bản cuộc họp HĐQT bảo đảm phản ánh khách quan, trung thực, đầy đủ diễn biến và kết luận của cuộc họp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và ít nhất phải đủ những nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Điều lệ Tổng công ty; Biên bản gồm chữ ký của Chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả các thành viên HĐQT dự họp (trong đó thành viên HĐQT không nhất trí với quyết định của HĐQT phải ghi rõ ý kiến bảo lưu). Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT. Biên bản họp, nghị quyết, quyết định, thông báo... của Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty và do Ban Thư ký thực hiện (thời hạn ít nhất là 15 năm, trong đó lưu giữ tại Ban Thư ký là 5 năm).

9. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 1 Điều 40 Điều lệ Tổng công ty thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Sau mỗi cuộc họp, trên cơ sở các vấn đề đã được Hội đồng quản trị thông qua (theo biên bản cuộc họp HĐQT); Thư ký cuộc họp có trách nhiệm trình Chủ tịch HĐQT triển khai thành nghị quyết, quyết định hoặc thông báo... để tổ chức thực hiện theo quy định.

10. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị, các Ban chuyên môn/đơn vị, tổ chức có liên quan của Tổng công ty và các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán.

Điều 17. Các tiểu ban thuộc HĐQT, người phụ trách quản trị Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban bao gồm quy định về vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của từng tiểu ban và từng thành viên trong tiểu ban; việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban; nhiệm kỳ, số lượng, tiêu

chuẩn và cơ cấu của các tiểu ban cũng như quy định về hoạt động của các tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Khoản 5 Điều 38 Điều lệ Tổng công ty.

3. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm 01 hoặc nhiều người làm thư ký Tổng công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch HĐQT thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; Quyền và nghĩa vụ của thư ký Tổng công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Tổng công ty, thực hiện việc kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

1. Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều 51, Điều 52 Điều lệ Tổng công ty.

2. Trưởng ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau :

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;

b) Chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

d) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông

e) Chỉ đạo, triển khai và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Tổng công ty. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông; tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

Điều 19. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên và phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 50 Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành

kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, kinh nghiệm trong các lĩnh vực trên, Thành viên Ban kiểm soát phải có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm chính nhằm thực hiện hiệu quả chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng công ty,

3. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 49 Điều lệ Tổng công ty, bảo đảm quyền đề cử, ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện quyền đề cử, ứng cử phải đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu cổ phần và thời gian nắm giữ cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty :

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

b) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử hoặc được tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế bầu cử. Cơ chế đề cử hay cách thức đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Việc bầu Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

5. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ Tổng công ty.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

6. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ, trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định của pháp Luật và Điều lệ Tổng công ty.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên sẽ được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

7. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của nhà nước, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều 53 Điều lệ Tổng công ty và quy chế trả lương Tổng công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 20. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực của Tổng công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày và là chủ tài khoản ngân hàng của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 43 Điều lệ Tổng công ty.

3. Trách nhiệm của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 46 Điều lệ Tổng công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích hợp pháp của cổ đông.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ tháng/quý/6 tháng/năm.

5. Tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Điều lệ Tổng công ty và *Pháp luật có liên quan*.

Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế (trường hợp Tổng giám đốc là Thành viên Hội đồng quản trị thì thực hiện theo nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị).

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc theo quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp và quy định cụ thể của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc (trừ trường hợp Tổng giám đốc là thành viên HĐQT, do HĐQT bổ nhiệm) được Tổng công ty xem xét ký hợp đồng thuê hoặc hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng thuê Tổng giám đốc (trường hợp thuê).

4. Trường hợp Tổng giám đốc là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số họ, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong trường hợp sau:

a) Theo như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Trong trường hợp này Tổng giám đốc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đến khi Hội đồng quản trị có nghị quyết miễn

nhiệm chức danh Tổng giám đốc nhưng không quá 15 ngày kể từ ngày không còn là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Làm việc thiếu trách nhiệm, điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty kém hiệu quả.

5. Trường hợp Tổng giám đốc là người do HĐQT thuê bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt Hợp đồng theo quy định đã thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng.

Điều 22. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.

Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc được công bố thông tin, thông báo theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 23. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp

Hội đồng quản trị định kỳ tổ chức họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị có sự tham gia của các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, đại diện Ban kiểm soát và có thể có sự tham gia của cán bộ quản lý khác hoặc người có liên quan.

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, biểu quyết, thông qua Nghị quyết và quyết định, thông báo kết quả cuộc họp thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, các quyết định, kết quả các cuộc họp của Hội đồng quản trị được gửi tới Trường ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo quy định.

Điều 24. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi:

a) Cần đề nghị Hội đồng quản trị xem xét Nghị quyết, Quyết định những vấn đề, nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Những vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc nhưng Tổng giám đốc xét thấy cần thiết tổ chức họp Hội đồng quản trị để báo cáo, tham khảo ý kiến trực tiếp của HĐQT để có giải pháp thực hiện tốt nhất.

c) Khi phát sinh các vấn đề tác động lớn đến kết quả kinh doanh, nguy cơ mất an toàn về quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp cần HĐQT quyết nghị để kịp thời báo cáo, giải trình với cơ quan giám sát, cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế khác của Tổng công ty.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế khác của Tổng công ty.

2. Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi:

a) Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn vi phạm nghiêm trọng luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế khác của Tổng công ty.

3. Các đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 25. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Định kỳ hàng tháng, quý, năm Tổng giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho HĐQT, cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc uy tín của Tổng công ty, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.

2. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 26. Kiểm điểm việc thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ; nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu Hội đồng quản trị sẽ đánh giá Tổng giám đốc về quá trình thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân công, tinh thần trách nhiệm; kết quả, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Tổng giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Hội đồng quản trị thực hiện việc khen thưởng và kỷ luật, xử lý sai phạm đối với Tổng giám đốc một cách khách quan trên các căn cứ và cơ sở phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty.

3. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc đề nghị với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện Hội đồng quản trị dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ tháng/quý/6 tháng/năm. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ

quản lý Tổng công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo chỉ đạo giải quyết có liên quan đến mảng công việc được phân công phụ trách, thực hiện; Trường hợp phát hiện có rủi ro, hoặc các sự cố, các việc có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc kết quả, hiệu quả, an toàn hoạt động kinh doanh của Tổng công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để chỉ đạo giải quyết kịp thời; Tất cả các văn bản, tờ trình báo cáo Hội đồng quản trị phải do Tổng giám đốc ký trình. Trường hợp đặc biệt, Tổng giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho 1 Phó Tổng giám đốc thực hiện, trường hợp này Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung ủy quyền.

Điều 27. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Khi phát hiện có nội dung nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo, đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, chỉ đạo thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ đạo đó nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình (có thông báo bằng văn bản với HĐQT, Ban kiểm soát) và báo cáo ĐHCĐ xem xét trong phiên họp gần nhất.

2. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho HĐQT, Ban kiểm soát về doanh nghiệp mà mình phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.

3. Thực hiện trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin khác theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

Điều 28. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Hội đồng quản trị thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh và các hoạt động liên quan đến quản lý điều hành hoạt động của Tổng công ty bao gồm cả tình hình tài chính. Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp cùng HĐQT và Tổng giám đốc để đưa ra các ý kiến đóng góp và thực hiện chức năng giám sát.

2. Các nội dung cụ thể về phối hợp và mối quan hệ giữa HĐQT, Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát được quy định chi tiết trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát :

a) Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

i) Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp; các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

ii) Trong quá trình xử lý các công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hay lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.

iii) Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan bằng văn bản.

b) Mối quan hệ công tác giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

i) Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ, cung cấp đầy đủ tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tính độc lập, khách quan của Ban kiểm soát. Đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát.

ii) Ban kiểm soát phải kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tổng công ty; Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu.

iii) Thông qua Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị xem xét tính trung thực của các Báo cáo tài chính; thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.

3. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý Tổng công ty:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân và/hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức và/hoặc cá nhân khác.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác có trách nhiệm và nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa Tổng công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan tới đối tượng đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có quyền và lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

c. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có quyền và lợi ích liên quan, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp quyền và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

e. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

Điều 29. Kiểm toán nội bộ

1. Hội đồng quản trị ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ.
2. Tổng công ty phải thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo Quy chế kiểm toán nội bộ và quy định pháp luật.
3. Hội đồng quản trị có thể thành lập bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và qui định của Tổng công ty.

CHƯƠNG VII CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Đảng ủy, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

1. Hội đồng quản trị phối hợp với Đảng ủy Tổng công ty trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chiến lược phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy định của Đảng có liên quan.

2. Việc phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được thực hiện theo Quy chế về mối quan hệ phối hợp công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung phối hợp, trao đổi thông tin và báo cáo theo quy định tại Quy chế nêu trên nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành của Tổng công ty.

Điều 31. Công bố thông tin

1. Tổng công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và chính xác theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và Điều lệ công ty.

2. Nội dung công bố thông tin bao gồm:

a) Tổng công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:

- Điều lệ Tổng công ty.
- Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

b) Tổng công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG VIII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 32. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý

1. Hàng năm, HĐQT tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc, dựa theo chức năng nhiệm vụ do Điều lệ quy định, theo phân công và kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

2. Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát dựa theo chức năng nhiệm vụ do Điều lệ quy định, theo phân công và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá người điều hành khác trên cơ sở căn cứ vào quy chế của Tổng công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng cá nhân người điều hành.

Điều 33. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo Quy chế về khen thưởng của Tổng công ty.

2. Chế độ khen thưởng: Bằng tiền hoặc hiện vật

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng hoặc chi phí sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 34. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá theo quy định tại Điều 46 Quy chế này, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác nếu không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có vi phạm sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật và thực hiện các trách nhiệm theo quy định của Pháp luật và của Tổng công ty.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Tổng công ty thì bị xem xét xử lý bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IX

HIỆU LỰC VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Hiệu lực và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 155/QĐ-HĐQT-ĐTTC ngày 28/4/2021.

2. Trong trường hợp những vấn đề khác không được đề cập trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh theo Điều lệ Tổng công ty, các quy chế, quy định khác của Tổng công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.

Trong trường hợp những quy định tại Quy chế này chưa phù hợp với các quy định mới của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty thì những quy định mới đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nội dung quy định tại Quy chế này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và

02/12/2021
KHOA QUẢN LÝ
1/19

cán bộ quản lý khác; các Trưởng phòng ban, đơn vị của Tổng công ty và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quy chế này.

Điều 36. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị công ty

Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định mới, tình hình thực tế và được Đại hội đồng cổ đông ngày thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phí Mạnh Cường

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ/HĐQT-ĐTTC ngày / /2026) ..1

CHƯƠNG I.....	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1
Điều 2. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh.....	1
CHƯƠNG II.....	2
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	2
Điều 5. Lập danh sách cổ đông và thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ	3
Điều 6. Chương trình, nội dung và thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 7. Ủy quyền cho người đại diện và cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.....	3
4	
Điều 9. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và điều kiện đề nghị quyết được thông qua	5
Điều 10. Cách thức phân đôi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 11. Lập biên bản họp và công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	7
Điều 13. Các vấn đề khác về triệu tập, tổ chức cuộc họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.	9
CHƯƠNG III.....	9
Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm, thù lao và lợi ích khác của Thành viên HĐQT.....	9
Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, thay thế Thành viên HĐQT..	11
Điều 16. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 17. Các tiêu ban thuộc HĐQT, người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	15
CHƯƠNG IV	16
Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty	16
Điều 19. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát.....	16
CHƯƠNG V	18
Điều 20. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	18
Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng với Tổng giám đốc	18
Điều 22. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.....	19
CHƯƠNG VI.....	19
Điều 23. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp	19
Điều 24. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	19

Điều 25. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	20
Điều 26. Kiểm điểm việc thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ; nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.....	20
Điều 27. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.....	21
Điều 28. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.....	21
Điều 29. Kiểm toán nội bộ.....	23
CHƯƠNG VII	23
Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Đảng ủy, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:	23
Điều 31. Công bố thông tin.....	23
CHƯƠNG VIII	23
Điều 32. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý.....	24
Điều 33. Khen thưởng.....	24
Điều 34. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	24
Điều 35. Hiệu lực và đối tượng áp dụng.....	24
Điều 36. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị công ty.....	25

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số: 03/2022/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ luật số 68/2025/QH15 về Quản lý vốn và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần xem xét thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần đã sửa đổi, bổ sung.

(Có dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần xem xét, thông qua./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phù Mạnh Cường

Hà Nội, ngày..... tháng năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐQT-BTLTK ngày tháng 3 năm 2026 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam – CTCP (điều lệ Tổng công ty) và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần (Tổng công ty) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Tổng công ty” là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam - Công ty cổ phần.
2. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCD” là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam - Công ty cổ phần.
3. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam - Công ty cổ phần.
4. “Ban Tổng giám đốc” nghĩa là Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam - Công ty cổ phần, bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.
5. “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.
6. “Đơn vị” là các công ty con, công ty liên kết, Chi nhánh và Văn phòng đại diện của Tổng công ty.
7. “Ngày” là ngày tính theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (như thứ bảy, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết).
8. “Ngày làm việc” là “Ngày” không bao gồm những ngày nghỉ.
9. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
10. “Thành viên độc lập HĐQT” là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 điều 155 của Luật doanh nghiệp.



11. Thành viên HĐQT không điều hành: là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm.

12. Trừ khi được định nghĩa khác, các thuật ngữ áp dụng trong Quy chế này được định nghĩa theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. HĐQT và các thành viên HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định pháp luật, Điều lệ và văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Tổng công ty; giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công; đảm bảo tuân thủ trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật, Nhà nước, Điều lệ và văn bản quy phạm quản lý nội bộ của Tổng công ty.

3. HĐQT giao trách nhiệm cho Chủ tịch HĐQT/TV HĐQT/Tổng giám đốc/Ban Tổng giám đốc Người quản lý khác theo quy định của Điều lệ tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

4. HĐQT họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết thống nhất, ra nghị quyết, quyết định các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. HĐQT họp, thảo luận, lấy phiếu ý kiến thống nhất quyết định các nội dung công việc theo thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc và các tổ chức cá nhân có liên quan.

6. HĐQT họp, thảo luận hoặc lấy phiếu ý kiến ý kiến thống nhất đề Tổng giám đốc quyết định các nội dung công việc thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc khi Tổng giám đốc xin ý kiến theo thẩm quyền của các quy chế nội bộ của Tổng công ty.

7. HĐQT họp chấp hành các qui định của pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty, quy chế này và các quy chế nội bộ khác của Tổng công ty; tuân thủ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và sự giám sát của Kiểm soát viên.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty.

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c. Chỉ đạo Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị thực hiện các nội dung công việc đã được HĐQT ra nghị quyết, quyết định; triển khai các công việc theo lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

đ. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

g. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm chủ động xem xét, trình Hội đồng quản trị giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách, đảm nhận. Thành viên Hội đồng quản trị phải hoàn thành các nội dung công việc được phân công phụ trách, được giao và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT về kết quả thực hiện.

h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên, tùy theo yêu cầu từng thời điểm số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và có thể không phải là cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức) của Tổng công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT/HĐTV tại các công ty khác.

5. Tuân thủ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện của pháp luật.

7. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.

2. Việc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị với nguyên tắc Chủ tịch Hội đồng quản trị và người được ủy quyền cùng liên đới chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nội dung ủy quyền. Trường hợp không có người được ủy quyền và không rơi vào trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, phụ trách quản lý chung hoạt động của Hội đồng quản trị và trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực thuộc quyền hạn của Hội đồng quản trị.

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.

d) Tổ chức việc lấy ý kiến, thông qua, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

đ) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.

f) Ký ban hành (khi Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt) và giám sát thực hiện quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

g) Phân công và giám sát các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ thuộc quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

h) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị khi đã được Hội đồng quản trị thông qua; ký các văn bản thuộc thẩm quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị.

i) Chỉ đạo Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị thực hiện các nội dung công việc đã được HĐQT ra nghị quyết, quyết định; triển khai nhiệm vụ theo thẩm quyền.

k) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị.

m) Quyền hạn và nghĩa vụ khác theo qui định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Phó chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình mà không có ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị cụ thể.

2. Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.

3. Chỉ đạo Tổng giám đốc, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị thực hiện các nội dung công việc đã được HĐQT ra nghị quyết, quyết định; triển khai các công việc theo lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

4. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này.

b) Có đơn từ nhiệm và được chấp thuận.

c) Vi phạm pháp luật, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Tổng công ty; thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Cách thức đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 3 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.

2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 3 điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty;
- f) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý của Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Tổng công ty.

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu phát hành của Tổng công ty, trừ trường hợp Tổng công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.

e) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng.

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật (Tỷ lệ cụ thể được quy định trong Quy chế quản lý tài chính Tổng công ty).

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

h) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản hoặc có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu, hoặc dưới 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Tổng giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính riêng quý hoặc năm của Tổng công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định đầu tư.

i) Quyết định các nội dung khác theo phân cấp tại các quy chế nội bộ của Tổng công ty.

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương và các quyền lợi khác... đối với Tổng giám đốc và các chức danh: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các Ban, Chánh văn phòng, Chánh văn phòng Đảng, Đoàn, Người phụ trách quản trị Tổng công ty, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện Tổng công ty; Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên tại các công ty TNHH một thành viên. Cử, cử lại, cho thôi người đại diện phần vốn của Tổng công ty, giới thiệu giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý; tham dự đại hội đồng cổ đông và các hoạt động tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty (công ty cổ phần và công ty TNHH 2 thành viên trở lên); quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đề cử người tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhưng không phải là người đại diện vốn của Tổng công ty tại các công ty cổ phần.

Đối với các Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty là chủ sở hữu: Có ý kiến trước khi HĐTV hoặc Chủ tịch công ty quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc/Kế toán trưởng trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc.

Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh: Phó các Ban, Phó Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng Đảng, Đoàn Tổng công ty, Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó Trưởng văn phòng đại diện Tổng công ty.

Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh: Phó các Ban, Phó Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng Đảng, Đoàn, Phó Giám đốc Chi nhánh, Phó Trưởng văn phòng đại diện Tổng công ty.

l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty.

m) Quyết định cơ cấu tổ chức; quyết định thang bảng lương; quyết định quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty (trong đó tối thiểu phải có các quy chế sau: Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế quản lý tài chính; Quy chế trả lương, thù lao và thưởng; Quy chế quản lý vốn và người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác,...); quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, phê duyệt Điều lệ hoặc quy chế hoạt động của các tổ chức này; quyết định việc góp vốn, thoái vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết.

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty.

r) Chỉ đạo các Chi nhánh, Công ty TNHH Một thành viên và Nhóm đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

s) Cho ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc khi Tổng giám đốc xin ý kiến.

t) Quyết định ban hành “Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị”, “Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty” sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội cổ đông hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ.

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

d) Khi cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức trong trường hợp Tổng công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.

e) Khi cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông mà Tổng công ty và tổ chức (trừ trường hợp tổ chức là cổ đông của Tổng công ty theo định tại khoản 2 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế.

2. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Trường hợp dưới 35% thực hiện theo Quy chế tài chính của Tổng công ty. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hàng quý hoặc ngắn hơn một quý theo yêu cầu nhiệm vụ của HĐQT hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có đủ số thành viên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định, không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có 4/5 (bốn phần năm) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 11 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 10 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần

thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 4/5 (bốn phần năm) số thành viên dự họp tán thành.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 17. Lấy ý kiến HĐQT

1. Để kịp thời giải quyết các công việc của Tổng công ty, HĐQT lấy ý kiến để thống nhất; quyết định; nghị quyết các công việc mà không tổ chức cuộc họp.

2. Trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc và các tổ chức cá nhân có liên quan Chủ tịch HĐQT xem xét để lấy ý kiến các thành viên HĐQT thống nhất; quyết định; nghị quyết các nội dung công việc theo thẩm quyền.

3. Chủ tịch HĐQT tổng hợp các ý kiến của các thành viên HĐQT để thống nhất; quyết định; nghị quyết các nội dung công việc; các thành viên HĐQT cho ý kiến chậm nhất trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu xin ý kiến; ý kiến của các thành viên HĐQT phải được thể hiện tán thành hoặc không tán thành; Quyết định được thông qua khi được ít nhất 4/5 (bốn phần năm) số thành viên tán thành.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo điều 40 Điều lệ Tổng công ty.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính (phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông);
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 25 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

4. Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị thực hiện báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo các quy định của Nhà nước, theo Điều 44 Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Thực hiện theo điều 45 Điều lệ Tổng công ty.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC, CÔNG TÁC VÀ BỘ PHẬN THAM MƯU, GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT

1. Chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT được xây dựng theo năm. Chương trình công tác phải thể hiện tổng quát các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của HĐQT trên tất cả các lĩnh vực công tác;

Tại các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường HĐQT họp triển khai chương trình, kế hoạch công tác, các vấn đề HĐQT cần xem xét giải quyết.

2. Căn cứ vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, thành viên HĐQT xây dựng kế hoạch, biện pháp và triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Cuối năm các thành viên HĐQT báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên trong năm.

3. Chủ tịch HĐQT là người phê duyệt, ban hành; chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT, của các thành viên HĐQT. Tùy theo tình hình thực tế Chủ tịch HĐQT có thể điều chỉnh chương trình, kế hoạch hoạt động cho phù hợp.

4. Chương trình, kế hoạch hoạt động được theo dõi, báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện tại phiên họp HĐQT định kỳ hoặc họp bất thường. Hàng năm HĐQT họp đánh giá kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch của HĐQT và đề chương trình kế hoạch của năm tiếp theo.

Điều 23. Tham gia họp, làm việc và đi công tác

1. Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp, làm việc của Tổng công ty và các cơ quan, đơn vị theo giấy mời HĐQT hoặc mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không tham dự được thì cử Phó Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT khác hoặc cử người khác đi họp, trừ trường hợp cơ quan mời họp không chấp nhận người thay thế.

Các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp, làm việc do Tổng công ty và các cơ quan, đơn vị mời các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT chủ động đi công tác theo yêu cầu công việc.

3. Theo yêu cầu công việc Tổng giám đốc chủ động chương trình đi công tác, báo cáo Chủ tịch HĐQT để thực hiện (báo cáo bằng văn bản khi đi công tác trên 01 ngày).

4. Thành viên HĐQT đi công tác theo phân công của Chủ tịch HĐQT và phải báo cáo kết quả công tác với Chủ tịch HĐQT.

5. Ban Thư ký có trách nhiệm thông báo chương trình đi công tác của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, các bộ phận và cá nhân có liên quan để phối hợp và liên hệ công tác.

Điều 24. Người phụ trách quản trị Tổng công ty; bộ phận tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị

1. Người phụ trách quản trị Tổng công ty:

Hội đồng quản trị Tổng công ty xem xét bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm (đồng thời) làm thư ký Tổng công ty và do Hội đồng quản trị Tổng công ty quy định.

a) Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Tổng công ty:

- Có hiểu biết về pháp luật.
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

b) Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông.

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

- Tham dự các cuộc họp.

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty.

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Ban Trợ lý thư ký Tổng công ty: Là bộ phận trực tiếp tham mưu, giúp việc cho HĐQT.

a) Ban Trợ lý thư ký phối hợp với Người phụ trách quản trị Tổng công ty thực hiện các nội dung công việc chính như sau:

- Tham mưu, giúp việc Chủ tịch HĐQT xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động.

- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT.

- Dự thảo Nghị quyết, quyết định và các văn bản chỉ đạo của HĐQT.

- Thực hiện việc lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên HĐQT, tổng hợp và soạn thảo quyết định, văn bản chỉ đạo của HĐQT theo quy định.

- Tiếp nhận đầy đủ và truyền đạt ý kiến chỉ đạo của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các phòng ban và các đơn vị.

- Theo dõi đôn đốc việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

- Rà soát, kiểm tra về thủ tục pháp lý, thể thức các văn bản, hồ sơ trình HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

- Phối hợp với các Ban/Văn phòng/Văn phòng Đảng đoàn nắm vững các nội dung công việc theo nghị quyết, quyết định để báo cáo thường xuyên, đột xuất (khi có yêu cầu) và tham mưu với HĐQT về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Bố trí, sắp xếp lịch và điều kiện làm việc (phối hợp với Văn phòng Tổng công ty) của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT; tham mưu, giúp việc Chủ tịch HĐQT xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động.

- Ban trợ lý – thư ký đồng thời trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng giám đốc. Chức năng nhiệm vụ cụ thể do Tổng giám đốc qui định sau khi được Hội đồng quản trị thống nhất thông qua.

3. Các tiểu ban của HĐQT : Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để phụ trách, giúp việc cho hoạt động của HĐQT về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các vấn đề khác. Hội đồng quản trị sẽ quyết định quyền hạn, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của Tiểu ban.

4. Hội đồng quản trị sử dụng Bộ máy tổ chức và nhân sự của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Nguyên tắc phối hợp công tác

Việc phối hợp công tác của HĐQT, các thành viên HĐQT với các bộ phận, đơn vị và cá nhân có liên quan phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Vì lợi ích chung của Tổng công ty và các cổ đông.
- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định của Tổng công ty.
- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch.
- Tôn trọng, đoàn kết và hợp tác.
- Trách nhiệm, trung thực và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc.

Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin, trao đổi với nhau về những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chung của HĐQT.

2. Khi thực hiện công việc được phân công chính, thành viên HĐQT chuẩn bị và chủ động lấy ý kiến của các thành viên HĐQT được phân công phối hợp. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có những ý kiến khác nhau, không thống

nhất được thi thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị tổ chức họp HĐQT để xem xét, giải quyết.

3. Trường hợp tuy không được phân công phối hợp, nhưng thấy cần thiết các thành viên HĐQT có thể trao đổi, tranh thủ ý kiến để thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Khi có sự thay đổi việc phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên có liên quan có trách nhiệm bàn giao công việc, hồ sơ tài liệu có liên quan. Việc bàn giao phải lập thành văn bản, báo cáo Chủ tịch HĐQT và lưu trữ theo quy định.

Điều 27. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc được quy định cụ thể tại khoản 3 điều 43 Điều lệ Tổng công ty.

Mối quan hệ của HĐQT với Tổng giám đốc là quan hệ thông qua hoạt động: Giám sát - chỉ đạo - hỗ trợ và được quy định như sau:

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT nếu phát hiện có nội dung không có lợi cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, chỉ đạo thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ đạo đó nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình (có thông báo bằng văn bản với HĐQT, Ban kiểm soát) và báo cáo ĐHCĐ xem xét trong phiên họp gần nhất.

2. Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền. HĐQT có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc khi phát hiện và chứng minh các quyết định này trái pháp luật hoặc trái với các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3. Những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT chưa được HĐQT nghị quyết, quyết định, thông qua Tổng giám đốc chủ động chỉ đạo các Ban/Văn phòng/ đơn vị lập hồ sơ, tờ trình để trình HĐQT xem xét quyết định.

Trường hợp có vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định Tổng giám đốc, nhưng Tổng giám đốc thấy cần thiết và xin ý kiến HĐQT (tại cuộc họp hoặc bằng văn bản) thì HĐQT sẽ xem xét cho ý kiến để cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ chung.

Tổng giám đốc chủ động chỉ đạo các Chi nhánh, Công ty TNHH Một thành viên và Nhóm đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty các nội dung công việc theo thẩm quyền.

4. Hội đồng quản trị hỗ trợ các điều kiện thuận lợi, cần thiết để Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Tổng giám đốc thực hiện mọi điều kiện để các thành viên HĐQT hoàn thành nhiệm vụ được phân công và thực hiện được các quyền theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

6. Định kỳ hàng tháng, quý, sáu (06) tháng, năm Tổng giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho HĐQT, cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Khi phát hiện có rủi

ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc uy tín của Tổng công ty, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị để có biện pháp xử lý.

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty, theo yêu cầu của HĐQT.

7. Thời hạn thực hiện công việc của Tổng giám đốc và HĐQT :

a. Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT theo đúng thời hạn, tiến độ mà HĐQT đã quy định tại nghị quyết, quyết định và chỉ đạo đó hoặc tại các văn bản, kết luận khác. Trường hợp không hoàn thành đúng thời hạn, Tổng giám đốc phải có báo cáo, giải trình cụ thể với HĐQT.

b. Khi có tờ trình, hồ sơ của Tổng giám đốc đề nghị giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm Tổng giám đốc trình HĐQT xem xét. HĐQT giải quyết đúng thời hạn qui định tại khoản 3 điều 17 của Quy chế này.

c. Khi có văn bản xin ý kiến của Tổng giám đốc về vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc thì HĐQT xem xét, cho ý kiến trong thời hạn sớm nhất nhưng không quá 05 ngày làm việc.

Điều 28. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát và Ban Kiểm soát được quy định tương ứng tại Điều 49, Điều 51 Điều lệ Tổng công ty. Mối quan hệ công tác của HĐQT với Ban kiểm soát của Tổng công ty được quy định cụ thể như sau:

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Đại diện Ban kiểm soát tham dự cuộc họp của HĐQT đóng góp ý kiến cho HĐQT.

4. Hoạt động của Ban kiểm soát phải tuân thủ pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; không được có hành vi làm trái ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty.

5. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cùng Ban kiểm soát thực hiện quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát theo quy định tại điều 52 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Quan hệ với các tổ chức chính trị và xã hội của Tổng công ty

1. Hội đồng quản trị tôn trọng, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị và xã hội hoạt động theo pháp luật, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của các tổ chức này tại Tổng công ty.

2. Đảng ủy, HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện các quy định của Đảng đối với doanh nghiệp Nhà nước; đồng thời thực hiện các quy định tại Quy chế về mối quan hệ phối hợp công tác giữa Đảng ủy, HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty.

Điều 30. Mối quan hệ với các đơn vị trực thuộc, các tổ chức và cá nhân khác

1. Hội đồng quản trị thực hiện quan hệ với các đơn vị trực thuộc theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ và Quy chế hoạt động của các đơn vị do HĐQT Tổng công ty ban hành.

2. Hội đồng quản trị thực hiện các quan hệ với các tổ chức và cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực, sửa đổi và bổ sung Quy chế

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế cho Quy chế hoạt động của HĐQT ban hành kèm theo Quyết định số 156/QĐ-HĐQT-BTLTK ngày 28/4/2021.

2. Các vấn đề, nội dung liên quan đến hoạt động của HĐQT chưa đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo Điều lệ Tổng công ty và các Quy định khác có liên quan. Trường hợp có những quy định mới của pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty khác với những quy định của Quy chế này thì những quy định mới của pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty đương nhiên được áp dụng.

3. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác; các Ban/Văn phòng/ Văn phòng Đảng đoàn/đơn vị; các bộ phận và cá nhân có liên quan của Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

4. Quy chế này có thể sửa đổi, bổ sung và do Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phí Mạnh Cường



Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v Phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
(sửa đổi, bổ sung lần thứ hai)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP sửa đổi lần thứ hai.

Ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty (sửa đổi lần thứ hai) để phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Nay Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần (sửa đổi lần thứ hai) bao gồm 7 Chương, 24 điều.

(Dự thảo Quy chế kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Mạnh Hùng



Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKS ngày tháng năm 2026 của Ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần sửa đổi lần thứ ba, ban hành tháng tư năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết NQ/ĐHĐCĐ ngày / /2026 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, nhiệm kỳ 2026-2031 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai - với các chương, điều, khoản sau đây:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

1. “Tổng công ty” là Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.
2. “Điều lệ Tổng công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
3. “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
4. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị Tổng công ty.
5. “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát Tổng công ty.

6. “Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)” là thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty.

7. “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc Tổng công ty.

8. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15.

9. Một số từ ngữ có liên quan đến Công ty cổ phần được giải thích theo Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp. Các từ ngữ khác trong Quy chế này được giải nghĩa trong các văn bản pháp luật hiện hành thì có nghĩa như trong văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phân việc, lĩnh vực được phân công của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

3. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp; không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.

4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của Tổng công ty.

5. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại Khoản 2 Điều 49 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể như sau:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.

b) Chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

d) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông

e) Chỉ đạo, triển khai và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo khoản 3,4 Điều 49 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty;

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tinh trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông (Tổng giám đốc có trách nhiệm gửi cho Ban kiểm soát).

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.



8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 46 của Điều lệ Tổng công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty .

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác .

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

24. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

25. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội



đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, Chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ Tổng công ty trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổng công ty;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm do Trưởng Ban kiểm soát triệu tập, số lượng thành viên tham dự họp là đủ tất cả số thành viên Ban kiểm soát. Trưởng họp



cuộc họp được triệu tập theo quy định, không đủ số thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm, cần được làm rõ.

3. Các nội dung khác liên quan đến cuộc họp Ban kiểm soát thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Nhà nước, theo Điều 53 Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban



12-C
TY
NAM
LÂN
THA N

Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mọi quan hệ với Ban điều hành.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành. Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 22. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Các nội dung khác về quan hệ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

Thực hiện theo Quy chế nội bộ và quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty (trong đó có quy định về các mối quan hệ này).

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành.

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần bao gồm 7 Chương, 24 điều và có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp những quy định tại Quy chế này trái với những quy định mới của pháp luật thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty.

Quy chế này có thể sửa đổi bổ sung và do Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Mạnh Hùng



TỔNG CÔNG TY LÂM NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần báo cáo Đại hội về tình hình thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ 5 năm giai đoạn 2021-2025 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Tổng công ty như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP bước vào thực hiện chiến lược, kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn thách thức nhiều hơn. Trong đó có tác động của 4 vấn đề lớn, đó là: 1- Đại dịch Covid-19; 2- Xung đột vũ trang ở Ucraina và khu vực Trung Đông, sự điều chỉnh chính sách thuế của các nước lớn, chiến tranh thương mại; 3- Thiên tai, bão lũ, sạt lở diễn ra với tần suất cao, cường độ mạnh; 4- Sự cạnh tranh công nghệ ngày càng gay gắt.

Năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Giai đoạn 2022-2024, tình hình kinh tế - xã hội chịu ảnh hưởng bởi xung đột chiến tranh Nga - Ukraina và cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn đã đe dọa đến an ninh lương thực, năng lượng toàn cầu; tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm, lạm phát tăng cao, chính phủ các nước thắt chặt chi tiêu, nhu cầu tiêu dùng toàn cầu sụt giảm, các thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Ở trong nước, giá cả các yếu tố đầu vào tăng cao, các thị trường xuất nhập khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp; tình trạng thiếu đơn hàng diễn ra phổ biến; tỉ lệ giải ngân vốn đầu tư công còn chậm.

Năm 2025, Mỹ áp thuế đối ứng với nhiều nước trên thế giới (trong đó, Việt Nam chịu thuế đối ứng là 20%) đã ảnh hưởng lớn đến sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế toàn cầu và làm hoạt động SXKD, ĐTPT của các đơn vị chế biến gỗ xuất khẩu của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, thiên tai lũ lụt, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng (đặc biệt là năm 2024 và 2025) gây thiệt hại nặng nề về tài sản, hạ tầng kinh tế - xã hội nói chung cũng như gây thiệt hại hàng triệu cây giống, hơn 2.000 ha rừng, tài sản khác của các đơn vị thuộc Tổng công ty nói riêng và ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD, ĐTPT trong những năm tiếp theo.

Trong bối cảnh khó khăn đó, nhờ có sự quan tâm, hướng dẫn chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước, Bộ Tài chính, Tập đoàn T&T, sự quyết tâm của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng sự nỗ lực của các đơn vị thành viên và toàn thể CBNV người lao động, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành tốt kế hoạch năm 2025 và

các mục tiêu chiến lược, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được Cơ quan đại diện CSH và Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể:

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 (được cơ quan đại diện CSH, ĐHĐCĐ thông qua)

1.1 Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, ĐTPT năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	% UTH/KH
I	Công ty Mẹ				
1	Kế hoạch SXKD				
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.420	1.557	103%
-	Lợi nhuận sau thuế	"	268	272	102%
-	Tỉ suất LNST/VCSH (ROE)	%	6,8	6,9	102%
-	Tỉ lệ cổ tức	%/VDL	6,6	6,97	106%
2	Kế hoạch Đầu tư phát triển	Tỷ đồng	286	303	105%
-	Đầu tư XD/CB, Dự án	"	56	52	93%
-	Đầu tư tài chính dài hạn	"	230	251	109%
II	Hợp nhất toàn Tổng công ty				
1	Kế hoạch SXKD				
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.231	2.267	102%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	330	331	100%
2	Kế hoạch lâm sinh				
-	Tạo rừng năm 1	ha	2.987	3.946	132%
-	Khai thác rừng	ha	2.757	3.980	144%

* Ghi chú: kết quả thực hiện năm 2025 là kết quả theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán.

❖ Thuyết minh, đánh giá một số chỉ tiêu chính:

- Về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD:

Năm 2025, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn như: Mỹ áp thuế đối ứng đối với Việt Nam đã làm Doanh thu lợi nhuận của các đơn vị CB gỗ sụt giảm; thiên tai bão lụt thường xuyên xảy ra trong 6 tháng cuối năm đã gây thiệt hại cho các đơn vị LN, GLN, ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD năm 2025 và những năm tiếp theo; nhà máy Yamaha Motor Việt Nam (YMVN) phải dừng hoạt động trong tháng 10-11/2025 do lũ lụt làm hư hỏng dây chuyền sản xuất làm Doanh thu, lợi nhuận năm 2025 của YMVN sụt giảm. Tuy nhiên với sự quyết tâm cao của HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CBNV người lao động. Tổng công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu KH được CSH và ĐHĐCĐ giao.

- Về kết quả thực hiện kế hoạch ĐTPT: Năm 2025, Tổng công ty đã và đang đẩy mạnh triển khai 5 Dự án theo KH được duyệt. Giá trị dự kiến giải ngân đến cuối năm 2025 ước đạt 303/286 tỷ đồng, vượt 6% so với KH. Cụ thể như sau:

(1) Dự án "Cải tạo, mở rộng vườn ươm và nuôi cấy mô" tại Công ty LN Hòa Bình - Tổ 7, phường Kỳ Sơn, TP. Hòa Bình: Dự án đã hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 (đã hoàn thành xây dựng và lắp đặt thiết bị dây chuyền công nghệ), đang tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng và thực hiện thanh quyết toán. Đồng thời tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của dự án bao gồm các hạng mục xây dựng mới nhà điều hành, cải tạo sửa chữa nhà mô cũ (nhà bát giác).

(2) Dự án cải tạo, nâng cấp Xưởng CB gỗ - LN Hòa Bình: Tổng công ty đang xem xét phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án. Đồng thời làm việc với đối tác nước ngoài để nghiên cứu hợp tác sản xuất ván dán.

(3) Dự án về CNTT, nâng cấp phần mềm và chuyển đổi số của Tổng công ty: đang làm việc với một số đơn vị tư vấn (VNPT, Viettel...) để triển khai thực hiện.

(4) Các Dự án đầu tư XDCB tại Văn phòng TCT và các Chi nhánh của Công ty Mẹ: đã hoàn thành công tác xây dựng và tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng, đang thực hiện thanh quyết toán.

(5) Dự án tăng VDL cho các đơn vị để mở rộng hoạt động SXKD và ĐTPT: đã giải ngân tăng vốn điều lệ cho 5 đơn vị: LN La Ngà, LN Lộc Bình, LN Đình Lập, GLN Bắc Bộ, VJC Cái Lân trong năm 2025.

* Một số Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ Vinafor Lạng Sơn: Đã thành lập công ty TNHH MTV chế biến gỗ Vinafor Lạng Sơn và đang thực hiện một số thủ tục cần thiết để triển khai Dự án.

1.2 Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, ĐTPT 5 năm giai đoạn 2021-2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 5 năm 2021-2025	TH 5 năm 2021-2025	% TH/KH 5 năm 2021-2025
I	Công ty Mẹ				
1	Kế hoạch SXKD				
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.481	6.821	124%
-	Lợi nhuận trước thuế	"	1.238	1.554	126%
-	Lợi nhuận sau thuế	"	1.188	1.434	121%
-	ROE bình quân	%	6,1	7,2	118%
-	Cổ tức bình quân	%/VDL	6,3	7,5	119%
-	Tổng số lao động BQ/năm	người/năm	>500	468	94%
-	Thu nhập BQ	Tr.đ/ng/thg	14,8	16,6	112%
2	Kế hoạch Đầu tư phát triển	Tỷ đồng			
-	Giá trị ĐTPT bình quân/năm	Tỷ đồng	120-165	97	59-81%
II	Hợp nhất toàn Tổng công ty				
1	Kế hoạch tài chính				
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.360	11.168	108%
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.534	1.875	122%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.452	1.737	120%
2	Kế hoạch lâm sinh				
-	SXKD cây giống	Tr.cây	169	200	118%
-	Tạo rừng năm 1	ha	14.958	16.032	107%
-	Khai thác rừng	ha	14.533	16.584	114%

Ghi chú:

- Số liệu Chiến lược, KH 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được Cơ quan đại diện Chủ sở hữu thông qua tại văn bản số 2883/UBQLV-NN ngày 29/12/2023 và được ĐHDCTD thông qua tại Nghị quyết số 244/NQ/ĐHDCTD ngày 28/06/2024.

- Kết quả thực hiện SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025 căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giai đoạn 2021-2025 đã kiểm toán của Tổng công ty

❖ Thuyết minh, đánh giá một số chỉ tiêu chính:

- Về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025

+ Tổng doanh thu hợp nhất giai đoạn 2021-2025 đạt 11.168/10.360 tỷ đồng, vượt 8% KH. Trong đó, Công ty Mẹ đạt 6.821/5.481 tỷ đồng, vượt 24% KH.

+ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn Tổng công ty đạt 1.875/1.534 tỷ đồng, vượt 22% KH. Trong đó, Công ty Mẹ đạt 1.554/1.238 tỷ đồng, vượt 26% KH.

+ Giá trị đầu tư phát triển bình quân hàng năm của Công ty Mẹ đạt 97/(120-165) tỷ đồng, đạt 58-81% KH.

+ Tổng số lao động bình quân người lao động của Công ty Mẹ đạt 468/500 người/năm, đạt 94% KH.

+ Thu nhập bình quân hàng năm người lao động của Công ty Mẹ khoảng 16,6/14,8 tr.đồng/người/tháng, tăng 12% so với KH.

Đánh giá chung: Về cơ bản, Tổng công ty đã hoàn thành và vượt mục tiêu chiến lược, KH 5 năm giai đoạn 2021-2025 được CSH và ĐHĐCĐ giao, chỉ tiêu lao động bình quân giảm 6% nhưng thu nhập bình quân tăng 12% so với KH 5 năm do Tổng công ty đã thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Về kết quả thực hiện kế hoạch ĐTPT 5 năm giai đoạn 2021-2025

Theo kế hoạch ĐTPT 5 năm đến 2025 được 2 Chủ sở hữu và ĐHĐCĐ thông qua, giá trị ĐTPT bình quân của Công ty Mẹ giai đoạn 2021-2025 là 120-165 tỷ đồng.

Đến cuối năm 2025, giá trị giải ngân ĐTPT giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 486 tỷ đồng (bình quân hàng năm ước đạt 97 tỷ đồng), đạt 59-81% KH do còn gặp một số khó khăn vướng mắc như sau:

(1) Vướng mắc về điều chỉnh quy hoạch đất đai tại một số tỉnh/thành (như Đà Nẵng, Bắc Ninh, Gia Lai...);

(2) Bối cảnh kinh tế - xã hội không thuận lợi (Đại dịch Covid-19, xung đột chiến tranh, chính sách bảo hộ của các nước lớn làm kinh tế toàn cầu phục hồi chậm...) nên cần đánh giá lại hiệu quả đầu tư của một số Dự án.

2. Về tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 và 5 năm giai đoạn 2021-2025:

2.1 Về công tác triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025 và 5 năm giai đoạn 2021-2025, xây dựng kế hoạch năm 2026.

- Trong năm 2025, Tổng công ty đã hướng dẫn chỉ đạo các đơn vị: xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, tiến độ kế hoạch... để tổ chức triển khai thực hiện. Hàng tháng tổ chức họp HĐQT, giao ban định kỳ để đánh giá tình hình thực hiện, kịp thời hướng dẫn chỉ đạo các đơn vị tháo gỡ, khắc phục khó khăn... Nhờ đó, Công ty Mẹ cơ bản hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong đó, nhiều đơn vị hoàn thành và vượt KH được TCT giao. Tuy nhiên cũng có một số đơn vị do ảnh hưởng bởi chính sách thuế đối ứng của Mỹ, thiệt hại bão lụt trong quý III và quý IV/2025 nên chưa hoàn thành được KH đề ra như MDF Vinafor Gia Lai, Vinafor Sài Gòn, Cẩm Hà, LN Hà Tĩnh, Giống LN vùng Nam Trung Bộ, Yamaha Motor Việt Nam, ... đã ảnh hưởng đến chỉ tiêu hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty.

- Về kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025: Tổng công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được Cơ quan đại diện chủ sở hữu và ĐHĐCĐ giao. Các chỉ tiêu đều đạt và vượt KH đề ra.

- Hoàn thành việc XDKH 2026 và giao KH cho các đơn vị thành viên, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Tài chính và phù hợp với tình hình thực tế.

- Hoàn thành việc xây dựng Chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định tại Luật 68, Nghị định 366 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về mục tiêu tăng trưởng từ 10% trở lên; Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia, Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030, định hướng sau năm 2030 của Tổng công ty.

2.2 Về việc triển khai chiến lược phát triển đến 2030, tầm nhìn 2035 (Chiến lược) của Tổng công ty trong giai đoạn 2021-2025:

Ngay sau khi Chiến lược được ĐHCĐ Tổng công ty năm 2024 thông qua. Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 254/NQ-HĐQT ngày 03/7/2024 phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong HĐQT đề hướng dẫn chỉ đạo triển khai thực hiện chiến lược.

Ban điều hành Tổng công ty cũng đã: (1) ban hành Thông báo số 1194 TB/TCT-KHĐT ngày 19/9/2024 phân công nhiệm vụ cho các ban/VP/bộ phận kinh doanh, các đơn vị trực thuộc và người đại diện theo ủy quyền của TCT tại các doanh nghiệp khác triển khai thực hiện các nhiệm vụ Chiến lược phát triển TCT; (2) hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thành viên xây dựng kế hoạch SXKD, ĐTPT và nhiệm vụ trọng tâm 5 năm giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 tại văn bản số 1420/TCT-KHĐT ngày 05/11/2024.

Kết quả đạt được: (1) Theo báo cáo của các đơn vị gửi về đến nay, Tổng công ty cơ bản hoàn thành và vượt các mục tiêu chiến lược, kế hoạch 5 năm 2021-2025; (2) Đã hướng dẫn các đơn vị thành viên xây dựng KH 5 năm giai đoạn 2026-2030 và tổ chức rà soát, thẩm định. Kết quả ban đầu cho thấy về cơ bản các đơn vị đã xây dựng KH 5 năm phù hợp với định hướng, mục tiêu Chiến lược giai đoạn 2026-2030 và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và định hướng sau năm 2030 của Tổng công ty.

2.3 Về phát triển lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp.

- Về công tác sản xuất kinh doanh cây giống chất lượng cao:

+ Đã thực hiện cải tạo, mở rộng các trạm sản xuất giống, vườn ươm tại: các đơn vị lâm nghiệp như Hòa Bình, Thái Nguyên, Đông Bắc, Đình Lập, Ba Tơ; các đơn vị Giống lâm nghiệp như GLN vùng Đông Bắc, GLN vùng Nam Bộ, GLN vùng Bắc Trung Bộ... và tăng cường sản xuất cây giống bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào để tạo ra cây giống chất lượng cao.

+ Đã hoàn thành Dự án "Cải tạo, mở rộng vườn ươm và nuôi cấy mô" tại Công ty LN Hòa Bình (giai đoạn 1) với công suất thiết kế là 17 triệu cây giống/năm để đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ cây giống chất lượng cao từ năm 2026.

+ Đã trồng thí điểm 70 giống keo và bạch đàn mới và lựa chọn được 10 giống trồng đại trà phù hợp với từng vùng sinh thái.

Nhờ đó, sản lượng sản xuất tiêu thụ cây giống chất lượng cao của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 đã hoàn thành và vượt 16% KH 5 năm, tăng trưởng 45% so với giai đoạn 2016-2020, có thương hiệu uy tín và chiếm thị phần lớn trên thị trường cả nước.

- Về công tác tạo rừng:

+ Đã thực hiện rà soát lại các hợp đồng giao khoán, tăng diện tích rừng tự thực hiện, giảm diện tích rừng khoán hộ; tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, BVR như: cơ giới hóa một số công đoạn trồng, chăm sóc và khai thác rừng; số hóa bản đồ để quản lý rừng và đất rừng...

+ Đẩy mạnh đầu tư trồng rừng thâm canh cao, tập trung phát triển trồng cây gỗ lớn, chuyển đổi trồng cây đa mục đích (*dẻ, mắc ca, hồi, quế, sớ, ...*) tại một số khu vực có điều kiện lập địa phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, mang lại giá trị gia tăng cao.

Nhờ đó, năng suất và chất lượng rừng giai đoạn 2021-2025 được cải thiện đáng kể, sản lượng rừng chu kỳ 7 năm bình quân đạt khoảng 95-110 m³/ha, tăng khoảng 30% so với giai đoạn trước (trước đây chỉ đạt bình quân 70-90 m³/ha). Giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã tạo mới khoảng 16.032 ha rừng, trong đó đã trồng thêm được 1.034 ha rừng trồng gỗ lớn (keo lá tràm, thông...); 201 ha rừng cây đa mục đích.

- Về khai thác gỗ rừng trồng: giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty khai thác được khoảng 16.584 ha (Bình quân mỗi năm khai thác khoảng hơn 3.000 ha), cung ứng cho ngành chế biến gỗ trong nước khoảng 1,25-1,5 triệu m³ gỗ từ rừng trồng (bình quân khoảng 250.000-300.000 m³ gỗ/năm).

- Về công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp:

+ Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh công tác thu hồi đất lấn chiếm và chống lấn chiếm mới. Giai đoạn 2021-2025, các đơn vị thu hồi được khoảng 2.453 ha để đưa vào sử dụng đúng mục đích (trong đó, năm 2025 thu hồi được 384/519ha, đạt 74% KH). Công tác thu hồi đất bị lấn chiếm còn chậm do nhiều khó khăn vướng mắc lịch sử để lại, các hộ lấn chiếm không hợp tác giải quyết, một số chính quyền địa phương còn chưa thực sự vào cuộc để xử lý triệt để tình trạng lấn chiếm đất đai.

+ Về đo đạc, cắm mốc, thuê đất, cấp GCNQSD đất: Đến cuối năm 2024, Tổng công ty đã hoàn thành đo đạc, cắm mốc đối với 44.819 ha/46.840 ha giữ lại sử dụng; đạt 96%; Năm 2025, Tổng công ty tiếp tục chỉ đạo các đơn vị làm việc với chính quyền địa phương các cấp và các bên có liên quan để triển khai thực hiện công tác đo đạc, cắm mốc diện tích còn lại tại một số đơn vị lâm nghiệp còn dở dang (Công ty LN Lộc Bình, Thái Nguyên, Hòa Bình,...) và bám sát cơ quan chức năng của tỉnh để sớm được phê duyệt Phương án sử dụng đất. Công tác đo đạc, cắm mốc còn gặp nhiều khó khăn do một số hộ dân lấn chiếm không ký giáp ranh, không hợp tác để giải quyết.

+ Về việc miễn, giảm tiền thuê đất: Đã được miễn, giảm 32.799 ha/33.772 ha; đạt 97% diện tích được thuê đất; còn lại 972 ha đang phải nộp toàn bộ tiền thuê đất do hết hạn miễn, giảm hoặc chưa được miễn, giảm. Tổng công ty tiếp tục chỉ đạo các đơn vị bám sát chính quyền địa phương để hoàn tất thủ tục xin miễn, giảm tiền thuê đất theo đúng quy định.

+ Về xử lý rừng giữ hộ nhà nước tại các Công ty CP Giống LN: đến nay đã có 04 văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trong thời gian tới Tổng công ty sẽ tiếp tục gửi văn bản lên Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Tài chính.

- Về xây dựng Đề án kinh doanh tín chỉ Các bon: Đã hoàn thành Đề cương Đề án sơ bộ về phát triển, kinh doanh tín chỉ các-bon rừng và được HĐQT thông qua. Đề án chi tiết hiện đang được xây dựng song song với việc hành lang pháp lý của Việt Nam dần được hình thành. Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị đánh giá tình hình sinh trưởng rừng trồng keo lá tràm để làm cơ sở triển khai trồng mở rộng tại các đơn vị có điều kiện sinh thái phù hợp, từ đó quy hoạch diện tích kéo dài chu kỳ kinh doanh tạo tín chỉ các-bon rừng. Khi có đủ cơ sở pháp lý, Tổng công ty sẽ hoàn thiện đề án chi tiết để trình các cấp có thẩm quyền xét duyệt.

2.4 Về phát triển lĩnh vực chế biến gỗ

- Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị chế biến gỗ xuất khẩu: nghiên cứu cải tạo mở rộng nhà xưởng, đẩy mạnh ứng dụng/đổi mới khoa học công nghệ, nâng cấp máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa cao trong sản xuất nhằm giảm phụ thuộc vào nhân công lao động trực tiếp để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm giá thành và tạo ra sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (tiêu biểu như Công ty CP Cẩm Hà); tiếp tục chỉ đạo các đơn vị LN Hòa Bình, LN La Ngà, LN Đình Lập... đầu tư mở rộng nhà xưởng, nâng cấp MMTB để khôi phục và phát triển hoạt động chế biến sơ gấn với vùng nguyên liệu, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận cho các đơn vị LN; nghiên cứu Dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ Vinafor Lạng Sơn tại Cụm CN Đình Lập, Lạng Sơn để tiếp tục mở rộng, phát triển lĩnh

vực chế biến gỗ mang lại GTGT cao và tăng doanh thu lợi nhuận cho Tổng công ty trong những năm tới.

Tuy nhiên do ảnh hưởng của xung đột chiến tranh, Chính phủ các nước thắt chặt chi tiêu, nhu cầu thị trường toàn cầu sụt giảm cùng với chính sách bảo hộ, phòng vệ thương mại các nước lớn, rủi ro tài chính gia tăng. Đặc biệt là Mỹ áp thuế đối ứng với nhiều nước trên thế giới trong năm 2025 (trong đó có Việt Nam) đã làm cho các đơn vị chế biến xuất khẩu của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn. Số lượng đơn hàng, doanh thu lợi nhuận sụt giảm khoảng 30-40% so với những năm trước.

2.5 Về mở rộng phát triển lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ và xúc tiến thương mại

- Về hoạt động kinh doanh thương mại: Trong giai đoạn 2021-2025, mặc dù thị trường có nhiều biến động và nhu cầu sụt giảm nhưng Tổng công ty đã thường xuyên bám sát tình hình thị trường để điều chỉnh chiến lược, phương án kinh doanh phù hợp nên hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ của Tổng công ty được duy trì ổn định và có sự tăng trưởng tốt so với giai đoạn 2016-2020. Cụ thể:

Tổng công ty đã hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm, xử lý tồn kho, cung ứng gỗ nguyên liệu, góp phần ổn định và phát triển sản xuất; đồng thời tích cực tìm kiếm cơ hội hợp tác trong và ngoài nước, tạo tiền đề cho giai đoạn 2026-2030. Đối với lĩnh vực kinh doanh, Tổng công ty tiếp tục khẳng định uy tín thương hiệu, là nhà cung cấp gỗ nguyên liệu tin cậy; mở rộng kênh bán hàng trực tiếp đến các nhà máy nhằm đa dạng hóa khách hàng và giảm thiểu rủi ro. Giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã cung ứng khoảng 52.000 m³ gỗ nhập khẩu, 626.000 tấn dăm gỗ khô, 52.000 tấn viên nén cho các đơn vị xuất khẩu và 73.000 tấn gỗ nguyên liệu cho các đơn vị chế xuất trong Tổng công ty. Doanh thu bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 550 tỷ đồng/năm, tăng 87% so với giai đoạn 2016-2020; riêng năm 2025, doanh thu đạt 740 tỷ đồng, vượt 5% KH năm, lợi nhuận gộp đạt 9,4 tỷ đồng, vượt 38% KH năm.

- Về hoạt động kinh doanh dịch vụ: Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác phòng chống dịch và chăm sóc khách hàng nên doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động cho thuê mặt bằng, văn phòng và cung cấp dịch vụ vẫn được duy trì ổn định.

- Về hoạt động xúc tiến thương mại: Năm 2025, Tổng công ty đã tham gia các sự kiện lớn như Q-Fair 2025, Hội chợ mùa thu 2025..., qua đó đã từng bước nâng cao hình ảnh thương hiệu Vinafor với các đối tác, khách hàng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, gắn với phát triển bền vững; uy tín, vị thế doanh nghiệp đầu ngành lâm nghiệp tiếp tục được củng cố và phát triển, mở ra nhiều cơ hội hợp tác trong nước và quốc tế.

2.6 Về đẩy mạnh các hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác quốc tế

- Tổng công ty tiếp tục duy trì và tăng cường phối hợp chặt chẽ với các đối tác liên doanh truyền thống như Tập đoàn Yamaha-Nhật Bản, Tập đoàn Sojitz-Nhật Bản, Tập đoàn KHI-Hồng Kông trong việc hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ hoạt động SXKD tại các công ty liên doanh. Nhờ đó, các liên doanh luôn hoạt động có hiệu quả và đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tổng công ty.

- Bên cạnh đó, Tổng công ty đã tích cực tìm kiếm và mở rộng quan hệ hợp tác liên doanh với các đối tác mới ở trong và ngoài nước để nghiên cứu thành lập các liên doanh mới, nghiên cứu đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến gỗ như:

+ Hợp tác liên doanh với Công ty Hoàng Đại Vương thực hiện Dự án xây dựng nhà máy chế biến viên nén gỗ xuất khẩu tại KCN Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (nay thuộc TP. Hồ Chí Minh). Hiện nhà máy cơ bản hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và chuẩn bị đưa vào hoạt động từ năm 2026; tiếp tục nghiên cứu hợp tác đầu tư Dự án

xây dựng nhà máy chế biến viên nén gỗ xuất khẩu tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang cũ (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh);

+ Hợp tác liên doanh với Tập đoàn Sojitz-Nhật Bản mua lại Nhà máy chế biến gỗ Đông Bắc tại Quảng Ninh để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty Vijachip Cái Lân (Công ty LD giữa Vinafor và Tập đoàn Sojitz-Nhật Bản), năm 2025 đã hoàn tất các thủ tục mua lại nhà máy, hiện đang sắp xếp, tổ chức lại để đưa vào hoạt động; nghiên cứu triển khai Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến viên nén gỗ xuất khẩu tại Công ty TNHH nguyên liệu giấy Vijachip Đà Nẵng, TP Đà Nẵng.

+ Làm việc với tỉnh Điện Biên và một số địa bàn khác nghiên cứu triển khai Dự án kinh doanh tín chỉ Các-bon rừng.

2.7 Về công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất phi nông nghiệp

Giai đoạn 2021-2024, Tổng công ty đã phối hợp với Ủy ban và Bộ Tài chính thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định 167/NĐ-CP và 67/NĐ-CP.

Năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 03/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 01/01/2025 và thay thế cho Nghị định 167/NĐ-CP và 67/NĐ-CP), Tổng công ty không thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Do đó, Tổng công ty tiếp tục quản lý sử dụng các cơ sở nhà đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Đất đai, pháp luật khác có liên quan; tiếp tục chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện hồ sơ pháp lý, sử dụng đất đúng mục đích và có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

2.8 Về sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp theo Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025

- Tổng công ty đã thực hiện việc chuyển đổi các Phòng thành các Ban chuyên môn thuộc Cơ quan Tổng công ty; Kiện toàn tổ chức sắp xếp nhân sự tại các đơn vị khác theo đúng chức năng nhiệm vụ để tối ưu hóa nguồn nhân lực nội bộ.

- Góp vốn thành lập mới Công ty: Thành lập Công ty TNHH Năng lượng tái tạo Uni - Vinafor Châu Đức (Unifor) tại Bà Rịa - Vũng Tàu trên cơ sở hợp tác đầu tư liên doanh giữa Tổng công ty và Công ty Hoàng Đại Vương để phát triển sản phẩm mới viên nén gỗ năng lượng.

- Về tăng vốn điều lệ/đầu tư góp vốn hợp tác liên doanh tại một số đơn vị: Công ty LN Ba Tơ; Công ty CP Cẩm Hà; Công ty hợp tác lao động và dịch vụ Vinafor, Vijachip Cái Lân, Unifor Châu Đức... để mở rộng hoạt động SXKD và đầu tư phát triển theo Đề án được duyệt (đã báo cáo và được 2 cổ đông lớn chấp thuận). Tổng giá trị giải ngân khoảng 112,5 tỷ đồng.

- Về công tác thoái vốn: Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty triển khai thoái vốn theo Kế hoạch thoái vốn theo Đề án và kế hoạch thoái vốn hàng năm được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt. Quá trình triển khai thoái vốn được thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

+ Giai đoạn 2021-2025 Tổng công ty đã thoái vốn thành công tại 04/20 đơn vị, trong đó năm 2025 thoái 02 đơn vị (Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên, Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp Trung Ương).

+ Đã định giá, tổ chức bán đấu giá 02 đơn vị (Vinafor Quảng Trị, Công ty CP Kon Hà Nừng) nhưng không thành công do không có nhà đầu tư quan tâm.

+ Đã hoàn thành định giá và đang triển khai bán đấu giá 05 đơn vị; Đang thực hiện định giá 02 đơn vị.

+ Đối với 07 đơn vị còn lại chưa triển khai: Do tình hình thị trường chưa thuận lợi, doanh nghiệp tiếp tục hoạt động có hiệu quả, có lợi nhuận hoặc đang trong giai đoạn cơ cấu lại nhằm khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về công tác giám sát tài chính/giám sát đặc biệt: Tổng công ty xây dựng và triển khai Kế hoạch giám sát tài chính năm, kế hoạch giám sát tài chính đặc biệt. Kết quả giám sát cho thấy các đơn vị cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính. Một số đơn vị có dấu hiệu mất an toàn tài chính, thua lỗ được Tổng công ty nâng lên mức giám sát đặc biệt, qua đó có đơn vị đã khôi phục lại hoạt động, nâng cao hiệu quả SXKD (như Công ty LN Đông Bắc), tuy nhiên vẫn còn có đơn vị gặp khó khăn do yếu tố thị trường (Công ty CP L&S&XNK Hà Tĩnh).

* **Về thực hiện những nội dung liên quan đến chuyển đổi chủ sở hữu vốn nhà nước:** Tổng công ty đã phối hợp chặt chẽ với các Vụ chức năng thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (UBQLV) và Bộ Tài chính hoàn thành việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty từ UBQLV về Bộ Tài chính theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, không để xảy ra sai sót.

* **Về hiệu quả các khoản đầu tư tài chính trong giai đoạn 2021-2025:** Giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã tập trung đầu tư vốn để mở rộng và phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, không thực hiện đầu tư ngoài ngành; tăng cường, đẩy mạnh công tác quản lý vốn tại các đơn vị có vốn góp; giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn và năng lực của người đại diện. Kết quả: hầu hết các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty hoạt động có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

* **Về xử lý các tồn tại về tài chính:** Tổng công ty đã tích cực thực hiện đối chiếu công nợ, đơn đốc, thu hồi công nợ với các đối tượng nợ phải thu khó đòi; quản lý tốt các công ty có vốn góp và giảm thiểu rủi ro giảm giá trị hàng tồn kho. Tổng công ty đã trích lập đầy đủ và đúng quy định của pháp luật dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất về đầu tư tài chính... Tỷ lệ số dư các loại dự phòng tính trên tổng giá trị tài sản 2021 - 2025 là 2,65% (Công ty mẹ) và 1,11% (Hợp nhất).

2.9 Về công tác quản trị, tổ chức cán bộ, chế độ chính sách đối với người lao động

- **Về công tác quản trị:** Tổng công ty đã thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty để phù hợp với quy định của Pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý minh bạch, hiệu quả, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới 64 quy chế, quy định nội bộ. Trong đó đã xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ năm 2021 phù hợp với các quy định của Pháp luật về Doanh nghiệp Nhà nước.

- **Công tác tổ chức cán bộ:** Tổng công ty đã triển khai rà soát, sắp xếp các bộ phận chuyên môn và các đơn vị thành viên; trong đó tập trung chuyển đổi các Phòng thành các Ban chuyên môn, thành lập mới Văn phòng Đảng đoàn; triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của các đơn vị thành viên đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

Năm 2025, Tổng công ty đã báo cáo, đề nghị Bộ Tài chính đánh giá, xếp loại năm 2024 đối với Nhóm đại diện vốn nhà nước; tổng kết, đánh giá đối với người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác; triển khai, báo cáo kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch người đại diện vốn nhà nước giữ chức danh quản lý tại Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031; triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/Phó các Ban/văn phòng tại cơ quan Tổng công ty và cán bộ giữ chức danh lãnh đạo quản lý tại các đơn vị nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031...

- Về phát triển nguồn nhân lực: Tổng công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Lãnh đạo, CBNV tại Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị thành viên; tuyển dụng nhân sự có chất lượng để bổ sung, kiện toàn một số ban chuyên môn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo yêu cầu công việc và kế hoạch được duyệt...

Tiếp tục hợp tác với một số Trường Đại học Lâm nghiệp trên cả nước để tuyển chọn nguồn nhân lực có chất lượng cao vào làm việc tại các đơn vị lâm nghiệp của Tổng công ty.

- Thực hiện đầy đủ và đúng qui định về chế độ chính sách đối với CBNV tại Cơ quan Tổng công ty.

2.10 Về tăng cường công tác kiểm tra giám sát và thực thi pháp luật

- Về thực hiện Kết luận số 1452/KL-TTCTP của Thanh tra Chính phủ; kiến nghị của Kiểm toán nhà nước:

+ Ngay sau khi nhận được Kết luận của Thanh tra Chính phủ, Tổng công ty đã làm việc trực tiếp với nhiều cơ quan liên quan để triển khai Kết luận thanh tra và đồng thời đã nghiêm túc thực hiện các nội dung được nêu tại Kết luận của Thanh tra Chính phủ và đạt được kết quả nhất định. Theo Biên bản làm việc ngày 08/3/2023 giữa Tổ kiểm tra và Tổng công ty, Tổ kiểm tra đã có ý kiến như sau: “Qua kiểm tra hồ sơ, Vinafor đã nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kết luận thanh tra”.

Đến nay, kết quả thực hiện và khó khăn vướng mắc được Tổng công ty đã thường xuyên báo cáo Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính định kỳ 6 tháng/lần, trong đó nổi cộm là công tác đo đạc, cắm mốc, cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất nông nghiệp đến nay chưa hoàn thành do việc hoàn thiện hồ sơ đo đạc, thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất phụ thuộc vào thời gian giải quyết của các cơ quan chức năng của Tỉnh và chính quyền địa phương.

+ Về thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước: Ngày 15/12/2023, Kiểm toán nhà nước khu vực I đã có văn bản số 1070/KVI-TH gửi báo cáo kiểm tra về việc thực hiện kiến nghị kiểm toán của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP, theo đó Kiểm toán nhà nước đánh giá: “Tổng công ty cơ bản đã thực hiện các nội dung kết luận và kiến nghị của KTNN; đã tích cực trong công tác chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị được kiểm toán thực hiện kiến nghị và KL của KTNN”. Định kỳ, Tổng công ty đều có báo cáo gửi Kiểm toán nhà nước, Ủy ban về việc tình hình thực hiện Kết luận của Kiểm toán nhà nước.

- Về tăng cường công tác kiểm tra giám sát và thực thi pháp luật tại các đơn vị thành viên:

Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty hàng năm đã xây dựng và triển khai tốt kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ tại các đơn vị. Riêng trong năm 2025, Tổng công ty đã thực hiện kiểm tra, kiểm toán nội bộ trực tiếp theo kế hoạch số 17/HĐQT-BPC&KSNB ngày 04/02/2025 tại 06 đơn vị trực thuộc (Vinafor Sài Gòn, LN Thái Nguyên, GLN vùng Bắc Bộ, GLN vùng Đông Bắc, LN La Ngà, kiểm toán nội bộ theo chuyên đề tại Văn phòng Tổng công ty và các Chi nhánh). Giám sát đặc biệt tại Công ty CP LĐS&XNK Hà Tĩnh, Công ty CP Vinafor Đà Nẵng; Thực hiện giám sát các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty thông qua các báo cáo tháng, thường kỳ, đột xuất của các đơn vị... để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các quy định của Tổng công ty và pháp luật hiện hành, quản lý, sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty tại các Công ty con.

Kết quả: Về cơ bản, các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán nội bộ đều tuân thủ các quy định của Pháp luật; quy định của Tổng công ty; Điều lệ, nội quy, quy định của Công ty,

chưa phát hiện hành vi vi phạm pháp luật... Tuy nhiên vẫn còn một số sai sót không trọng yếu. Tổng công ty đã kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo đơn vị để khắc phục.

2.11 Về đổi mới sáng tạo, ứng dụng KHCN và chuyển đổi số

Giai đoạn 2021-2025 Tổng công ty đã đưa vào vận hành phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (VNPT iOffice); hệ thống chấm công, điểm danh bằng nhận diện khuôn mặt (AI); triển khai đồng bộ phần mềm kế toán tài chính (Fast Accounting); lắp đặt hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối Tổng công ty với các đơn vị thành viên...

Trong đó năm 2025, Tổng công ty đã bước đầu tự nghiên cứu nền tảng xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý sản xuất kinh doanh lâm nghiệp (gồm quản lý bản đồ, số liệu, tài liệu liên quan) về: pháp lý đất đai, kết quả kiểm kê rừng và đất rừng hằng năm,; ký hợp đồng và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý nhân sự HRM nhằm đảm bảo công tác quản lý nhân sự tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên một cách đồng bộ, thống nhất; làm việc với các đơn vị tư vấn (VNPT, Viettel,...) để lập kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số áp dụng vào hoạt động quản lý điều hành của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

2.12 Về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng

Tổng công ty đã triển khai quán triệt nhiều văn bản quan trọng của Trung ương và Đảng ủy cấp trên về công tác phòng chống tham nhũng tiêu cực, thực hành tiết kiệm chống lãng phí đến tổ chức đảng, đảng viên và người lao động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, người lao động trong phòng, chống lãng phí; thành lập Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Hàng năm Tổng công ty đều ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, đồng thời có các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các Ban, các đơn vị triển khai thực hiện và báo cáo định kỳ về việc thực hiện công tác PCTNLPTC.

Năm 2025, Tổng công ty đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực số 21/KH-HĐQT-BCĐPCTNLPTC ngày 07/2/2025, Văn bản số 37/TCT-PC&KSNB ngày 14/1/2025 Triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; hàng quý tổng kết, báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gửi Ban Nội chính TW. Qua công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty và đơn vị chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm các quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tổng công ty đã chỉ đạo thực hiện công khai minh bạch trong các hoạt động cụ thể như: Công khai tài chính, thực hiện đấu giá chào giá cạnh tranh công khai minh bạch trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư, thoái vốn, mua bán tài sản, công tác cán bộ, tuyển dụng lao động, kê khai tài sản, thu nhập theo quy định pháp luật. Tổng công ty rất chú trọng việc chỉ đạo xây dựng, ban hành quy chế, quy định, định mức; sử dụng các nguồn lực đúng mục đích và có hiệu quả.

Cán bộ, người lao động Tổng công ty luôn chấp hành tốt công tác thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng điện, nước văn phòng phẩm tiết kiệm, hiệu quả; sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, tắt các nguồn điện của máy móc, thiết bị khi hết giờ làm việc.

2.13 Về triển khai thực hiện Đề án Văn hóa doanh nghiệp, tổ chức kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng công ty

- Tổng công ty đã ban hành đề án Văn hóa doanh nghiệp với phương châm “Đoàn kết – Đổi mới – Sáng tạo – Hiệu quả” và đây được xem như lời kêu gọi toàn thể cán bộ, người lao động luôn giữ tinh thần đoàn kết một lòng xây dựng hình ảnh Tổng công ty gương mẫu, đi đầu, tạo dựng một nền tảng văn hóa doanh nghiệp tốt, trở thành động lực để Tổng công ty vượt qua mọi khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Chủ sở hữu giao.

- Đã tổ chức thành công lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Tổng công ty. Buổi lễ được tổ chức trang trọng, tiết kiệm và để lại nhiều dấu ấn sâu sắc đến các khách mời từ cấp Chính phủ, các bộ/ban/ngành, các doanh nghiệp bạn, chính quyền địa phương có liên quan và toàn thể các thể hệ cán bộ người lao động đã, đang làm việc tại Tổng công ty. Được lãnh đạo Chính phủ, các bộ/ban/ngành cấp trên nghi nhận và đánh giá cao. Lễ kỷ niệm cũng là cơ hội để giới thiệu, quảng bá hình ảnh của Tổng công ty.

2.14 Về nhiệm vụ phát huy vai trò của Doanh nghiệp nhà nước là nòng cốt của nền kinh tế trong việc định hướng, dẫn dắt phát triển lĩnh vực SXLN bền vững, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng.

Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã quan tâm, chỉ đạo các đơn vị LN, GLN trong việc đổi mới khoa học công nghệ, cải tiến quy trình kỹ thuật để đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ các dòng, giống cây chất lượng cao cho thị trường cả nước (đã cung ứng cho Dự án trồng rừng của Tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang...); đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, cây đa mục đích, ứng dụng cơ giới, khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất lâm nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng rừng, đảm bảo vai trò đi đầu, dẫn dắt trong hoạt động SXLN bền vững theo Chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia; nghiên cứu cải tạo nâng cấp các xưởng chế biến gắn với vùng nguyên liệu tại các đơn vị LN (như tại LN Đình Lập, LN Hòa Bình, LN La Ngà...) tạo công ăn việc làm, đảm bảo đời sống thu nhập CBNV người lao động, hộ nhận khoán, người dân bản địa và các vùng lân cận tại vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần ổn định an sinh xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng biên giới.

2.15 Về công tác Đảng

Trong giai đoạn 2021-2025 và đặc biệt là năm 2025, Đảng ủy Tổng công ty đã kịp thời phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn của Trung ương, Đảng ủy Khối DNTW, Đảng ủy Bộ Tài chính tới cán bộ, đảng viên, người lao động trong Đảng bộ. Đồng thời Đảng ủy Tổng công ty đã cụ thể hóa ban hành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện về công tác xây dựng Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của Tổng công ty, góp phần đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị năm 2025 và các Nghị quyết đại hội Đảng bộ Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 đã đề ra.

2.16 Về một số công tác khác

- Tiếp tục củng cố, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp của các cấp Ủy Đảng trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị; Tạo điều kiện cho các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên hoạt động có hiệu quả, gắn chặt lợi ích Tổng công ty với lợi ích người lao động, tạo nên một tập thể vững mạnh, đại đoàn kết; Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành Trung ương và chính quyền địa phương để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của Tổng công ty và các nhiệm vụ quốc gia liên quan đến an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội, phù hợp với ngành nghề chính của Tổng công ty (Đặc biệt là các đơn vị tại các địa bàn trọng yếu, giáp biên giới như Công ty TNHH MTV LN Đông Bắc, LN Lộc Bình, LN Đình Lập tại tỉnh Lạng Sơn).

- Nhóm đại diện vốn của 2 cổ đông lớn tại Tổng công ty đã thường xuyên phối hợp chặt chẽ, kịp thời trong việc hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết những khó khăn vướng mắc, các vấn đề lớn của Tổng công ty.

- Văn phòng Tổng công ty đã cơ bản triển khai tốt các công tác hậu cần, đảm bảo các hoạt động của Tổng công ty được hiệu quả; Thường xuyên quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Nhờ đó đã giúp Tổng công ty hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 và giai đoạn 2021-2025 được CSH, ĐHĐCĐ giao.

3. Những thành tích đạt được:

Với những kết quả đạt được nêu trên, Tổng công ty đã được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN tặng cờ thi đua và nhiều bằng khen qua các năm. Cụ thể:

- Năm 2021: Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ
- Năm 2022 và năm 2023: Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN
- Năm 2024: Tập thể lao động xuất sắc
- Năm 2025: Huân chương lao động hạng Ba (lần 2).

4. Những khó khăn vướng mắc, tồn tại hạn chế

4.1 Những khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

- *Về hoạt động sản xuất lâm nghiệp:*

+ Quỹ đất cho phát triển lĩnh vực SXLN và Chế biến gỗ còn hạn chế.

+ Biến đổi khí hậu gây ra tình trạng bão, lũ, hạn hán và sạt lở đất đang diễn ra với tần suất ngày càng cao, đặc biệt trong năm 2024 và 2025 tại khu vực Bắc Bộ, miền Trung và Tây Nguyên đã làm ảnh hưởng thiệt hại hàng vạn cây giống, hàng nghìn hecta rừng tại các đơn vị LN, GLN (LN Hà Tĩnh, LN Ba Tơ, MDF Gia Lai, GLN vùng Bắc Trung Bộ, GLN vùng Nam Trung Bộ...). Điều này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh lâm nghiệp – ngành nghề có đặc thù bị phụ thuộc vào điều kiện thiên nhiên.

+ Một số đơn vị lâm nghiệp, giống lâm nghiệp quy mô vốn nhỏ, đã hết thời hạn miễn tiền thuê đất, phải trả chi phí thuê đất cao nên hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn.

- *Về đầu tư phát triển:* Một số dự án có kế hoạch triển khai trong giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa triển khai được do: (1) vướng mắc quy hoạch đất đai (Bắc Ninh, Đà Nẵng); (2) ảnh hưởng bởi xung đột chiến tranh, dịch bệnh Covid-19 làm kinh tế suy thoái nên cần đánh giá lại hiệu quả đầu tư.

- *Về hoạt động KDTM gỗ NL:* Trong năm qua, nhu cầu thị trường sụt giảm do lạm phát tăng cao và chính sách thuế đối ứng của Mỹ khiến hoạt động CB đồ gỗ xuất khẩu bị thu hẹp, nhu cầu gỗ NL sụt giảm.

- *Về công tác thoái vốn:* Công tác thoái vốn còn chậm so với kế hoạch đề ra do giai đoạn 2021-2024 gặp khó khăn trong việc tìm đơn vị tư vấn bán đấu giá theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP; Thời gian định giá kéo dài do việc định giá tài sản tại các đơn vị phức tạp, mất nhiều thời gian; kết quả định giá thường cao hơn giá thị trường nên chào bán nhiều lần nhưng không thành công do không có nhà đầu tư quan tâm.

- *Về công tác tổ chức nhân sự, phát triển nguồn nhân lực:* Do môi trường làm việc của ngành Lâm nghiệp vất vả hơn các ngành kinh tế khác nên nhân công lao động khan hiếm, khả năng tuyển dụng, thu hút nhân sự chất lượng cao và thuê khoán nhân công lao động tại các công ty LN, GLN gặp nhiều khó khăn.

4.2 Những tồn tại hạn chế cần khắc phục

- *Về hoạt động SXKD:* Mặc dù trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã tập trung mở rộng và phát triển lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp và chế biến gỗ. Năng suất và chất lượng rừng đã được nâng lên, đã đầu tư cải tạo nhà xưởng, nâng cấp MMTB tại các đơn vị chế biến gỗ và khôi phục lại xưởng CB gỗ tại một số đơn vị LN gắn với vùng nguyên liệu. Tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động SXKD chính đã được tăng lên. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị LN hoạt động chưa đạt kế hoạch đề ra.

- *Về hoạt động sản xuất lâm nghiệp*: Công tác đo đạc cắm mốc, thu hồi đất lấn chiếm, rà soát quản lý các hợp đồng giao khoán rừng và đất rừng, giải quyết rừng giữ hộ nhà nước tại các đơn vị lâm nghiệp còn nhiều khó khăn tồn tại do lịch sử để lại, các hộ lấn chiếm chống đối, không ký giáp ranh, xử lý hợp đồng khoán, tải sản trên đất phức tạp, chính quyền địa phương ngại va chạm, chưa xử lý quyết liệt.

- *Về công tác nhân sự, phát triển nguồn nhân lực*: Công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ nguồn quản lý giỏi còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế hiện nay, việc xây dựng Hệ thống chỉ số KPI để áp dụng cho Tổng công ty còn chậm.

- *Công tác kiểm tra giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh*: Một số người đại diện còn chưa sát sao trong việc theo dõi, nắm bắt tình hình thực tế của đơn vị, báo cáo chưa kịp thời nên giải quyết sự việc đôi khi còn chậm trễ, hiệu quả không cao; Hệ thống Ban kiểm soát, Kiểm soát viên chưa thực sự phát huy được hết chức năng nhiệm vụ của mình.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

CỦA TỔNG CÔNG TY

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC NHỮNG NĂM TỚI

Tình hình thế giới trong những năm tới dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường khi xung đột chiến tranh Nga-Ukraine, khu vực Trung Đông có thể còn kéo dài ảnh hưởng đến an ninh năng lượng toàn cầu, cạnh tranh chiến lược, địa chính trị và bảo hộ thương mại có xu hướng gia tăng (đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc) tạo ra các rào cản thuế quan và phi thuế quan ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa và dịch vụ toàn cầu; các doanh nghiệp lớn tái cấu trúc chuỗi cung ứng và dịch chuyển các cơ sở sản xuất để giảm thiểu tác động từ rào cản thuế quan.

Ở trong khu vực, Việt Nam vẫn là nền kinh tế tăng trưởng cao nhất trong năm 2025 với mức 8,02%. Ở trong nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã diễn ra thành công, thể hiện niềm tin, ý chí, quyết tâm và tầm nhìn phát triển mới của Đảng và dân tộc ta. Đại hội đã đề ra mục tiêu phát triển 2026-2030 và tầm nhìn 2045, với mục tiêu đến năm 2030 nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, là một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng trung bình tổng sản phẩm trong nước (GDP) cho giai đoạn 2026-2030 từ 10%/năm trở lên; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD/năm.

II. MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2026-2030

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/04/2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp từ 5,0% đến 5,5%/năm.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 và Nghị quyết 41/NQ-CP của Chính phủ về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Chính phủ đã đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP, GRDP giai đoạn 2026-2030 của cả nước từ 10%/năm trở lên. Trong đó, tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2026-2030 tối thiểu là 3,6%/năm, đóng góp vào mức tăng trưởng chung của cả nước;

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Theo đó, đã đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 phấn đấu từ 10% trở lên;

Căn cứ kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD, ĐTPT năm 2026 và 5 năm giai đoạn 2026-2030 có sự tăng trưởng so với giai đoạn 2021-2025, phù hợp với tốc độ tăng trưởng ngành lâm nghiệp và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026-2030 của cả nước từ 10%/năm trở lên. Trong đó, chỉ tiêu doanh thu năm 2026 phấn đấu tăng trưởng 10% trở lên so với thực hiện năm 2025 theo chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau:

1.1 Mục tiêu tổng quát:

- Tổng công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp bền vững trên cơ sở nền tảng khoa học công nghệ hiện đại, là doanh nghiệp lâm nghiệp có vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó, tiên phong, dẫn đầu trong lĩnh vực: (1) sản xuất kinh doanh cây giống lâm nghiệp chất lượng cao; (2) Chuyên đổi trồng rừng thâm canh gỗ có đường kính lớn gắn với mở rộng diện tích rừng trồng đạt tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC, đẩy mạnh trồng cây đa mục đích theo định hướng của Chính phủ; (3) Tư vấn và kinh doanh tín chỉ các bon; (4) Tham gia sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp ở các địa phương; (5) Nghiên cứu để mở rộng diện tích đầu tư lâm nghiệp sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Duy trì tỷ lệ vốn nhà nước tại Tổng công ty là 51%, phát huy vai trò của Doanh nghiệp nhà nước lớn trong phát triển lâm nghiệp bền vững gắn liền với phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới; góp phần phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao.

- Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại Tổng công ty theo hướng tăng quy mô, giảm đầu mối, hiệu quả; đẩy mạnh đầu tư phát triển vào ngành nghề, lĩnh vực SXKD chính; đẩy mạnh ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; đẩy mạnh phát triển văn hóa doanh nghiệp Vinafor... để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

- Thực hiện quản trị công khai minh bạch, hiệu quả trên nền tảng số, áp dụng nguyên tắc quản trị của OECD.

- Nâng cao hiệu quả từ hoạt động SXKD chính, giảm dần phụ thuộc vào nguồn thu từ các hoạt động khác; Phấn đấu tăng trưởng doanh thu cao hơn tăng trưởng ngành trong giai đoạn 2026-2030 và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng hai con số của cả nước; Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, nâng cao đời sống, thu nhập cho CBNV người lao động của Tổng công ty, các hộ nhận khoán và người dân trên địa bàn hoạt động; thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao.

1.2 Mục tiêu chủ yếu:

a. Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm					KH 5 năm 2026-2030	Tốc độ tăng trưởng
			2026	2027	2028	2029	2030		
I	Công ty Mẹ								
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.712	1.775	1.846	1.921	2.040	9.294	5,6%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	290	307	316	332	350	1.595	
4	(ROE) bình quân	%	7,25	7,68	7,88	8,26	8,66	7,9	
	(ROA) bình quân	%	6,80	7,31	7,48	7,85	8,22	7,5	
II	Hợp nhất								
1	SXTT cây giống	Tr.cây	52	57	62	69	75	315	10%
2	Tạo rừng mới năm 1	Ha	2.999	3.123	3.106	3.141	3.143	15.512	

-	Cây gỗ lớn	Ha	514	511	488	473	515	2.501	
3	Khai thác gỗ	Ha	2.806	3.088	3.203	3.345	3.146	15.588	
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.495	2.536	2.787	2.745	2.988	13.551	5,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	330	341	354	361	424	1.809	
7	(ROE) bình quân	%	6,5	6,8	7,0	7,0	8,3	7,1	
	(ROA) bình quân	%	5,9	6,1	6,3	6,4	7,6	6,4	

(Các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2027-2030 là dự kiến và mang tính định hướng, Tổng công ty sẽ có báo cáo chi tiết tại Đại hội cổ đông hằng năm)

b. Một số chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2025	KH 2026 (Dự kiến)	% KH/TH
I	Chỉ tiêu tài chính				
1	Công ty mẹ				
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.557	1.712	110%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	272	290	107%
-	Tỉ suất LNST/VCSH(ROE)	%	6,6	7,25	
-	Cổ tức dự kiến	%/VĐL	6,97	7,5	108%
2	Hợp nhất				
-	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	2.267	2.495	110%
-	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	331	330	100%
-	Tỉ suất LNST/VCSH(ROE)		6,5	6,5	100%
II	Chỉ tiêu lâm sinh				
-	Tạo rừng mới năm 1	ha	3.946	2.999	76%
-	Khai thác gỗ rừng trồng	ha	3.980	2.806	71%

(Các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên chưa tính đến các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh thêm trong năm 2026)

❖ **Giải trình một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:** Chỉ tiêu kế hoạch lâm sinh năm 2026 giảm so với kết quả thực hiện năm 2025 do trong 6 tháng cuối năm 2025, thiên tai bão lụt đã gây thiệt hại nhiều hecta rừng của các đơn vị LN, Giống LN thuộc Tổng công ty, phải khai thác tận thu/xử lý tồn thất để trồng lại nên diện tích tạo rừng và khai thác năm 2025 tăng đột biến so với bình quân các năm.

1.3 Kế hoạch Đầu tư phát triển năm 2026 và 5 năm giai đoạn 2026-2030

Để tiếp tục củng cố nền tảng, phát triển hoạt động SXLN và chế biến sâu, đạt được các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch 5 năm như nêu trên và góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của cả nước giai đoạn 2026-2030 từ 10% trở lên, Tổng công ty dự kiến tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển trong năm 2026 và 5 năm giai đoạn 2026-2030 với tổng mức đầu tư khoảng 1.273 tỷ đồng. Trong đó, giá trị Tổng công ty đầu tư khoảng 846 tỷ đồng từ nguồn vốn CSH, đặc biệt là tập trung vào các dự án tăng VĐL cho các đơn vị LN, GLN để mở rộng và phát triển SXKD. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm					KH 5 năm 2026-2030
		2026	2027	2028	2029	2030	
Giá trị giải ngân ĐTPT	Tỷ đồng	279	244	50	212	60	846
Đầu tư XDCB, Dự án	"	81	53	21	12	22	189
Đầu tư vốn	"	198	191	29	200	38	657

a. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026

Trong năm 2026, Tổng công ty dự kiến sẽ tập trung triển khai một số dự án sau:

(1) Đầu tư trồng rừng thâm canh, gỗ lớn, trồng cây đa mục đích bằng phương pháp kỹ thuật tiên tiến và phát triển chế biến gỗ tại các Chi nhánh Công ty Mẹ: Giá trị đầu tư dự kiến khoảng 55,3 tỷ đồng. Trong đó, bổ sung vốn cho MDF Gia Lai khoảng 5,9 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư trồng cây đa mục đích (macca); bổ sung khoảng 49,4 tỷ đồng cho LN Hòa Bình để đầu tư trồng rừng, cải tạo nâng cấp xưởng CB gỗ + vốn lưu động.

(2) Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ Đình Lập: Giá trị dự kiến giải ngân để góp Vốn điều lệ của Công ty để thực hiện Dự án.

(3) Dự án đầu tư phát triển CNTT, nâng cấp phần mềm và chuyển đổi số của Tổng công ty: Dự kiến giá trị giải ngân khoảng 1,4 tỷ đồng. Trong đó: đầu tư phần mềm quản lý nhân sự, thuê tư vấn xây dựng KPI, thuê đường chuyển internet và bảo trì hệ thống mạng của VPTCT.

(4) Các dự án XD/CB, ĐTPT tại Văn phòng TCT và các Chi nhánh: Tiếp tục cải tạo, sửa chữa TSCĐ, cơ sở vật chất tại VPTCT để chống xuống cấp, đảm bảo điều kiện làm việc và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành... Giá trị dự kiến sẽ giải ngân trong năm 2026 khoảng 24 tỷ đồng.

(5) Tăng vốn điều lệ cho một số đơn vị lâm nghiệp, giống lâm nghiệp để mở rộng hoạt động SXKD và ĐTPT: giá trị dự kiến giải ngân trong năm 2026 khoảng hơn 18,1 tỷ đồng. Trong đó: tiếp tục giải ngân tăng VDL cho Lâm nghiệp La Ngà khoảng 8,8 tỷ đồng, cho GLN vùng Bắc Bộ 731 tr.đồng, cho LN Đình Lập 8,5 tỷ để đầu tư trồng rừng và cải tạo nâng cấp xưởng CB gỗ Khau Vuông (LN Đình Lập).

b. Định hướng đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2026-2030:

❖ Về lĩnh vực lâm sinh:

- Nghiên cứu cải tạo, nâng cấp Trung tâm Giống, vườn ươm công nghệ cao, hiện đại tại Công ty CP Giống LN vùng Nam Bộ và hệ thống vườn ươm vệ tinh tại các đơn vị LN, Giống LN khác để đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ, trở thành đơn vị dẫn đầu cả nước về sản xuất cung ứng cây giống chất lượng cao.

- Tiếp tục nghiên cứu bổ sung vốn ĐL/CSH cho các chi nhánh, đơn vị lâm nghiệp trực thuộc (100% vốn của Tổng công ty) và các Công ty CP Giống Lâm nghiệp của Tổng công ty để đầu tư mở rộng SXKD cây giống chất lượng cao, chuyển đổi trồng rừng thâm canh, gỗ có đường kính lớn và phát triển cây đa mục đích tạo nền tảng phát triển ngành chế biến sâu cũng như tạo ra những sản phẩm mới của Tổng công ty trong những năm tới như sản phẩm cây đa mục đích, tín chỉ các-bon...

- Làm việc với Bộ Nông nghiệp của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào để mở rộng đầu tư phát triển lâm nghiệp bền vững tại Lào và nghiên cứu tham gia sắp xếp, cơ cấu lại các công ty lâm nghiệp tại các Tỉnh để mở rộng quỹ đất, vùng nguyên liệu...

❖ Về đầu tư phát triển lĩnh vực chế biến gỗ:

- Kế hoạch đầu tư phát triển tại các đơn vị thành viên:

+ Tiếp tục nghiên cứu bổ sung vốn ĐL cho các đơn vị chế biến đồ gỗ có tiềm năng phát triển để mở rộng quy mô sản xuất, đẩy mạnh hoạt động chế biến gỗ xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD.

+ Hoàn tất các thủ tục để góp VDL cho Công ty TNHH MTV Vinafor Lạng Sơn để triển khai Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ tại Đình Lập, Lạng Sơn.

- Kế hoạch đầu tư mới:

+ Nghiên cứu hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Hoàng Đại Vương để đầu tư xây dựng nhà máy viên nén gỗ xuất khẩu tại Tỉnh Bắc Ninh (Bắc Giang cũ).

+ Nghiên cứu đầu tư xây dựng 1-2 nhà máy chế biến gỗ (viên nén gỗ, dăm gỗ, ván CN...) tại miền Trung nếu có hiệu quả để phát triển lĩnh vực chế biến gỗ mang lại giá trị gia tăng cao cho ngành lâm nghiệp và giúp Tổng công ty tăng trưởng bền vững trong những năm tới.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026 VÀ 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2026:

(1) Tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 đã đề ra; Tăng cường hướng dẫn chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị thành viên để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD; nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng vốn, tài sản, đất đai và theo đúng quy định pháp luật; Chỉ đạo thực hiện các giải pháp tháo gỡ, khắc phục khó khăn đối với một số đơn vị chế biến, công ty giống, đơn vị SXKD chưa hiệu quả.

(2) Hoàn thành việc xây dựng Chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 (trong đó bao gồm Kế hoạch đầu tư phát triển, Kế hoạch cơ cấu lại vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác) báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện Chủ sở hữu, trình ĐHCĐ nhiệm kỳ 2026-2031 thông qua để sớm triển khai thực hiện. *Trong đó, nghiên cứu thành lập Doanh nghiệp mới để đầu tư phát triển Dự án chế biến gỗ và đẩy mạnh thoái vốn các đơn vị chưa thực hiện được trong giai đoạn trước.*

(3) Đẩy mạnh hoạt động ĐTPT trong năm 2026 và các năm tới (đặc biệt là đầu tư phát triển lĩnh vực trồng rừng gỗ lớn, cây đa mục đích, nâng cao năng suất và chất lượng rừng, chế biến gỗ và SXKD cây giống chất lượng cao) và *nghiên cứu đầu tư ra nước ngoài tại Nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về các lĩnh vực thế mạnh của Tổng công ty như: sản xuất cây giống lâm nghiệp, trồng rừng gỗ lớn, tín chỉ các bon rừng, quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế, sản xuất ván lạng chất lượng cao, viên nén gỗ năng lượng... để tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng bền vững của Tổng công ty trong giai đoạn tới.*

(4) Tiếp tục mở rộng và phát triển hoạt động SXLN bền vững của Tổng công ty thông qua việc:

- *Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tăng cường công tác quản lý đất đai, nghiên cứu tiến tới chuyển đổi một số diện tích đất có tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái, nông lâm nghiệp công nghệ cao... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất giai đoạn 2026-2030 và sau năm 2030.*

- *Nghiên cứu tạo ra những dòng, giống cây mới và đẩy mạnh sản lượng sản xuất cây giống chất lượng cao cung ứng cho các đơn vị LN của Tổng công ty và thị trường cả nước*

- *Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới, khoa học công nghệ và chuyển đổi số vào hoạt động SXLN và quản trị, tổ chức lại các hợp đồng giao khoán để nâng cao năng suất, chất lượng rừng và hiệu quả kinh doanh rừng.*

- *Chuyển đổi trồng cây gỗ lớn, cây đa mục đích theo định hướng của Đảng và Nhà nước, mở rộng diện tích rừng chỉ rừng bền vững, nghiên cứu thí điểm một số diện tích rừng gỗ lớn để xây dựng sản phẩm tín chỉ Các-bon...*

Tạo ra mô hình quản trị SXLN bền vững của Tổng công ty, thực hiện tốt vai trò nòng cốt, định hướng, dẫn dắt của Doanh nghiệp nhà nước trong phát triển lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp bền vững, đóng góp vào phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của cả nước, chống biến đổi khí hậu và cải thiện môi trường; đảm bảo việc làm, đời sống, thu nhập cho CBNV người lao động trong Tổng công ty, các hộ nhận khoán, người dân trên địa bàn và các vùng lân cận. Đặc biệt là tại vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn... góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao.

(5) Tiếp tục thực hiện Kết luận thanh tra số 1452/KL-TTTP ngày 21/8/2020 của Thanh tra Chính phủ về việc chấp hành pháp luật trong quản lý và sử dụng đất đai tại Tổng công ty và các kết luận Kiểm toán nhà nước chưa hoàn thành; Hoàn thành việc đo đạc cắm mốc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các đơn vị sử dụng kinh phí từ nguồn vốn Nhà nước để lại Tổng công ty và các thủ tục quyết toán; Làm việc với Bộ Nông nghiệp và Môi trường để giải quyết việc xử lý tài sản, rừng giữ hộ nhà nước tại các Công ty cổ phần giống.

(6) Nghiên cứu mở rộng thị trường mới và triển khai các dự án mới có tính khả thi, quản lý các dự án đầu tư theo quy định; Tiếp tục củng cố, phát triển các liên doanh hiện có để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng hợp tác quốc tế để phát triển các liên doanh mới.

(7) Thực hiện tốt công tác cơ cấu tổ chức, công tác cán bộ, chế độ chính sách đối với người lao động, cập nhật đầy đủ những quy định của Đảng về công tác cán bộ vào hệ thống Quy chế, quy định của Tổng công ty;

(8) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động SXKD và quản lý điều hành của Tổng công ty và các đơn vị thành viên để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

(9) Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung hoặc ban hành mới các quy trình, quy chế, quy định theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với các quy định mới của Nhà nước, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho mở rộng và phát triển các hoạt động SXKD, ĐTPT của Tổng công ty; Nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ.

(10) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tại cơ quan Văn phòng Tổng công ty, các đơn vị trực thuộc, tình hình thực hiện nhiệm vụ của người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp đảm bảo hoạt động có hiệu quả, đúng quy định pháp luật;

(11) Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm và phòng chống lãng phí: Thực hiện rà soát toàn bộ nguồn lực về đất phi nông nghiệp, đất nông nghiệp, tài sản hiện có; tổ chức bộ máy, quản lý lao động, thời gian lao động chưa phát huy hiệu quả, có nguy cơ gây lãng phí. Tìm giải pháp, xây dựng phương án sử dụng hiệu quả. Xây dựng văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện thường xuyên trong từng đơn vị để trở thành tự giác, tự nguyện.

(12) Đảm bảo vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Tổng công ty; xây dựng Đảng bộ Tổng công ty trong sạch vững mạnh.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030

(1) Bám sát các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ Tài chính, Tập đoàn T&T. Đặc biệt là triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 79/NQ-TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 29/NQ-CP và Nghị quyết 41/NQ-CP của Chính phủ; đưa Luật số 68 và các Nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện Luật 68 vào thực tiễn trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; Tập trung mọi nguồn lực, thực hiện mọi giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu **hoàn thành và vượt các chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2026-2030** đề ra, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của cả nước trong giai đoạn 2026-2030 từ 10% trở lên. Trong đó:

+ Phát triển sản xuất lâm nghiệp bền vững hài hòa ba trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, phù hợp với Chiến lược, quy hoạch phát triển lâm nghiệp quốc gia; Phát huy vai trò của DNNN lớn trong việc tiên phong, định hướng phát triển cho các thành phần kinh tế khác cùng lĩnh vực, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và cải thiện môi trường.

+ Phát triển lĩnh vực chế biến gỗ.

+ Mở rộng và phát triển lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ.

+ Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.

(2) Thực hiện có hiệu quả kế hoạch ĐTPT giai đoạn 2026-2030 để tạo nền tảng vững chắc giúp Tổng công ty tăng trưởng và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

(3) Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại vốn của Tổng công ty theo kế hoạch cơ cấu lại vốn giai đoạn 2026-2030.

(4) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao năng suất lao động, giúp Tổng công ty tăng trưởng và phát triển bền vững.

(5) Sửa đổi bổ sung Điều lệ; hoàn thiện hệ thống nội quy, các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho các đơn vị thành viên đổi mới sáng tạo và phát triển, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hậu kiểm; nâng cao hiệu quả và minh bạch hóa hệ thống quản trị nội bộ theo quy định của pháp luật.

(6) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các mặt hoạt động (từ quản trị, SXKD, Đầu tư...) của Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo **Nghị quyết số 57-NQ/TW** của Bộ Chính trị để nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của Tổng công ty;

(7) Hoàn thiện hệ thống quản trị theo các nguyên tắc chủ yếu của OECD, phù hợp với đặc thù của Tổng công ty.

(8) Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển văn hóa doanh nghiệp Vinafor.

(9) Nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng; thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

3. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2026 và 5 năm giai đoạn 2026-2030

3.1 Về tổ chức thực hiện, hoàn thành tốt mục tiêu, nhiệm vụ

Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 79/NQ-TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 29/NQ-CP của Chính phủ về phát triển kinh tế nhà nước. Trong đó: (1) Tiếp tục củng cố phát triển, đảm bảo Tổng công ty là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; (2) Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững; (3) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp; (4) Tiếp tục cơ cấu lại vốn tại các doanh nghiệp và sắp xếp đổi mới để nâng cao hiệu quả, phát triển bền vững.

Hướng dẫn chỉ đạo các đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phân kỳ tiến độ kế hoạch theo từng tháng, quý, năm để triển khai thực hiện; tăng cường theo dõi, giám sát để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời, hỗ trợ khắc phục khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng vốn, tài sản, đất đai, nguồn nhân lực và thực hiện theo đúng quy định pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty và hoàn thành tốt kế hoạch, nhiệm vụ được giao. Trong đó triển khai thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

3.2 Giải pháp về phát triển lâm nghiệp bền vững

- Về phát triển SXKD giống cây: Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cải tạo, nâng cấp các Trung tâm nghiên cứu nuôi cấy mô, hệ thống vườn ươm tại các đơn vị LN, Giống LN để phát triển, tạo ra những giống cây chất lượng cao trồng phục vụ trồng rừng của Tổng công ty nhằm nâng cao năng suất rừng trồng, hiệu quả khâu lâm nghiệp và đẩy mạnh hoạt động SXKD cây giống chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong nước và tiến tới xuất khẩu sang các thị trường lân cận (Lào, Campuchia...).

- Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh, trồng rừng gỗ lớn (Keo lá tràm); trồng rừng bằng giống mới chất lượng; ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào trồng rừng (làm đất cơ giới,

số hóa dữ liệu và ứng dụng bản đồ số để quản lý rừng). Tiếp tục nghiên cứu việc chuyển đổi trồng cây đa mục đích tại một số đơn vị có điều kiện, môi trường sinh thái phù hợp như LN Đình Lập, Lộc Bình, Gia Lai...; đồng thời theo dõi, đánh giá diện tích đã trồng để xem xét mở rộng đầu tư nếu có hiệu quả. rà soát hợp đồng giao khoán, tổ chức lại công tác giao khoán đảm bảo đúng quy định; hài hòa lợi ích giữa các bên; đem lại hiệu quả cao hơn...

- Tập trung tìm giải pháp để giải quyết vấn đề nấm bệnh rừng trồng để hạn chế thiệt hại; tìm kiếm nguồn nhân lực từ nhiều nơi; nghiên cứu áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất để từng bước khắc phục tình trạng khan hiếm lao động.

- Nghiên cứu, xây dựng quy trình, kỹ thuật, dự toán lâm sinh đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với điều kiện lập địa, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng tăng hiệu quả sản xuất lâm nghiệp.

- Triển khai xây dựng chứng chỉ rừng bền vững đối với các diện tích chưa được cấp chứng chỉ; Phát triển vùng nguyên liệu FSC cộng đồng để phục vụ dự án chế biến gỗ tại một số tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn,...

- Rà soát lại toàn bộ hiện trạng đất giữ lại để xây dựng quy hoạch, phương án quản lý sử dụng đất hiệu quả hơn; Nghiêm túc thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đất đai; sử dụng đúng mục đích; hiệu quả; không có diện tích đất cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, chuyển mục đích trái pháp luật.

- Chủ động làm việc với chính quyền địa phương để hoàn thiện công tác đo đạc cắm mốc, thuê đất, cấp GCNQSD đất; miễn, giảm tiền thuê đất; bàn giao đất không có nhu cầu sử dụng về địa phương quản lý theo quy định. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kết luận của Thanh tra Chính phủ về đất đai.

- Thực hiện các dự án tín chỉ các bon rừng: (1) Xây dựng dự án tín chỉ các bon rừng đối với diện tích rừng do Tổng công ty đang quản lý; (2) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và tiến tới đăng ký một số Dự án với Bộ để thực hiện các dự án tín chỉ các bon rừng cho các vùng sinh thái của Việt Nam.

- Nghiên cứu mở rộng đầu tư lâm nghiệp tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với dự kiến các hoạt động như: cây giống, trồng rừng gỗ lớn, chế biến gỗ, quản lý rừng bền vững, tín chỉ các bon.

3.3 Giải pháp về phát triển chế biến gỗ

- Chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị chế biến trong việc đầu tư, cải tạo nhà xưởng và thay thế dần những máy móc thiết bị cũ lạc hậu bằng máy móc thiết bị hiện đại, tiên tiến hơn, đồng thời tích cực áp dụng khoa học công nghệ mới vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp và chế biến lâm sản nhằm giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm tăng sức cạnh tranh trên thị trường, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường mới.

- Tiếp tục duy trì, mở rộng thị phần xuất khẩu, chủ động xúc tiến thương mại gỗ và sản phẩm gỗ tại các thị trường chính gồm: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Trung Quốc và mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng, lợi thế; thực hiện có hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

- Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất cho các đơn vị chế biến gỗ có tiềm năng phát triển của Tổng công ty. Tiếp tục đẩy mạnh liên doanh liên kết để thành lập các liên doanh mới có quy mô lớn trong lĩnh vực chế biến gỗ (như viên nén gỗ năng lượng, điện sinh khối,...), trong đó chú trọng đối tác truyền thống như Nhật Bản, đồng thời mở rộng hợp tác với các đối tác mới có công nghệ hiện đại, có năng lực quản trị trên thế giới.

- Đa dạng hóa và không ngừng nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm chế biến phù hợp với thị hiếu thị trường trong và ngoài nước; Phát triển các kênh bán hàng trực tuyến (như website của công ty, sàn giao dịch trực tuyến...); Xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu các sản phẩm đồ gỗ mang thương hiệu Vinafor, kết nối các đơn vị thành viên để nâng cao sức

cạnh tranh và gia tăng giá trị của sản phẩm. Đẩy mạnh việc liên kết, hội nhập với các tổ chức, hiệp hội chuyên ngành về lâm nghiệp và chế biến gỗ như: Hawa, Vifores, BIFA,....

- Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu, chuyển đổi số các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong sản xuất và thiết kế sản phẩm.

3.4 Giải pháp mở rộng và phát triển kinh doanh thương mại, dịch vụ

- Bám sát diễn biến, xu hướng thị trường để lựa chọn các chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu có nhu cầu cao, chất lượng tốt và giá cả hợp lý để tập trung phát triển, tìm kiếm thêm nguồn cung và phát triển kênh phân phối các chủng loại gỗ mới bên cạnh các sản phẩm truyền thống.

- Giảm dần tỷ trọng gỗ tự nhiên nhập khẩu, đa dạng chủng loại hàng hóa, mở rộng kinh doanh gỗ nguyên liệu trong nước; ưu tiên phục vụ cho hoạt động chế biến của các đơn vị thành viên.

- Đảm bảo nguồn cung có chất lượng, ổn định, đa dạng bằng cách xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp gỗ uy tín và đáng tin cậy từ các quốc gia nhập khẩu và các chủ rừng trong nước. Tiếp tục tận dụng ưu thế FSC và các nghiên cứu ứng dụng các chứng chỉ rừng khác như EUDR, PEFC.. đối với các loại gỗ nguyên liệu kinh doanh để đáp ứng các tiêu chuẩn mới tại các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam là Mỹ và Châu Âu, từ đó tăng tính cạnh tranh khi cung ứng cho các đơn vị chế biến xuất khẩu.

- Mở rộng thị trường thông qua triển khai đa dạng kênh bán hàng như: làm việc với các sàn thương mại trực tuyến và các nền tảng mạng xã hội có lượng người dùng lớn; Triển khai các chuỗi cửa hàng, kênh phân phối bán lẻ, ứng dụng công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý hàng hóa nhằm tăng hiệu quả kinh doanh và tiết kiệm chi phí.

- Xây dựng hệ thống nhân sự, cộng tác viên tại các địa bàn có khả năng khai thác, nhu cầu cao về gỗ nguyên liệu, phối hợp cùng các đơn vị của Tổng công ty triển khai hoạt động kinh doanh thương mại gỗ nguyên liệu trong nước, đặc biệt tập trung tại khu vực miền Trung, miền Nam là các trung tâm chế biến gỗ lớn của Việt Nam.

3.5 Giải pháp về nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai

a. Về nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đất lâm nghiệp

- Rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý đất đai; đẩy nhanh đo đạc, cắm mốc, lập và phê duyệt phương án sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích, sử dụng kém hiệu quả.

- Sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt, gắn với cơ cấu cây trồng, phương thức sản xuất phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong thu hồi đất lấn chiếm, bàn giao diện tích không còn nhu cầu sử dụng và xử lý các tồn tại kéo dài về đất đai.

b. Về nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đất phi nông nghiệp

- Triển khai và hướng dẫn các đơn vị người đại diện nghiêm túc thực hiện Nghị định 03/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ và Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị bám sát các sở ngành địa phương để hoàn thiện hồ sơ pháp lý các cơ sở đất phi nông nghiệp của Tổng công ty theo đúng lộ trình, kế hoạch đã đề ra. Thường xuyên cập nhật tiến độ, báo cáo Tổng công ty.

- Phối hợp với các đơn vị, người đại diện rà soát các cơ sở nhà đất chưa phát huy hết hiệu quả, tiềm năng; hỗ trợ các giải pháp đầu tư, chuyển đổi phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, xây dựng phương án tổng thể khai thác sử dụng các cơ sở nhà đất phi nông nghiệp đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực.

- Chỉ đạo các đơn vị, người đại diện quản lý sử dụng đất theo đúng quy định, quy hoạch của địa phương, rà soát các hợp đồng hợp tác kinh doanh đảm bảo tuân thủ theo đúng quy

định pháp luật; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai, thực hiện các nghị định của chính phủ về giám tiền thuê đất hàng năm.

3.6 Giải pháp đẩy mạnh đầu tư phát triển

- Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị thành viên đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển theo định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty, đẩy mạnh nghiên cứu, lập các dự án đầu tư để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của Tổng công ty trong các lĩnh vực: trồng rừng, trồng cây đa mục đích, chế biến gỗ, đất phi nông nghiệp, đất nông nghiệp,...

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước để hợp tác liên doanh, liên kết đầu tư một số nhà máy chế biến gỗ có quy mô lớn tại các khu vực có đủ nguồn nguyên liệu.

- Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị thành viên lập kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm (trong đó xác định rõ kế hoạch vốn), lập kế hoạch, tiến độ chi tiết để triển khai thực hiện theo từng dự án.

- Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số vào hoạt động đầu tư phát triển, công tác quản lý các dự án đầu tư nhằm tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả quản lý các dự án đầu tư, báo cáo, giám sát theo thời gian thực, tăng cường tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả của các dự án.

3.7 Giải pháp về sắp xếp, cơ cấu lại vốn của Tổng công ty

Tiếp tục triển khai các nội dung cơ cấu lại vốn chưa hoàn thành của Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 và chủ động xây dựng, ban hành và triển khai quyết liệt có hiệu quả một cách thực chất kế hoạch cơ cấu lại vốn của Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 theo tinh thần Nghị quyết 79 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 29 của Chính phủ. Trong đó tập trung và các nội dung:

- Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về tính tất yếu và tầm quan trọng của thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại vốn của Tổng công ty đến các đơn vị, đảng viên, CBCNV của Tổng công ty.

- Hàng năm rà soát, đánh giá lại toàn diện danh mục đầu tư vốn làm cơ sở xem xét, phân loại các doanh nghiệp để có giải pháp cơ cấu lại, xử lý phù hợp (bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh mục duy trì, sáp nhập hoặc thoái vốn), trong đó kiên quyết xử lý dứt điểm các doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả, có nguy cơ mất vốn cao.

- Thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả và theo đúng quy định pháp luật, nhất là công tác thoái vốn tại doanh nghiệp khác, đảm bảo đem lại giá trị cao nhất, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty. Ưu tiên lựa chọn các đơn vị tư vấn có đủ chức năng theo quy định, có kinh nghiệm thực hiện cơ cấu lại tại những doanh nghiệp tương tự với các đơn vị của Tổng công ty.

- Xây dựng lộ trình thoái vốn cụ thể theo từng giai đoạn, đảm bảo phù hợp với tình hình thị trường, đem lại lợi ích tối đa cho Tổng công ty

- Đối với những đơn vị thuộc danh mục thoái vốn:

Tổng công ty sẽ chỉ đạo Người đại diện phối hợp với doanh nghiệp rà soát, hoàn thiện đầy đủ (nếu có) hồ sơ pháp lý, danh mục tài sản trọng yếu (đặc biệt là hồ sơ, tình hình sử dụng đất thực tế của doanh nghiệp,...) trước khi tiến hành thoái vốn; tìm kiếm các nhà đầu tư tiềm năng, có năng lực tài chính để nâng cao hiệu quả thoái vốn. Đối với những đơn vị chưa thực hiện thoái vốn nhưng phát sinh nhu cầu bổ sung vốn điều lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty sẽ điều chỉnh lộ trình để thực hiện ngay hoặc nghiên cứu mua thêm phần vốn góp để duy trì tỷ lệ sở hữu trước khi thực hiện thoái vốn;

+ Nghiên cứu kết hợp với các công ty chứng khoán để tìm kiếm, mở rộng nhà đầu tư

tiềm năng, quan tâm đến doanh nghiệp thoái vốn.

- Phát huy hơn nữa vai trò và trách nhiệm của người đại diện trong việc tham gia quản lý, giám sát doanh nghiệp, phối hợp trong công tác sắp xếp, thoái vốn.

- Tiền thu từ thoái vốn được sử dụng tập trung đầu tư trong lĩnh vực chính là trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng và chế biến sản phẩm từ rừng trồng.

3.8 Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực Tổng công ty theo hướng tinh gọn, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực để nâng cao năng suất lao động; đẩy mạnh liên kết với các đối tác để đào tạo và tuyển dụng.

- Ổn định, duy trì và phát triển nguồn nhân lực nội bộ tại Tổng công ty. Người lao động Tổng công ty có việc làm phù hợp, thu nhập ổn định và có cơ hội phát triển.

- Chú trọng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý cho CBCNV, công nhân kỹ thuật lành nghề (đặc biệt là lĩnh vực sản xuất kinh doanh cây giống, trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ, quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; các-bon và giảm phát thải,...) để đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguồn nhân lực của Tổng công ty. Xây dựng cơ chế đãi ngộ phù hợp theo hiệu quả công việc (KPI) của cán bộ công nhân viên.

- Tăng cường hoạt động trao đổi thông tin, luân chuyển cán bộ, tập huấn, đào tạo chéo trong các đơn vị của Tổng công ty.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Vinafor (bao gồm cả dài hạn, ngắn hạn) áp dụng công nghệ vào đào tạo. Đẩy mạnh hoạt động trao đổi đào tạo nhân lực trong lĩnh vực lâm nghiệp với các quốc gia sản xuất lâm nghiệp tốt như Nhật, Úc, Đan Mạch, Phần Lan,....

3.9 Giải pháp về kiểm soát nội bộ và thực thi pháp luật

- Rà soát sửa đổi bổ sung Điều lệ, Hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty như: quy chế quản lý tài chính, quy chế trả lương, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, quy chế quản trị nội bộ, quy chế quản lý người đại diện, quy chế hoạt động của người đại diện... theo hướng đơn giản hóa các thủ tục, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hậu kiểm tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong các hoạt động SXKD.

- + Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm tại các đơn vị trực thuộc, các Nhóm đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty, giám sát nội bộ nhằm phát hiện sớm các tồn tại, rủi ro và đề xuất giải pháp xử lý kịp thời với tiêu chí: tập trung vào các vấn đề trọng điểm, rủi ro lớn, không kiểm tra dàn trải.

- + Kiểm tra, giám sát đơn vị tình hình thực hiện các Kiến nghị trong Kết luận kiểm tra của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và của Tổng công ty đảm bảo việc thực hiện đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.

- Kiểm soát rủi ro pháp lý tại các Hợp đồng, dự án, các văn bản Tổng công ty ban hành; Giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp liên quan đến các lĩnh vực của Tổng công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch: tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực hàng năm; triển khai và báo cáo định kỳ theo quy định; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật rộng rãi thường xuyên về công tác tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong toàn Tổng công ty.

3.10 Giải pháp về ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng KHCN, đổi mới sáng và chuyển đổi số vào trong mọi mặt hoạt động của TCT từ quản trị, SXKD, Đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ chính trị như phần mềm kế toán Fast, phần mềm quản lý nhân sự, ứng dụng bộ chỉ số KPI để đánh giá hiệu quả hoạt động, công việc...

- Thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng KHCN để đẩy mạnh ứng dụng KHCN và chuyển đổi số tại Công ty Mẹ các công ty thành viên.
- Lựa chọn các nhà cung cấp giải pháp phần mềm và dịch vụ CNTT có kinh nghiệm, uy tín để tư vấn, triển khai các hệ thống quan trọng (đặc biệt là các hệ thống tích hợp phức tạp như báo cáo quản trị).
- Bố trí ngân sách nâng cấp hạ tầng mạng, máy chủ, trang thiết bị (máy quét OCR, thiết bị hội nghị trực tuyến...) bảo đảm đủ năng lực cho các ứng dụng mới.
- Ban hành các quy định, quy trình nội bộ về việc sử dụng hệ thống phần mềm (quy trình xử lý văn bản điện tử, đăng ký xe trực tuyến, quản lý tài sản trên phần mềm, v.v.).
- Tổ chức các khóa đào tạo bài bản cho CBNV, người lao động về kỹ năng sử dụng từng phần mềm khi đưa vào hoạt động; thực hiện truyền thông nội bộ về lợi ích của chuyển đổi số để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận. Đảm bảo hầu hết CBNV, người lao động có thể sử dụng thành thạo trên môi trường số.

3.11 Giải pháp về quản trị

- Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, lộ trình cụ thể triển khai thực hiện áp dụng nguyên tắc quản trị OECD phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty (Trong quá trình thực hiện có thể thuê đơn vị tư vấn nếu có).
- Duy trì Tổng công ty là công ty đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán để phù hợp với chuẩn mực quốc tế của OECD về quản trị công ty và phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty.
- Xây dựng hệ thống công bố thông tin kịp thời về tài chính, về ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị)...
- Nâng cao năng lực, sự độc lập và trách nhiệm của HĐQT trong việc định hướng chiến lược, quản lý rủi ro và giám sát hoạt động của ban điều hành.
- Đảm bảo đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông, bao gồm cổ đông thiểu số, và tạo điều kiện cho họ tham gia vào các quyết định quan trọng của công ty.
- Sử dụng các nền tảng kỹ thuật số để tăng cường hiệu quả quản lý, minh bạch hóa quy trình ra quyết định và kết nối với các bên liên quan.
- Áp dụng các hướng dẫn của OECD dành riêng cho DNNN, nâng cao trách nhiệm giải trình và hiệu quả kinh doanh.

3.12 Giải pháp về phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về vai trò của văn hoá trong phát triển đất nước, phát triển doanh nghiệp.
- Hoàn thiện Quy chế văn hóa doanh nghiệp và Sổ tay văn hóa Vinafor theo tinh thần Nghị quyết 80/NQ-TW của Bộ Chính trị làm căn cứ điều chỉnh hành vi, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, người lao động; bảo đảm sự chuẩn mực, hiện đại, đồng thời gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của ngành Lâm nghiệp.
- Chỉ đạo lồng ghép nội dung văn hóa doanh nghiệp vào chương trình các hội nghị, cuộc họp, sinh hoạt chuyên đề và hệ thống bản tin nội bộ nhằm lan tỏa sâu rộng tinh thần văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tổng công ty.
- Đưa tiêu chí đánh giá thực hiện văn hóa doanh nghiệp vào nội dung công tác thi đua – khen thưởng, xem đây là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, từ đó nâng cao tính tự giác và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, người lao động.

3.13 Giải pháp nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao.

- Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức Đảng bộ Công ty mẹ và các tổ chức Đảng, đoàn thể trong các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty. Nâng cao vai trò lãnh đạo, giám sát của tổ chức đảng tại Tổng công ty theo các định hướng:

+ Đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong doanh nghiệp nhà nước; lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và quản lý cán bộ trong Tổng công ty và tại các doanh nghiệp Tổng công ty chi phối.

+ Nâng cao hiệu quả và vai trò lãnh đạo toàn diện của tổ chức đảng tại doanh nghiệp trong việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng và thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

+ Thực hiện quy định về trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu tổ chức đảng trong hoạt động quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung và thực hiện tốt các quy định của Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược theo tinh thần Nghị quyết của Đảng (Nghị quyết của đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, các nghị quyết 79 và 80 của Bộ Chính trị, ...), phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là bí thư cấp ủy có năng lực lãnh đạo kinh tế và phẩm chất chính trị. Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp Ủy, phát huy vai trò giám sát, phân biện của các tổ chức đoàn thể; Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, ngăn chặn sai phạm, tham nhũng, lãng phí trong quản lý kinh tế; phát huy vai trò tiên phong của đảng viên trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về tính tất yếu và tầm quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược đến các đơn vị, đảng viên, CBCNV của Tổng công ty.

- Tích cực tham gia vào các phòng trào, hoạt động an sinh xã hội của Trung ương và các địa phương như quỹ hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, ủng hộ thiên tai lũ lụt, cải tạo sửa chữa nâng cấp hạ tầng đường xá tại các thôn bản... góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế địa phương, xây dựng nông thôn mới.

3.14 Một số giải pháp khác

- Giải pháp về hợp tác và liên doanh liên kết:

+ Duy trì mối quan hệ hợp tác và phối hợp chặt chẽ với các đối tác truyền thống (như Tập đoàn Sojitz, Yamaha Motor Nhật Bản, KHI-Hongkong...) để hướng dẫn chỉ đạo và hỗ trợ các công ty liên doanh sẵn có trong các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hỗ trợ đơn vị khắc phục những khó khăn, ảnh hưởng của thị trường, các yếu tố khách quan của nền kinh tế.

+ Cùng đối tác xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn quản lý phù hợp với xu thế, môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt nam. Đẩy mạnh các hoạt động cập nhật thông tin thường xuyên, trao đổi những ý tưởng đầu tư kinh doanh mới để tận dụng khả năng, thế mạnh của các bên nâng cao hiệu quả hợp tác.

+ Tiếp tục nghiên cứu các dự án phát triển mở rộng quy mô hợp tác, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các công ty liên doanh/ liên kết của Tổng công ty đang có hoạt động hiệu quả, lợi thế kinh doanh.

+ Tìm kiếm và tiếp cận các đối tác lớn, có uy tín trên thế giới trong cùng ngành hàng, hoạt động chính của Tổng công ty để học hỏi kinh nghiệm quản lý, cập nhật, nắm bắt thông

tin và đề xuất chuyển giao công nghệ khoa học tiên tiến. Góp phần thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển ngành lâm nghiệp cũng như nền kinh tế xanh, năng lượng sạch tại Việt Nam.

+ Thông qua hoạt động hợp tác liên doanh, liên kết, đẩy mạnh việc giao lưu, học hỏi về văn hóa doanh nghiệp từ các đối tác tại các nước phát triển, tiên tiến hiện đại. Chủ động việc áp dụng vào trong hoạt động quản trị, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của nội bộ của Tổng công ty để cải tiến, nâng cao văn hóa kinh doanh cách chuyên nghiệp hơn. Từ đó, nâng cao vị thế, khẳng định thương hiệu của Tổng công ty trên thị trường quốc tế.

- Về sắp xếp, tái cơ cấu bên trong:

+ Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các Ban chuyên môn của Tổng công ty tránh trùng lặp; sắp xếp lại, sáp nhập một số Ban theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

+ Nghiên cứu sát nhập một số đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực, Văn phòng đại diện trên cùng địa bàn nhằm tăng quy mô, giảm đầu mỗi, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Phát huy thực hiện tốt Quy chế dân chủ; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiểm soát quyền lực phòng chống tham nhũng, tiêu cực; đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa Đảng ủy, Hội đồng quản trị và 2 Tổ đại diện phần vốn của chủ sở hữu tại Tổng công ty để kịp thời giải quyết các vấn đề lớn của Tổng công ty trong thẩm quyền, không để vướng mắc, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành Trung ương và chính quyền địa phương để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của Tổng công ty và các nhiệm vụ quốc gia góp phần xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho đồng bào dân tộc, miền núi vùng sâu, vùng xa, góp phần củng cố, giữ vững quốc phòng an ninh biên giới và bảo vệ môi trường, phù hợp với ngành nghề chính của Tổng công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ 5 năm giai đoạn 2021-2025, phương hướng nhiệm vụ 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua để có cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2026 và giai đoạn 2026-2030.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025 VÀ NHIỆM KỲ II (2021 – 2026)
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 VÀ NHIỆM KỲ III (2026-2031)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (HĐQT) xin báo cáo đến toàn thể Quý vị cổ đông về hoạt động của HĐQT năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026 và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026 và nhiệm kỳ 2026 - 2031 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ II (2021 – 2026)

I. Nhân sự Hội đồng quản trị:

HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 có 05 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT. Trong nhiệm kỳ qua, HĐQT đã có biến động về nhân sự tại ĐHCĐ thường niên năm 2024, cụ thể:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
Giai đoạn từ năm 2021 đến 28/06/2024:			
1	Phí Mạnh Cường	CT. HĐQT	
2	Đỗ Ngọc Khanh	PCT.HĐQT	
3	Lê Quốc Khánh	Thành viên	
4	Nguyễn Tấn Cường	Thành viên	
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	
Giai đoạn từ 28/06/2024 đến nay			
1	Phí Mạnh Cường	CT. HĐQT	
2	Đỗ Vinh Quang	PCT.HĐQT	
3	Lê Quốc Khánh	Thành viên	
4	Ngô Thị Thúy Mai	Thành viên	
5	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 được tổ chức với cơ cấu hợp lý, đảm bảo sự kết hợp giữa kinh nghiệm quản lý, chuyên môn trong lĩnh vực lâm nghiệp và năng lực điều

hành TCT. Các thành viên Hội đồng quản trị cơ bản duy trì sự ổn định, có sự phối hợp chặt chẽ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã phát huy tốt vai trò định hướng chiến lược, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong quá trình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

II. Về tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	% TH/KH
I	Chỉ tiêu lâm sinh				
-	Tạo rừng mới năm 1	ha	2.987	3.946	132%
-	Khai thác gỗ rừng trồng	ha	2.757	3.980	144%
II	Chỉ tiêu tài chính				
1	Công ty Mẹ				
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.420	1.557	110%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	268	272	101%
-	Cổ tức dự kiến	%/VDL	6,6%	6,97%	105%
2	Hợp nhất toàn Tổng công ty				
-	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	2.231	2.267	102%
-	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	330	331	100,5%

❖ Nhận xét, đánh giá:

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty diễn ra trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục có những biến động, giá cả đầu vào có xu hướng tăng, thị trường tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp chưa thực sự ổn định. Bên cạnh đó, diễn biến thời tiết phức tạp, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nguy cơ sâu bệnh, cháy rừng tiềm ẩn đã tác động nhất định đến hoạt động sản xuất lâm nghiệp của Tổng công ty.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Hội đồng quản trị, sự chủ động, linh hoạt trong điều hành của Ban điều hành cùng với nỗ lực của toàn thể cán bộ, người lao động, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể:

- Khối Công ty Mẹ:

+ Tổng doanh thu đạt 1.557 tỷ đồng, vượt 10% kế hoạch năm và tăng trưởng 18% so với năm 2024.

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 272 tỷ đồng, vượt 1% kế hoạch năm.

+ Cổ tức dự kiến 6,97%/VDL, vượt 5% kế hoạch năm.

- Hợp nhất toàn Tổng công ty:

+ Doanh thu hợp nhất đạt 2.267 tỷ đồng, vượt 1% kế hoạch năm và tăng trưởng 10% so với năm 2024.

+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 331 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch năm.

Nhìn chung, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao. Hoạt động sản xuất lâm sinh được triển khai hiệu quả, đảm bảo tiến độ và kế hoạch đề ra; khối Công ty mẹ tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, duy trì tăng trưởng và đảm bảo mức cổ tức ổn định cho cổ đông.

Tuy nhiên, hiệu quả tăng trưởng chưa thực sự tương xứng với mức tăng doanh thu, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn chịu áp lực từ chi phí đầu vào và các yếu tố thị trường. Bên cạnh đó, kết quả hợp nhất toàn Tổng công ty tuy hoàn thành kế hoạch nhưng mức tăng trưởng còn hạn chế, sự đóng góp của một số đơn vị thành viên chưa đồng đều.

Trong thời gian tới, Tổng công ty cần tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị, kiểm soát chi phí, phát huy tiềm năng của các đơn vị thành viên, đồng thời đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao chất lượng tăng trưởng, nhằm đảm bảo phát triển bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2025:

Năm 2025, Tổng công ty đã xác định 15 nhiệm vụ trọng tâm để ưu tiên thực hiện, trong đó một số nhiệm vụ chính được Lãnh đạo Tổng công ty đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện như: Tổ chức triển khai kế hoạch, nhiệm vụ năm 2025 được chủ sở hữu giao và ĐHCĐ thông qua; Triển khai Chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2035, trong đó tập trung đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025 và xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030; Phát triển sản xuất lâm nghiệp; Xây dựng Đề án kinh doanh tín chỉ Các bon; Quy hoạch và nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất; Đẩy mạnh ứng dụng KHCN, chuyển đổi số trong quản lý điều hành và SXKD; Thực hiện ý kiến kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ;...

Việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm được thực hiện đồng bộ, linh hoạt và thống nhất từ Văn phòng TCT đến các đơn vị thành viên. Đến nay, các nhiệm vụ trọng tâm cơ bản đã đạt kết quả tốt như: Đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2025; hoàn thành việc xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm 2026; hoàn thành việc XDKH 5 năm giai đoạn 2026-2030; hoàn thành tăng vốn cho 05 đơn vị (4 đơn vị lâm nghiệp và 01 đơn vị kinh doanh dăm gỗ); hoàn thành và đưa vào vận hành Trung tâm nghiên cứu giống cây trồng tại Công ty LN Hòa Bình; đối với các Dự án đầu tư XDCCB tại Văn phòng TCT và các Chi nhánh của Công ty Mẹ: đã hoàn thành công tác xây dựng và tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng;...

Tuy nhiên bên cạnh đó một số nhiệm vụ kết quả thực hiện còn đạt thấp như: Dự án cải tạo, nâng cấp Xưởng CB gỗ - LN Hòa Bình chậm tiến độ do điều chỉnh quy mô nhiều lần, đến nay vẫn chưa hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi; đề án kinh doanh tín chỉ các bon chưa hoàn thiện do còn phải đợi Nhà nước hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật; việc xử lý rừng giữ hộ nhà nước tại các Công ty CP Giống LN chưa thực hiện được do chưa có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ...

3. Hoạt động của HĐQT:

Năm 2025, Tổng công ty triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn gia tăng, xung đột tại một số khu vực vẫn kéo dài, tác động đến chuỗi cung ứng và thương mại toàn cầu. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, nhu cầu tiêu dùng chưa ổn định, hoạt động xuất nhập khẩu còn nhiều khó khăn.

Ở trong nước, nền kinh tế duy trì đà phục hồi nhưng vẫn đối mặt với nhiều thách thức; sức cầu thị trường cải thiện nhưng chưa bền vững, chi phí đầu vào còn ở mức cao, tạo áp lực lên hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ, thị trường xuất khẩu tuy có tín hiệu phục hồi nhưng chưa đồng đều giữa các thị trường; giá nguyên liệu và sản phẩm có biến động; yêu cầu về tiêu chuẩn, truy xuất nguồn

gốc và phát triển bền vững ngày càng khát khe, đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp trong ngành.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành chủ động, linh hoạt trong quản trị, điều hành; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản trị, kiểm soát chi phí, đồng thời đẩy mạnh tái cơ cấu, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng với thị trường. Tổng công ty tiếp tục phát huy lợi thế về tài nguyên rừng, từng bước nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất, tăng cường liên kết với các đơn vị thành viên, đối tác trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó, Tổng công ty duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các cổ đông, đặc biệt là cổ đông chiến lược, nhằm tận dụng nguồn lực, kinh nghiệm quản trị và mở rộng thị trường. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, sự điều hành linh hoạt của Ban điều hành và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 do Đại hội đồng cổ đông giao, tiếp tục giữ vững định hướng phát triển ổn định, bền vững trong trung và dài hạn.

Năm 2025 Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ và có sự tham dự đầy đủ của tất cả các Thành viên HĐQT; TV.HĐQT kiêm Tổng giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát (hoặc thành viên Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền). Đối với các vấn đề quan trọng, HĐQT mời các Phó Tổng giám đốc và một số Trưởng Ban/phòng có liên quan tham dự để tham khảo ý kiến bổ sung thông tin. Các nội dung biểu quyết đều đồng thuận 100%, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự quy định. Năm 2025, theo định kỳ và đột xuất, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp để thảo luận và quyết nghị những vấn đề lớn, phức tạp của Tổng công ty như định hướng về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm, phê duyệt kế hoạch, tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc, tham gia tái cơ cấu các đơn vị lâm nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, phê duyệt quy định, quy chế quản trị nội bộ.... công tác đầu tư tài chính và một số nhiệm vụ liên quan khác của Hội đồng quản trị.

- Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và phiếu lấy ý kiến, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 22 Nghị quyết để chỉ đạo các hoạt động của Tổng công ty theo thẩm quyền; bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã có ý kiến vào khoảng 400 hồ sơ do Tổng giám đốc trình để phê duyệt và xem xét chấp thuận một số nội dung thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc trước khi Tổng giám đốc quyết định.

III. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2021-2026:

1. Kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty:

Trong giai đoạn 2021-2025, mặc dù gặp nhiều khó khăn do bối cảnh kinh tế - xã hội không thuận lợi (như Đại dịch Covid-19, xung đột chiến tranh kéo dài, cạnh tranh chiến lược, địa chính trị gay gắt giữa các nước lớn, lạm phát và giá cả các yếu tố đầu vào tăng cao, tăng trưởng kinh tế, đầu tư, tiêu dùng toàn cầu sụt giảm, lũ lụt thiên tai liên tiếp đặc biệt trong năm 2024, 2025...), HĐQT và Ban điều hành đã chỉ đạo sát sao, quyết liệt trong điều hành nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty luôn được duy trì ổn định và đạt được một số kết quả khả quan trong nhiệm kỳ vừa qua, cụ thể như sau:

Bảng 1. Kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2025

Chỉ tiêu*	ĐVT	KH 5 năm 2021-2025	TH 5 năm 2021-2025	%TH/KH 5 năm 2021-2025
-----------	-----	-----------------------	--------------------------	------------------------------

I. Công ty Mẹ					
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.482	6.821	124%	
- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.188	1.434	121%	
- Tỷ lệ cổ tức	%/VDL	31,3	37,3	119%	
II. Hợp nhất toàn Tổng công ty					
- Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.360	11.168	108%	
- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.452	1.737	120%	

* Số liệu KH 5 năm giai đoạn 2021-2025 được Cơ quan đại diện Chủ sở hữu thông qua tại văn bản số 2883/UBQLV-NN ngày 29/12/2023 và được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 244/NQ/ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024.

Tổng công ty đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp, ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu vốn Nhà nước; hoàn thành vượt các chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế và tỉ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu được giao theo kế hoạch hàng năm do cơ quan đại diện Chủ sở hữu vốn Nhà nước (Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trước đây và nay là Bộ Tài chính) và Đại hội đồng cổ đông giao, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, cổ tức đều hoàn thành vượt và đạt cao, bảo toàn và phát triển vốn cổ đông (trong đó có vốn nhà nước).

Giai đoạn 2021-2025, Công ty Mẹ: Doanh thu vượt 24%, Lợi nhuận sau thuế vượt 121%, cổ tức vượt 19%; Hợp nhất toàn Tổng công ty: Doanh thu vượt 8%, Lợi nhuận sau thuế vượt 20% so với kế hoạch. Tổng giá trị cổ tức Tổng công ty nộp về NSNN trong nhiệm kỳ qua đạt khoảng 702 tỷ đồng (tương đương 39,33 % giá trị vốn đầu tư của Nhà nước tại Tổng công ty); nộp ngân sách và trả cổ tức cho phần vốn Nhà nước đầy đủ, đúng quy định. Đời sống, việc làm của người lao động trong Tổng công ty được đảm bảo và nâng cao.

Bảng 2. Kết quả SXKD hàng năm của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
		KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%	KH	TH	%
Công ty Mẹ																
Tổng doanh thu	Tỷ đ	1.021	1.102	108	1.120	1.433	128	1.452	1.407	97	1.189	1.322	111	1.420	1.557	110
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	205	219	107	220	331	150	336	350	104	202	262	130	268	272	101
Cổ tức	%	5,2	6,49	125	5,7	8,26	145	8,6	9,21	107	5,2	6,48	125	6,6	6,97	106
Tỉ suất LNST/Vốn CSHBQ	%	5,6	5,6	100	5,7	8,3	147	8,0	8,7	109	5,2	6,7	129	6,8	6,9	102
Hợp nhất																
Tổng doanh thu	Tỷ đ	2.166	2.311	107	2.360	2.496	106	2.554	2.026	79	1.991	2.066	104	2.231	2.267	102
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đ	219	288	132	330	484	147	465	276	59	317	358	113	330	331	100,5
Tạo rừng mới năm l	Ha	3.032	3.293	108	3.047	2.815	92	2.890	2.890	100	2.901	3.088	106	2.987	3.946	132
Khái thác gỗ rừng trồng	Ha	3.071	3.390	110	3.033	3.891	95	2.619	2.613	100	2.906	3.711	132	2.757	3.980	144

Trong nhiệm kỳ 2021-2026, kết quả sản xuất kinh doanh vượt kế hoạch chủ yếu đến từ việc Hội đồng quản trị đã kịp thời định hướng tái cơ cấu hoạt động, tập trung vào các lĩnh

vực cốt lõi có hiệu quả cao, đồng thời nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng. Bên cạnh đó, việc chủ động mở rộng hợp tác đầu tư, phát triển chuỗi giá trị từ trồng rừng đến chế biến và thương mại đã góp phần gia tăng giá trị sản phẩm và cải thiện biên lợi nhuận. Tuy nhiên, hoạt động hợp nhất của Tổng công ty trong một số năm chịu ảnh hưởng nhất định từ biến động thị trường quốc tế, giá nguyên liệu đầu vào và nhu cầu tiêu thụ suy giảm tại một số thị trường xuất khẩu, đòi hỏi Tổng công ty tiếp tục nâng cao năng lực dự báo và khả năng thích ứng trong thời gian tới.

Với những kết quả đạt được nêu trên, Tổng công ty đã được Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN tặng cờ thi đua và nhiều bằng khen qua các năm. Cụ thể:

- + Năm 2021: Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ
- + Năm 2022 và năm 2023: Cờ thi đua của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại DN
- + Năm 2024: Tập thể lao động xuất sắc
- + Năm 2025: Huân chương lao động hạng Ba (lần 2)

2. Công tác xây dựng chiến lược phát triển, đầu tư phát triển:

Nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT đã tập trung chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP đến 2030, tầm nhìn 2035; kế hoạch SXKD, ĐIPT 5 năm đến 2025. Chiến lược đã định hướng Tổng công ty phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn theo định hướng của Đảng và đã được chủ sở hữu và Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua.

3. Công tác quản lý sản xuất Lâm nghiệp:

- Với diện tích đất lâm nghiệp quản lý lớn, Tổng công ty đã tập trung tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng đầu tư thâm canh cao, lựa chọn nhiều giống cây mới có năng suất cao, chất lượng tốt, khả năng thích nghi với điều kiện thời tiết khắc nghiệt và kháng bệnh tốt, rừng trồng bằng cây mô, cải tạo đất bằng phương pháp cơ giới; Đã trồng thí điểm 70 giống keo và bạch đàn mới và lựa chọn được 10 giống trồng đại trà phù hợp với từng vùng sinh thái; tập trung phát triển trồng cây gỗ lớn, chuyển đổi trồng cây đa mục đích (cây dẻ ăn quả, mắc ca, hồi, quế, sò,...) để hình thành vùng nguyên liệu tập trung phục vụ thị trường xuất khẩu. Giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã tạo mới khoảng 16.032 ha rừng, trong đó đã trồng thêm được 1.034 ha rừng trồng gỗ lớn (keo lá tràm, thông...); 201 ha rừng cây đa mục đích.

- Thực hiện cải tạo, mở rộng các trạm sản xuất giống, vườn ươm tại các đơn vị lâm nghiệp, tăng cường sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào để tạo ra cây giống chất lượng cao. Năm 2025, Tổng công ty đã hoàn thành dự án “Cải tạo, mở rộng vườn ươm và nuôi cấy mô” tại Công ty LN Hòa Bình (giai đoạn 1) với công suất thiết kế là 17 triệu cây giống/năm để tăng quy mô và đẩy mạnh sản xuất tiêu thụ cây giống chất lượng cao từ năm 2026. giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 200 tr.cây, vượt 16% KH 5 năm (169 tr.cây) và tăng trưởng 45% so với giai đoạn 2016-2020, có thương hiệu uy tín và chiếm thị phần lớn trên thị trường cả nước. Chất lượng, năng suất rừng trồng của Tổng công ty được nâng cao rõ rệt, cung cấp cây giống chất lượng cao cho các tỉnh thành trong cả nước, góp phần tăng thu nhập cho người dân địa phương.

- Đã chỉ đạo việc xây dựng, phê duyệt và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững cho tất cả các công ty lâm nghiệp. Đồng thời triển khai mở rộng diện tích có chứng chỉ rừng FSC tăng từ 04 công ty lâm nghiệp lên 6 công ty (Công ty LN Đình Lập đã nhận chứng chỉ, Công ty LN Lộc Bình đang nâng cấp hệ thống để xin cấp chứng chỉ rừng FSC).

- Đã hoàn thành Đề cương Đề án sơ bộ về phát triển, kinh doanh tín chỉ các-bon rừng. Đề án chi tiết hiện đang được xây dựng song song với việc hành lang pháp lý của Việt Nam dần được hình thành.

4. Về phát triển chế biến gỗ: Đã chỉ đạo cải tạo sửa chữa, mở rộng nhà xưởng, nâng cấp máy móc thiết bị tại một số đơn vị lâm nghiệp. Bên cạnh đó cũng chủ động hoặc đẩy mạnh hợp tác với đối tác trong và ngoài nước đầu tư xây dựng nhà máy chế biến viên nén gỗ xuất khẩu tại Bà Rịa - Vũng Tàu; mua lại Nhà máy chế biến viên nén gỗ tại Quảng Ninh, nghiên cứu triển khai Dự án đầu tư nhà máy chế biến gỗ Vinafor Lạng Sơn tại Cụm CN Đình Lập; tăng vốn điều lệ cho các đơn vị thành viên để mở rộng quy mô, phát triển sản xuất lâm nghiệp và chế biến, từng bước củng cố chuỗi giá trị “Từ trồng rừng đến sản phẩm”, nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm lâm nghiệp của Tổng công ty và tạo đà phát triển cho Tổng công ty trong giai đoạn tới.

5. Về mở rộng và phát triển kinh doanh thương mại, dịch vụ:

Tổng công ty đã hỗ trợ các đơn vị thành viên trong việc kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm, xử lý tồn kho, cung ứng gỗ nguyên liệu, góp phần ổn định và phát triển sản xuất; đồng thời tích cực tìm kiếm cơ hội hợp tác trong và ngoài nước, tạo tiền đề cho giai đoạn 2026–2030. Giai đoạn 2021–2025, Tổng công ty đã cung ứng khoảng 52.000 m³ gỗ nhập khẩu, 626.000 tấn dăm gỗ, 52.000 tấn viên nén gỗ cho các đơn vị xuất khẩu và 73.000 tấn gỗ nguyên liệu cho các đơn vị chế xuất trong và ngoài Tổng công ty. Doanh thu bình quân giai đoạn 2021–2025 đạt khoảng 550 tỷ đồng/năm, tăng 87% so với giai đoạn 2016–2020.

- Về hoạt động kinh doanh dịch vụ: đã thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng nên doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động cho thuê mặt bằng, văn phòng và cung cấp dịch vụ khác vẫn được duy trì ổn định.

- Về hoạt động xúc tiến thương mại: Năm 2025, Tổng công ty đã tham gia các sự kiện lớn như Q-Fair 2025, Hội chợ mùa thu 2025..., qua đó đã từng bước nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Tổng công ty với các đối tác, khách hàng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và bền vững.

6. Công tác tổ chức nhân sự: Thường xuyên thực hiện việc rà soát đánh giá để quy hoạch, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, quản lý và cán bộ nhân viên tại Cơ quan Tổng công ty, các đơn vị trực thuộc và hệ thống người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty để nâng cao hiệu quả quản lý vốn và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị. Thực hiện tốt công tác cơ cấu tổ chức, tổ chức cán bộ, chế độ chính sách đối với người lao động đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ; Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng; tuyển dụng, bố trí nhân sự có chất lượng để bổ sung, kiện toàn nhân sự cho một số ban chuyên môn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo yêu cầu công việc và kế hoạch được duyệt.

7. Về công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai: Tổng công ty đã quản lý sử dụng đất theo quy định; tiếp tục chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện hồ sơ pháp lý và có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất:

- Chủ động tập trung đo đạc, cắm mốc, bàn giao đất về địa phương; đẩy mạnh công tác thu hồi đất rừng (được khoảng 2.453 ha) để đưa vào sử dụng đúng mục đích.

- Đã được miễn, giảm 32.799 ha/33.772 ha; đạt 97% diện tích được thuê; còn lại 972 ha đang phải nộp toàn bộ tiền thuê đất do hết hạn miễn, giảm hoặc chưa được miễn, giảm.

- Tổng công ty đã tích cực làm việc với các Bộ ban ngành để được giải quyết các vấn đề liên quan đến rừng giữ hộ Nhà nước.

- Giai đoạn 2021-2024, Tổng công ty đã phối hợp với UBQLV và Bộ Tài chính thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định 167/NĐ-CP và 67/NĐ-CP. Năm 2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 03/2025/NĐ-CP (có hiệu lực từ 01/01/2025 và thay thế cho Nghị định 167/NĐ-CP và 67/NĐ-CP), Tổng công ty không thuộc đối tượng sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Do đó, Tổng công ty tiếp tục quản lý sử dụng các cơ sở nhà đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, Luật Đất đai và các pháp luật khác có liên quan; tiếp tục chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện hồ sơ pháp lý, sử dụng đất đúng mục đích và có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

8. Công tác đầu tư tài chính và quản lý người đại diện vốn Tổng công ty:

Tổng công ty hiện có các đơn vị thành viên gồm:

+ 06 đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ (loại hình Chi nhánh doanh nghiệp) và 03 văn phòng đại diện.

+ 09 Công ty TNHH MTV.

+ 11 công ty con, 16 công ty liên kết và 08 Công ty TNHH 2 TV trở lên.

Về cơ bản, đa số các đơn vị hoạt động có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư. Một số đơn vị có dấu hiệu mất an toàn tài chính, thua lỗ đã được Tổng công ty chú trọng, tăng cường giám sát tài chính/giám sát đặc biệt. Kết quả đạt được: Tỷ suất lợi nhuận/vốn đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty đạt khoảng 21,9%. HĐQT Tổng công đã và đang kiện toàn hệ thống người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty. Ban hành các quy chế như: quy chế giám sát tài chính năm 2021, quy chế quản lý người đại diện theo ủy quyền năm 2022; thường xuyên theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn tại các đơn vị để có phương án tái cơ cấu, sắp xếp kiện toàn bộ máy; duy trì và tăng hiệu quả đầu tư vốn. Đã xây dựng và triển khai Kế hoạch giám sát tài chính năm, kế hoạch giám sát tài chính đặc biệt. Kết quả giám sát cho thấy các đơn vị cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính hoặc có dấu hiệu mất an toàn tài chính, qua đó có đơn vị đã khôi phục lại hoạt động, nâng cao hiệu quả SXKD (như Công ty MTV LN Đông Bắc), tuy nhiên vẫn còn có đơn vị gặp khó khăn do yếu tố thị trường (Công ty CP L&S&XNK Hà Tĩnh).

9. Công tác cơ cấu lại:

Thực hiện Quyết định số 360/QĐ/TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng công ty đã chủ động triển khai xây dựng Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025, Đề án được Ủy ban chấp thuận và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty thông qua. Qua triển khai thực hiện, Tổng công ty đã đạt được một số kết quả như sau:

- Hoàn thành chuyển đổi các Phòng thành các Ban chuyên môn thuộc Cơ quan Tổng công ty năm 2024.

- Thành lập các Công ty mới: Đã hợp tác liên doanh góp vốn thành lập Công ty TNHH Năng lượng tái tạo Uni - Vinafor Châu Đức (Unifor) tại Bà Rịa – Vũng Tàu với giá trị 41,3 tỷ đồng để sản xuất, xuất khẩu viên nén gỗ. Thành lập Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Vinafor Lạng Sơn (100% vốn TCT) để sản xuất viên nén và ván bóc.

- Đã tăng vốn điều lệ cho một số đơn vị thành viên (LN Lộc Bình, LN Đình Lập, LN La Ngà, LN Ba Tư, LN Đông Bắc, GLN vùng Bắc Bộ, Công ty CP Cẩm Hà) để mở rộng quy mô, phát triển SXKD đặc biệt là lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp bền vững, tạo đà phát triển cho Tổng công ty trong giai đoạn tới với tổng giá trị khoảng 312,9 tỷ đồng.

- Về công tác thoái vốn: đã thoái vốn thành công tại 04 đơn vị (Công ty cổ phần Forprodex và Công ty cổ phần Vinafor Vinh, Công ty cổ phần Vinafor Tây Nguyên, Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp Trung Ương). HĐQT tiếp tục chỉ đạo BDH tiếp tục triển khai định giá và tổ chức bán đấu giá đối với các đơn vị còn lại theo Đề án cơ cấu lại, đảm bảo công khai minh bạch, đem lại hiệu quả cho Tổng công ty.

10. Công tác quản trị doanh nghiệp:

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, Tổng công ty đã thực hiện quản trị doanh nghiệp phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời và minh bạch; các giao dịch với bên liên quan được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ quy định và bảo vệ lợi ích của cổ đông.

Tổng công ty đã thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty để phù hợp với quy định của Pháp luật nhằm tạo hành lang pháp lý minh bạch, hiệu quả, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, trong đó đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát; tăng cường công khai, minh bạch, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đề cao trách nhiệm giải trình; chú trọng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, hoạt động và nâng cao hiệu quả của Tổng công ty; Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty đã thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới 64 quy chế, quy định nội bộ.

11. Về ứng dụng Khoa học công nghệ, chuyển đổi số:

Việc ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số đã từng bước được triển khai đồng bộ trong công tác quản trị và sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, tiết kiệm chi phí và tăng tính minh bạch trong quản lý. Hội đồng quản trị xác định chuyển đổi số là một trong những động lực quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trong giai đoạn tới, đồng thời sẽ tiếp tục chỉ đạo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các hệ thống công nghệ phục vụ quản trị và sản xuất.

TCT đã đưa vào vận hành phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; triển khai đồng bộ phần mềm kế toán tài chính; lắp đặt hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối Tổng công ty với các đơn vị thành viên; Triển khai hệ thống chấm công, điểm danh bằng nhận diện khuôn mặt (AI). Đồng thời thử nghiệm tích hợp công nghệ Internet vạn vật trong một số khâu sản xuất (giám sát vườn ươm, quản lý nhập/xuất nguyên liệu), phần mềm quản lý rừng trồng và thống kê sản lượng, sử dụng thiết bị bay không người lái (drone) kết hợp phân tích hình ảnh để đo đếm sản lượng rừng tại một số đơn vị; áp dụng bản đồ số VN2000 trong quản lý, quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp, giúp nâng cao độ chính xác của thông tin địa chính; Việc ứng dụng KHCN và chuyển đổi số trong công tác quản lý điều hành và SXKD giúp Tổng công ty tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

12. Tổng kết các cuộc họp HĐQT và các Nghị quyết của HĐQT:

Theo Điều lệ Tổng công ty, HĐQT họp ít nhất một quý một lần nhưng HĐQT đã tiến hành họp hàng tháng và đột xuất khi cần thiết nên đã thường xuyên chỉ đạo kịp thời, sâu sát hơn đối với mọi hoạt động của Tổng công ty.

12.1 Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Năm 2021: Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 phiên họp
- Năm 2022: Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 phiên họp
- Năm 2023: Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp

- Năm 2024: Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp
- Năm 2025: Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp

Ngoài các phiên họp định kỳ như trên, Hội đồng quản trị thường xuyên bàn bạc, thảo luận, thống nhất qua các cuộc họp bất thường, qua điện thoại, họp trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản để kịp thời đưa ra các nghị quyết, quyết định định hướng sản xuất kinh doanh.

12.2 Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

- Năm 2021: Hội đồng quản trị đã ban hành 15 Nghị quyết
- Năm 2022: Hội đồng quản trị đã ban hành 28 Nghị quyết
- Năm 2023: Hội đồng quản trị đã ban hành 24 Nghị quyết
- Năm 2024: Hội đồng quản trị đã ban hành 25 Nghị quyết
- Năm 2025: Hội đồng quản trị đã ban hành 22 Nghị quyết

Các Nghị quyết Hội đồng quản trị đã triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và định hướng cho hoạt động của ban điều hành hàng tháng, quý để Tổng công ty đưa ra các giải pháp thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch hàng năm Đại hội đồng cổ đông giao.

13. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và các cán bộ quản lý:

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành thông qua việc theo dõi các chỉ tiêu kế hoạch, kết quả sản xuất kinh doanh và các báo cáo định kỳ, đồng thời tham gia trực tiếp vào các cuộc họp điều hành quan trọng. Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành đã nỗ lực và hoàn thành tốt các mục tiêu được giao, đảm bảo duy trì tăng trưởng và ổn định hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc thực hiện.

- Định kỳ hàng tháng, Tổng giám đốc thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo trực tiếp tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp định kỳ của HĐQT.

- Hội đồng quản trị cũng đã sắp xếp thời gian tham gia cuộc họp giao ban hàng tháng do Tổng giám đốc chủ trì và một số cuộc họp của Ban điều hành để nắm bắt thông tin và có ý kiến chỉ đạo kịp thời các công việc liên quan.

- HĐQT cũng đã phối hợp với Ban Kiểm soát, giám sát tình hình hoạt động của Tổng Công ty để từ đó có những chỉ đạo và kiến nghị thiết thực giúp Tổng giám đốc triển khai hiệu quả các nhiệm vụ mà ĐHCĐ và HĐQT giao.

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng giám đốc trong việc thực hiện và hoàn thành các mục tiêu của Tổng Công ty trong nhiệm kỳ 2016-2021, trong bối cảnh kinh tế trong nước cũng như thế giới còn nhiều biến động và trong mô hình quản trị của công ty cổ phần, các hoạt động của Tổng Công ty đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ như đã nêu trên.

Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc đã tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị Quyết của ĐHCĐ, Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

14. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Thù lao	6.918	7.671	6.860	6.226	9.250
Chi phí hoạt động	Theo qui định	Theo qui	Theo qui	Theo qui	Theo qui

		định	định	định	định
--	--	------	------	------	------

Thù lao Hội đồng quản trị các năm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Tổng Công ty và sự phát triển của Tổng Công ty, có thể đánh giá rằng trong nhiệm kỳ II (2021-2026) Hội đồng quản trị Tổng công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy, mặc dù trong điều kiện khó khăn xong các chỉ tiêu chính mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đến năm 2025 giao cho, Tổng công ty đã được hoàn thành và vượt mức một số chỉ tiêu, tạo nền tảng cho Tổng công ty phát triển ổn định và bền vững.

PHẦN THỨ HAI

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ III (2026 – 2031)

Trong nhiệm kỳ 2026–2031, Hội đồng quản trị định hướng phát triển Tổng công ty theo hướng tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi, nâng cao giá trị gia tăng trong toàn bộ chuỗi sản xuất từ trồng rừng đến chế biến và thương mại, đồng thời đẩy mạnh phát triển bền vững gắn với chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Trên cơ sở đó, Tổng công ty sẽ tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, mở rộng thị trường và tăng cường năng lực quản trị nhằm đảm bảo tăng trưởng ổn định, bền vững và gia tăng giá trị cho cổ đông.

I. DỰ BÁO VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

Tình hình thế giới trong những năm tới dự báo sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường khi xung đột chiến tranh Nga-Ukraine, khu vực Trung Đông có thể còn kéo dài, cạnh tranh chiến lược, địa chính trị và bảo hộ thương mại có xu hướng gia tăng (đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc) tạo ra các rào cản thuế quan và phi thuế quan ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa và dịch vụ toàn cầu; các doanh nghiệp lớn tái cấu trúc chuỗi cung ứng và dịch chuyển các cơ sở sản xuất để giảm thiểu tác động từ rào cản thuế quan.

Ở trong khu vực, Việt Nam vẫn là nền kinh tế tăng trưởng cao nhất trong năm 2025 với mức 8,02%. Việt Nam tiếp tục phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng trung bình tổng sản phẩm trong nước (GDP) cho giai đoạn 2026-2030 từ 10%/năm trở lên; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD/năm.

- *Với ngành lâm nghiệp:* Với nhu cầu sử dụng đồ gỗ toàn cầu ngày càng tăng, người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến các sản phẩm chất lượng cao, bền vững và có chứng chỉ, thân thiện với môi trường. Việt Nam đặt mục tiêu có **1 triệu ha rừng trồng gỗ lớn** (rừng sản xuất) được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC hoặc tương đương) vào năm 2030; Chú trọng phát triển các sản phẩm từ lâm sản ngoài gỗ (Dẻ, macca, dược liệu dưới tán rừng như quế, hồi...) và các dịch vụ môi trường rừng.

- *Với ngành chế biến gỗ:* Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2030, giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản đạt 23 - 25 tỷ USD. Trong giai đoạn tới, các hiệp định thương mại tự do FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP) tiếp tục tạo lợi thế cạnh tranh về thuế quan và cơ hội tiếp cận các thị trường mới cho sản phẩm gỗ Việt Nam; Thị trường tín chỉ carbon rừng đang phát triển mạnh mẽ, mang lại nguồn thu mới cho ngành lâm nghiệp.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2026-2031:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Tổng công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp bền vững trên cơ sở nền tảng khoa học công nghệ hiện đại, là doanh nghiệp lâm nghiệp có vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó, tiên phong, dẫn dắt trong lĩnh vực: (1) sản xuất kinh doanh cây giống lâm nghiệp chất lượng cao; (2) Chuyển đổi trồng rừng thâm canh gỗ có đường kính lớn gắn với mở rộng diện tích rừng trồng đạt tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC, đẩy mạnh trồng cây đa mục đích theo định hướng của Chính phủ; (3) Tư vấn và kinh doanh tín chỉ các bon; (4) Tham gia sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp ở các địa phương; (5) Nghiên cứu để mở rộng diện tích đầu tư lâm nghiệp sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Duy trì tỷ lệ vốn nhà nước tại Tổng công ty là 51%, phát huy vai trò của Doanh nghiệp nhà nước lớn trong phát triển lâm nghiệp bền vững gắn liền với phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới; góp phần phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao.

- Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại Tổng công ty theo hướng tăng quy mô, giảm đầu mối, hiệu quả; đẩy mạnh đầu tư phát triển vào ngành nghề, lĩnh vực SXKD chính; đẩy mạnh ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; đẩy mạnh phát triển văn hóa doanh nghiệp Vinafor... để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

- Thực hiện quản trị công khai minh bạch, hiệu quả trên nền tảng số, áp dụng nguyên tắc quản trị của OECD.

- Nâng cao hiệu quả từ hoạt động SXKD chính, giảm dần phụ thuộc vào nguồn thu từ các hoạt động khác; Phần đầu tăng trưởng doanh thu cao hơn tăng trưởng ngành trong giai đoạn 2026-2030 và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng hai con số của cả nước; Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, nâng cao đời sống, thu nhập cho CBNV người lao động của Tổng công ty, các hộ nhận khoán và người dân trên địa bàn hoạt động; thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD 5 năm:

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Tổng công ty phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 và 5 năm giai đoạn 2026-2030 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

a. Một số chỉ tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2025	KH 2026 (Dự kiến)	% KH/TH
I	Chỉ tiêu tài chính				
1	Công ty mẹ				
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.557	1.712	110%
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	272	290	107%
-	Tỉ suất LNST/VCSH(ROE)	%	6,6	7,25	110%
-	Cổ tức dự kiến	%/VDL	6,97	7,5	108%
2	Hợp nhất				
-	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	2.267	2.495	110%
-	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	331	330	100%
-	Tỉ suất LNST/VCSH(ROE)		6,5	6,5	100%

II	Chỉ tiêu lâm sinh				
-	Tạo rừng mới năm 1	ha	3.946	2.999	76%
-	Khai thác gỗ rừng trồng	ha	3.980	2.806	71%

(Các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên chưa tính đến các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh thêm trong năm 2026)

b. Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kế hoạch năm					KH 5 năm 2026-2030	Tốc độ tăng trưởng
			2026	2027	2028	2029	2030		
I	Công ty Mẹ								
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.712	1.775	1.846	1.921	2.040	9.294	5,6%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	290	307	316	332	350	1.595	
4	(ROE) bình quân	%	7,25	7,68	7,88	8,26	8,66	7,9	
	(ROA) bình quân	%	6,80	7,31	7,48	7,85	8,22	7,5	
II	Hợp nhất								
1	SXTT cây giống	Tr.cây	52	57	62	69	75	315	10%
2	Tạo rừng mới năm 1	Ha	2.999	3.123	3.106	3.141	3.143	15.512	
-	Cây gỗ lớn	Ha	514	511	488	473	515	2.501	
3	Khai thác gỗ	Ha	2.806	3.088	3.203	3.345	3.146	15.588	
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.495	2.536	2.787	2.745	2.988	13.551	5,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	330	341	354	361	424	1.809	
7	(ROE) bình quân	%	6,5	6,8	7,0	7,0	8,3	7,11	
	(ROA) bình quân	%	5,9	6,1	6,3	6,4	7,6	6,44	

(Các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2027-2030 là dự kiến và mang tính định hướng, Tổng công ty sẽ có báo cáo chi tiết tại Đại hội cổ đông hằng năm)

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ tiếp theo:

3.1. Một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2026:

- Bám sát các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ Tài chính, Tập đoàn T&T, tập trung mọi nguồn lực, thực hiện mọi giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 đã đề ra.

3.1.1 Về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026:

Để tiếp tục củng cố nền tảng, phát triển hoạt động SXLN và chế biến sâu, đạt được các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, tầm nhìn 2035 được ĐHCĐ thông qua, tạo sự đột phá, động lực tăng trưởng bền vững và mang lại hiệu quả cao cho những năm tiếp theo, Tổng công ty dự kiến tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển, triển khai các Dự án trong năm 2026 với giá trị giải ngân dự kiến khoảng **279 tỷ đồng** để mở rộng và phát triển SXKD, trong đó tập trung vào các Dự án chế biến sâu và tăng vốn điều lệ cho các đơn vị có tiềm năng, lợi thế để mở rộng và phát triển SXKD lâm nghiệp. Cụ thể:

- Đầu tư trồng rừng thâm canh, gỗ lớn, trồng cây đa mục đích bằng phương pháp kỹ thuật tiên tiến và phát triển chế biến gỗ tại các Chi nhánh Công ty Mẹ: Giá trị đầu tư dự kiến **khoảng 55,3 tỷ đồng**. Trong đó, bổ sung vốn cho MDF Gia Lai khoảng 5,9 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư trồng cây đa mục đích (macca); bổ sung khoảng 49,4 tỷ đồng cho LN Hòa Bình để đầu tư trồng rừng, cải tạo nâng cấp xưởng CB gỗ + vốn lưu động.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gỗ Đình Lập: Giá trị dự kiến giải ngân trong năm 2026 **khoảng 180 tỷ đồng** để thực hiện các hạng mục theo Dự án.

- Dự án đầu tư phát triển CNTT, nâng cấp phần mềm và chuyển đổi số của Tổng công ty: Dự kiến giá trị giải ngân **khoảng 1,4 tỷ đồng**. Trong đó: đầu tư PM quản lý nhân sự, thuê tư vấn xây dựng KPI, thuê đường chuyên internet và bảo trì hệ thống mạng của VPTCT.

- Các dự án XDCB, DTPT tại Văn phòng TCT và các Chi nhánh: Tiếp tục cải tạo, sửa chữa TSCĐ, cơ sở vật chất tại VPTCT để chống xuống cấp, đảm bảo điều kiện làm việc và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành... Giá trị dự kiến sẽ giải ngân trong năm 2026 khoảng **24 tỷ đồng**.

- Tăng vốn điều lệ cho một số đơn vị lâm nghiệp, giống lâm nghiệp để mở rộng hoạt động SXKD và DTPT: giá trị dự kiến giải ngân trong năm 2026 khoảng hơn **18,1 tỷ đồng**. Trong đó: tiếp tục giải ngân tăng VDL cho LN La Ngà khoảng 8,8 tỷ đồng, cho GLN Bắc Bộ 731 tr.đồng, cho LN Đinh Lập 8,5 tỷ để đầu tư trồng rừng.

3.1.2 Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2026-2031 của Tổng công ty.

3.1.3 Phát triển sản xuất lâm nghiệp; thực hiện tốt vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong việc định hướng, dẫn dắt phát triển lĩnh vực sản xuất Lâm nghiệp bền vững, đóng góp vào phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của cả nước, chống biến đổi khí hậu và cải thiện môi trường, đảm bảo việc làm, đời sống, thu nhập cho người lao động trong Tổng công ty, các hộ nhận khoán, người dân trên địa bàn và các vùng lân cận, góp phần đảm bảo an sinh xã hội miền núi và an ninh quốc phòng.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung của Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, gắn với điều kiện thực tế từng đơn vị.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu trồng khảo nghiệm các giống mới lựa chọn giống mới năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh; Nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng cây giống, tiếp tục cải tạo, nâng cấp vườn ươm, cơ sở sản xuất giống; mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh, gỗ lớn, cây đa mục đích chi đạo của Chính phủ hướng tới phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý, lâm sinh và giống cây nhằm nâng cao chất lượng rừng trồng; đẩy mạnh ứng dụng/đổi mới khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý đất đai, rừng và giống cây trồng; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và nghiệm thu trồng, chăm sóc rừng hàng năm.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị rà soát, hoàn thành việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và sau năm 2030 theo định hướng tăng diện tích trồng rừng gỗ lớn, cây đa mục đích, tăng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp.

- Xử lý tài sản, rừng giữ hộ nhà nước tại các Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp.

3.1.4 Về phát triển lĩnh vực Chế biến gỗ

- Xây dựng thương hiệu, uy tín của Tổng công ty thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã tạo ra các sản phẩm gỗ có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, sản phẩm, kênh phân phối của Tổng công ty. Trong đó, tập trung phát triển thị trường nội địa.

- Nâng cao năng lực sản xuất, đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, tự động hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Triển khai áp dụng chứng chỉ rừng bền vững cho các đơn vị còn lại, bảo đảm nguồn gốc gỗ hợp pháp để cung ứng cho các đơn vị chế biến gỗ của Tổng công ty.

3.1.5 Nâng cao hiệu quả sử dụng đất phi nông nghiệp

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị định của Chính Phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác quản lý sử dụng các cơ sở nhà đất theo đúng quy định pháp luật, quy hoạch của địa phương.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả khai thác các cơ sở nhà đất phi nông nghiệp của Tổng công ty để thực hiện một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tránh lãng phí.

- Đẩy nhanh tốc độ hoàn thiện hồ sơ pháp lý các cơ sở đất phi nông nghiệp của Tổng công ty theo đúng lộ trình, kế hoạch đã đề ra.

3.1.6 Đẩy mạnh công tác marketing, phát triển thị trường và xúc tiến thương mại để tăng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm lâm nghiệp, tăng doanh thu, lợi nhuận cho Tổng công ty.

3.1.7 Tăng cường liên doanh liên kết, hợp tác quốc tế để nghiên cứu thành lập các liên doanh mới, nâng cao hơn nữa hiệu quả đầu tư vốn tại các công ty liên doanh hiện có.

3.1.8 Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện Hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ. Trong đó trọng tâm là rà soát, sửa đổi bổ sung Điều lệ, các quy chế, quy định của Tổng công ty theo quy định của Luật số 68/2025/QH15 năm 2025 về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025 và một số quy định pháp luật khác.

3.1.9 Đẩy mạnh đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động SXKD, quản lý điều hành của Tổng công ty và các đơn vị thành viên; nghiên cứu tạo ra những sản phẩm mới, ưu việt, thân thiện với môi trường, từng bước hoàn thiện chuỗi cung ứng nội bộ, củng cố và phát triển thương hiệu, uy tín của Vinafor trên thị trường trong nước và quốc tế... nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

3.1.10 Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả SXKD của Tổng công ty.

3.1.11 Tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản, đất đai và thực thi pháp luật tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên; Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện Kết luận của Thanh tra Chính phủ, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí; kiểm soát quyền lực phòng chống tham nhũng, tiêu cực; Triển khai thực hiện Đề án Văn hóa doanh nghiệp trong toàn Tổng công ty.

3.1.12 Đảm bảo vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của Tổng công ty; xây dựng Đảng bộ Tổng công ty trong sạch vững mạnh.

3.1.13 Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, các Phòng/Ban, đơn vị tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Tổng công ty góp phần hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 đề ra.

3.2. Một số nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2026-2031.

a. Tập trung mọi nguồn lực, thực hiện mọi giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030 đề ra, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của cả nước trong giai đoạn 2026-2030 từ 10% trở lên:

+ Phát triển sản xuất lâm nghiệp bền vững hài hòa ba trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường, phù hợp với Chiến lược, quy hoạch phát triển lâm nghiệp quốc gia; Phát huy sứ mệnh, vai trò của Doanh nghiệp nhà nước lớn trong việc định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế khác cùng lĩnh vực, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và cải thiện môi trường.

+ Phát triển lĩnh vực chế biến gỗ

+ Mở rộng và phát triển kinh doanh thương mại và dịch vụ

+ Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.

b. Đẩy mạnh đầu tư phát triển:

Giá trị đầu tư giai đoạn 2026-2030 dự kiến khoảng 846 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Đầu tư XDCB, dự án:

+ Đầu tư trồng rừng tập trung thâm canh gỗ lớn, trồng cây đa mục đích và phát triển chế biến gỗ tại Chi nhánh Công ty MDF Vinafor Gia Lai, Công ty LN Hòa Bình.

+ Đầu tư ứng dụng KHCN, chuyển đổi số;

+ Đầu tư XDCB, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp TSCĐ tại VPTCT và các Chi nhánh;

+ Đầu tư các dự án để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất phi nông nghiệp;

+ Đầu tư dự án du lịch sinh thái tại các đơn vị có tiềm năng;

- Đầu tư vốn tại các công ty con, liên kết:

+ Tăng vốn điều lệ để: mở rộng và phát triển sản xuất lâm nghiệp bền vững, đầu tư cải tạo nâng cấp vườn ươm, xưởng chế biến sơ gắn với vùng nguyên liệu.

+ Tăng vốn ĐL cho Công ty TNHH MTV Vinafor Lạng Sơn để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy CB gỗ tại Cụm công nghiệp Đình lập, Tỉnh Lạng Sơn.

+ Tăng vốn ĐL cho Công ty CP Giống LN vùng Bắc Trung Bộ, Giống LN vùng Nam Bộ để cải tạo nâng cấp Trung tâm nuôi cấy mô, hệ thống vườn ươm, mở rộng phát triển hoạt động SXKD cây giống chất lượng cao và đầu tư trồng rừng.

+ Hợp tác kinh doanh với các đơn vị SX viên nén, ván ép trong nước để cùng xây dựng các nhà máy ngay trên vùng nguyên liệu vừa tạo công ăn việc làm vừa thúc đẩy xây dựng vùng nguyên liệu gỗ có chứng chỉ phát triển rừng bền vững.

+ Tạo lập và dẫn dắt thị trường chế biến thông qua đầu tư phát triển chuỗi liên kết từ nguyên liệu đến sản phẩm và nâng cao năng lực chế biến trong ngành.

c. Phát triển lâm nghiệp bền vững:

- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cải tạo, nâng cấp các Trung tâm nghiên cứu nuôi cấy mô, hệ thống vườn ươm để phát triển, tạo ra những giống cây chất lượng cao cung cấp cho thị trường trong nước và tiến tới xuất khẩu sang các thị trường lân cận (Lào, Campuchia...).

- Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh, trồng rừng gỗ lớn (Keo lá tràm); trồng rừng bằng giống mới chất lượng; ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào trồng rừng. Tiếp tục nghiên cứu việc chuyển đổi trồng cây đa mục đích; đồng thời theo dõi, đánh giá diện tích đã trồng để xem xét mở rộng đầu tư. Rà soát hợp đồng giao khoán, tổ chức lại công tác giao khoán đảm bảo đúng quy định, đem lại hiệu quả cao hơn.

- Nghiên cứu, xây dựng quy trình, kỹ thuật, dự toán lâm sinh đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với điều kiện lập địa, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng tăng hiệu quả sản xuất lâm nghiệp.

- Xây dựng chứng chỉ rừng bền vững đối với các diện tích chưa được cấp chứng chỉ.

- Rà soát lại toàn bộ hiện trạng đất giữ lại để xây dựng quy hoạch, phương án quản lý sử dụng đất hiệu quả hơn; chủ động phối hợp với địa phương giải quyết, thu hồi đất bị lấn chiếm về quản lý, kiên quyết không để xảy ra lấn chiếm đất mới, tái lấn chiếm; không có diện tích đất cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng, chuyển mục đích trái pháp luật.

- Chủ động làm việc với chính quyền địa phương để hoàn thiện công tác đo đạc cắm mốc, thuê đất, cấp GCNQSD đất; miễn, giảm tiền thuê đất; Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kết luận của Thanh tra Chính phủ về đất đai.

- Thực hiện các dự án tín chỉ các bon rừng: (1) Xây dựng dự án tín chỉ các bon rừng đối với diện tích rừng do Tổng công ty đang quản lý; (2) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và tiến tới đăng ký một số Dự án với Bộ để thực hiện các dự án tín chỉ các bon rừng cho các vùng sinh thái của Việt Nam.

- Nghiên cứu mở rộng đầu tư lâm nghiệp tại Lào với các hoạt động như: cây giống, trồng rừng gỗ lớn, chế biến gỗ, quản lý rừng bền vững, tín chỉ các bon.

d. Sắp xếp, cơ cấu lại Tổng công ty

Tiếp tục triển khai các nội dung chưa hoàn thành của Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021–2025 và chủ động xây dựng, hoàn thành và triển khai quyết liệt có hiệu quả Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 theo tinh thần Nghị quyết 79 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 29 của Chính phủ.

e. Mở rộng và phát triển kinh doanh thương mại, dịch vụ

- Giảm dần tỷ trọng gỗ tự nhiên nhập khẩu, đa dạng chủng loại hàng hóa, mở rộng kinh doanh gỗ nguyên liệu trong nước.

- Đảm bảo nguồn cung có chất lượng, ổn định, đa dạng bằng cách xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp gỗ uy tín và đáng tin cậy từ các quốc gia nhập khẩu và các chủ rừng trong nước. Tiếp tục tận dụng ưu thế chứng chỉ FSC hiện có và các chứng chỉ rừng khác như EUDR, PEFC.. đối với các loại gỗ nguyên liệu kinh doanh để đáp ứng các tiêu chuẩn mới tại các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam là Mỹ và Châu Âu, từ đó tăng tính cạnh tranh khi cung ứng cho các đơn vị chế biến xuất khẩu.

- Mở rộng thị trường thông qua triển khai đa dạng kênh bán hàng điện tử và các nền tảng mạng xã hội có lượng người dùng lớn...; Triển khai các chuỗi cửa hàng, kênh phân phối bán lẻ, ứng dụng công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý hàng hóa nhằm tăng hiệu quả kinh doanh và tiết kiệm chi phí.

g. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai:

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị bám sát các sở ngành địa phương để hoàn thiện hồ sơ pháp lý các cơ sở đất phi nông nghiệp của Tổng công ty theo đúng lộ trình đã đề ra.

- Rà soát các cơ sở nhà đất chưa phát huy hiệu quả, tiềm năng; hỗ trợ các giải pháp đầu tư, chuyển đổi phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, xây dựng phương án tổng thể khai thác sử dụng các cơ sở nhà đất đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực.

- Chỉ đạo các đơn vị, người đại diện quản lý sử dụng đất theo đúng quy định, quy hoạch của địa phương, rà soát các hợp đồng hợp tác kinh doanh đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng đất sai mục đích, sử dụng kém hiệu quả.

h. Về phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực Tổng công ty theo hướng tinh gọn, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực để nâng cao năng suất lao động; đẩy mạnh liên kết với các đối tác để đào tạo và tuyển dụng.

- Chú trọng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý cho CBCNV, công nhân kỹ thuật lành nghề để đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguồn nhân lực của Tổng công ty. Xây dựng cơ chế đãi ngộ phù hợp theo hiệu quả công việc (KPI) của cán bộ công nhân viên.

- Tăng cường hoạt động trao đổi thông tin, luân chuyển cán bộ, tập huấn, đào tạo chéo trong các đơn vị của Tổng công ty.

l. Tăng cường kiểm soát nội bộ và thực thi pháp luật

- Rà soát sửa đổi bổ sung Điều lệ, Hệ thống quy chế, quy định của Tổng công ty theo hướng đơn giản hóa các thủ tục, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hậu kiểm tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong các hoạt động SXKD.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm tại các đơn vị trực thuộc, các Nhóm đại diện theo ủy quyền, giám sát nội bộ nhằm phát hiện sớm các tồn tại, rủi ro và đề xuất giải pháp xử lý kịp thời.

- Kiểm tra, giám sát đơn vị tình hình thực hiện các Kiến nghị trong Kết luận kiểm tra của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và của Tổng công ty đảm bảo việc thực hiện đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.

- Kiểm soát rủi ro pháp lý tại các Hợp đồng, dự án, các văn bản Tổng công ty ban hành; Giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp liên quan đến các lĩnh vực của Tổng công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch: tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực hàng năm; triển khai và báo cáo định kỳ theo quy định; tuyên truyền, phổ biến thường xuyên về công tác tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

k. Ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

- Đẩy mạnh ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào trong mọi mặt hoạt động của TCT từ quản trị, SXKD, Đầu tư phát triển.

- Lựa chọn các nhà cung cấp giải pháp phần mềm và dịch vụ CNTT có kinh nghiệm, uy tín để tư vấn, triển khai các hệ thống quan trọng.

- Bố trí ngân sách nâng cấp hạ tầng mạng, máy chủ, trang thiết bị (máy quét OCR, thiết bị hội nghị trực tuyến...) bảo đảm đủ năng lực cho các ứng dụng mới.

- Tổ chức các khóa đào tạo bài bản cho CBCNV, người lao động về kỹ năng sử dụng từng phần mềm khi đưa vào hoạt động; thực hiện truyền thông nội bộ về lợi ích của chuyển đổi số để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận. Đảm bảo hầu hết CBCNV, người lao động có thể sử dụng thành thạo trên môi trường số.

l. Đẩy mạnh hợp tác và liên doanh liên kết

- Duy trì mối quan hệ hợp tác và phối hợp chặt chẽ với các đối tác truyền thống. Cùng đối tác xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn quản lý phù hợp với xu thế, môi trường đầu tư và kinh doanh tại Việt nam. Đẩy mạnh các hoạt động cập nhật thông tin thường xuyên, trao đổi những ý tưởng đầu tư kinh doanh mới để tận dụng khả năng, thế mạnh của các bên.

- Tiếp tục nghiên cứu các dự án phát triển mở rộng quy mô hợp tác, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các công ty liên doanh/ liên kết.

- Tìm kiếm và tiếp cận các đối tác lớn, có uy tín trên thế giới trong cùng ngành hàng, hoạt động chính của Tổng công ty để học hỏi kinh nghiệm quản lý, cập nhật, nắm bắt thông tin và đề xuất chuyển giao công nghệ khoa học tiên tiến.

- Thông qua hoạt động hợp tác liên doanh, liên kết, đẩy mạnh việc giao lưu, học hỏi về văn hóa doanh nghiệp từ các đối tác tại các nước phát triển, tiên tiến hiện đại. Chủ động việc áp dụng vào trong hoạt động quản trị, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của nội bộ để cải tiến, nâng cao văn hóa kinh doanh cách chuyên nghiệp hơn.

4. Lịch sinh hoạt của Hội đồng quản trị:

- Duy trì sinh hoạt đều đặn định kỳ 1 tháng/lần, hoặc ít nhất mỗi quý 1 lần theo quy định.

- Thực hiện việc quản trị Tổng công ty và công bố thông tin theo đúng quy định của công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và nhiệm kỳ theo đúng thời gian quy định.

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phí Mạnh Cường

BÁO CÁO

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ NHIỆM KỲ II (2021 – 2026), ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2026 VÀ NHIỆM KỲ III (2026-2031)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (Vinafor);

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần;

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS trong năm 2025 và nhiệm kỳ II (2021 – 2026), định hướng nhiệm vụ của BKS trong năm 2026 và nhiệm kỳ III (2026 - 2031).

Phần I

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Trong nhiệm kỳ 2021-2026, BKS gồm 03 thành viên được phân công những nội dung công việc phù hợp với kinh nghiệm và chuyên môn của mình, đã thực hiện hoàn thành trách nhiệm của BKS theo Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS đã không bị giới hạn nào trong thực thi quyền hạn của mình.

Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát, chi phí cho hoạt động của BKS được thanh toán theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và được phản ánh trên mục riêng tại Báo cáo tài chính.

BKS đã nhận được sự phối hợp, cộng tác đầy đủ, trách nhiệm và hiệu quả của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc cung cấp thông tin, giải trình theo yêu cầu của BKS phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty. Kết quả kiểm tra, giám sát và các ý kiến của BKS đều được gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc bằng văn bản và ý kiến tại các cuộc họp.

Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan, cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ chủ yếu là các giao dịch: góp vốn

điều lệ; thu hồi gốc, lãi vay; doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa nội bộ; hỗ trợ... và được phản ánh trên mục riêng tại Báo cáo tài chính.

I. Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong quản trị và điều hành

Trong năm 2025 và cả nhiệm kỳ 2021 - 2026, Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc đã tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, HĐQT, Tổng giám đốc đều có sự phân công, phân nhiệm cho các thành viên và các cấp điều hành, có tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua các phiên họp HĐQT, giao ban hàng tháng và các cuộc họp chuyên đề phục vụ sản xuất kinh doanh.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Tổng công ty đã phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh. Kết quả sản xuất kinh doanh được trình bày chi tiết tại Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trình bày tại Đại hội.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp thường kỳ và đột xuất, HĐQT đã ban hành 22 nghị quyết và nhiều quyết định để định hướng phát triển cũng như duy trì sự ổn định sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Ban điều hành đã duy trì giao ban chung hàng tháng và giao ban chuyên đề đối với các đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành trong năm 2025 đều có sự tham gia của Trưởng ban và/hoặc thành viên BKS.

Trước bối cảnh giai đoạn 2021–2025 có nhiều biến động (đại dịch Covid, chiến tranh Nga–Ukraine, xung đột thương mại Mỹ–Trung) và chính sách thuế quan của Mỹ cùng với các yêu cầu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững và các hàng rào thương mại mới từ một số thị trường, ... HĐQT đã đồng hành cùng Ban điều hành trong việc chỉ đạo các đơn vị thành viên xây dựng và triển khai các giải pháp linh hoạt, kịp thời Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành và vượt kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 được Đại hội đồng cổ đông giao.

BKS giám sát HĐQT, TGD Tổng công ty trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 và cả nhiệm kỳ 2021 - 2026, thực hiện kế hoạch giám sát, kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong các năm 2021-2025 của Tổng công ty, cụ thể:

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị tiếp tục thực hiện Kết luận Thanh tra số 1452/KL-TTCP của Thanh tra Chính phủ về việc chấp hành pháp luật trong quản lý và sử dụng đất đai, trong đó có đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh theo chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản số 105/KTNN-TH ngày 11/3/2022 và Thông báo số 106/TB-KTNN ngày 11/03/2022 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và kiểm toán các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước giai đoạn 2016-2020 tại Tổng công ty; Tổng công ty đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị nghiêm túc thực hiện các kiến nghị được chỉ ra tại các đơn vị theo đúng quy định, đến nay cơ bản các kiến nghị đã được xử lý, giải quyết.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2021-2025, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty;

- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động; Tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thành các dự án, công trình đầu tư mới và dở dang...

- Thực hiện đề án tái cơ cấu tại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025;

- Thực hiện triển khai các biện pháp quản lý đặc biệt đối với một số công ty có biến động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính.

Năm 2025, BKS tiếp tục tham gia công tác giám sát lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và cả năm của Tổng công ty theo đúng quy định; kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý sử dụng vốn tại một số đơn vị trực thuộc và các công ty có cổ phần chi phối của Tổng công ty theo kế hoạch, theo chuyên đề để đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như việc triển khai của HĐQT và Tổng giám đốc. Hoạt động giám sát của BKS cũng được điều chỉnh để phù hợp với hoàn cảnh hoạt động của Tổng công ty trong giai đoạn này.

Hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty đã được thực hiện đầy đủ và tuân thủ quy định pháp luật.

BKS đánh giá các quy chế, quy định đã ban hành theo thẩm quyền phù hợp với quy định pháp luật và đặc điểm hoạt động của Tổng công ty.

Trong năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026, BKS không nhận được đơn thư tố cáo hay khiếu nại nào liên quan đến HĐQT và Ban điều hành gửi về Ban kiểm soát.

II. Giám sát Ban điều hành trong việc xây dựng các quy chế, quy định phù hợp với hoạt động của công ty cổ phần

Trong năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ban điều hành đã tổ chức rà soát các quy chế, quy định hiện có để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới đảm bảo đúng quy định pháp luật nhà nước và phù hợp với bối cảnh hoạt động của Tổng công ty. BKS đã giám sát và phối hợp với các thành viên HĐQT, Ban điều hành trong công tác này để đảm bảo việc xây dựng, ban hành được thực hiện phù hợp và đúng thẩm quyền.

BKS đánh giá các quy chế, quy định của Tổng công ty đã ban hành được xây dựng đúng quy định pháp luật và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Tổng công ty.

III. Thẩm định Báo cáo tài chính năm

1. Các căn cứ

Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất (Báo cáo tài chính) do Tổng Giám đốc Tổng công ty đã lập theo các biểu mẫu của Bộ Tài Chính ban hành tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BTC ngày 20/01/2020 thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính;

Các biên bản ghi nhận kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam phát hành;

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2025 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam phát hành ngày 26 tháng 03 năm 2026.

2. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu chi tiết về tài sản, nguồn vốn, công nợ và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 được trình bày chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tại www.vinafor.com.vn.

Phần II

ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026 VÀ NHIỆM KỲ III (2026-2031)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần và các quy định nội bộ có liên quan của Tổng công ty, Ban kiểm soát xây dựng định hướng nhiệm vụ trong năm 2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 như sau:

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty trong việc quản trị, điều hành Tổng Công ty thông qua các hoạt động:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành tổ chức;
- Theo dõi và đánh giá tiến độ việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội cổ đông, các Nghị quyết của HĐQT;
- Tiếp tục theo dõi Tổng công ty thực hiện những kết luận, kiến nghị của Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước;
- Tiếp tục tham vấn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới đầy đủ hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với quy mô phát triển và đặc thù hoạt động của Tổng công ty;
- Giám sát công tác công bố thông tin theo quy định áp dụng đối với các tổ chức niêm yết chứng khoán;
- Kiểm tra thực tế việc thực hiện các quy định, quy chế của Tổng công ty và các mặt hoạt động khác tại Tổng Công ty;
- BKS chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đảm bảo tuân thủ những quy định mới của Pháp luật, điều lệ Tổng công ty.

2. Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm theo quy định bao gồm cả việc giám sát công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính;

3. Kịp thời thông báo cho HĐQT về những vi phạm của người quản lý, điều hành; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

4. Họp BKS định kỳ (trực tiếp hoặc theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản); thực hiện sơ kết, tổng kết, lập kế hoạch công tác thường xuyên và đột xuất;

5. Lập báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát khi tham dự các cuộc họp HĐQT; Lập kết quả thẩm định báo cáo tài chính theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty;

6. Thực hiện công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, của Pháp luật và theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

Phần III

CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tập trung mọi nguồn lực để tổ chức thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra trong năm 2026 và 05 năm 2026-2031. Theo đó Tổng công ty cần bám sát bối cảnh chung của thị trường trong nước và quốc tế, đề ra các giải pháp cụ thể mang tính đột phá và khả thi, tạo động lực để phát triển bền vững.

2. Thúc đẩy các hoạt động đầu tư vào các dự án trồng rừng gỗ lớn, các loài cây đa dụng, chế biến gỗ và sản xuất cây giống chất lượng cao. Đồng thời, tăng cường liên kết chuỗi giá trị lâm nghiệp giữa các đơn vị sản xuất cây giống, các dự án trồng rừng và các đơn vị chế biến gỗ, nhằm thiết lập các vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo sự đồng bộ và tối đa hóa thế mạnh của từng đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

3. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp thông qua việc: đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, khoa học công nghệ trong quản lý đất đai, quản lý chất lượng rừng và xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp.

4. Tiếp tục đẩy mạnh việc thoái vốn tại một số đơn vị có vốn góp chưa thoái vốn thành công giai đoạn 2021-2025.

5. Có giải pháp hữu hiệu trong công tác xây dựng thể chế của Tổng công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế và mang lại hiệu quả cho Tổng công ty.

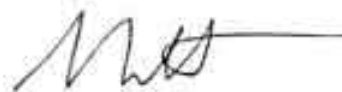
Trên đây là Báo cáo về việc kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát trong năm 2025, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và định hướng nhiệm vụ của BKS trong năm 2026, nhiệm kỳ 2026-2031.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên /.

Nơi gửi:

- Như kính gửi;
- Lưu Ban Kiểm soát

TM Ban Kiểm soát
Trưởng Ban



Nguyễn Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Vv thông qua chiến lược phát triển Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP
giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần (Tổng công ty) báo cáo và xin ý kiến đến toàn thể Quý cổ đông chấp thuận thông qua Chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 (Chiến lược) với một số nội dung chủ yếu như sau:

A. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHIẾN LƯỢC:

1. Mục tiêu định hướng

1.1 Quan điểm, định hướng phát triển

- Phấn đấu trở thành DNNN mạnh, có quy mô lớn, giữ vai trò tiên phong, định hướng phát triển trong ngành lâm nghiệp; phù hợp với Chiến lược, Quy hoạch phát triển lâm nghiệp Quốc gia.

- Đẩy mạnh và tiên phong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số để tham gia tích cực vào phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải và hấp thụ khí nhà kính.

- Thực hiện quản trị doanh nghiệp hiện đại trên nền tảng số, áp dụng nguyên tắc quản trị tiên tiến; cơ cấu lại Tổng công ty một cách thực chất hiệu quả, giảm đầu mỗi tầng quy mô.

- Bảo đảm sự lãnh đạo xuyên suốt và toàn diện của Đảng trong việc định hướng phát triển của Tổng công ty.

1.2 Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- Tổng công ty trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp bền vững trên cơ sở nền tảng khoa học công nghệ hiện đại, là doanh nghiệp lâm nghiệp có vốn hóa lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó, tiên phong, dẫn dắt trong lĩnh vực: (1) sản xuất kinh doanh cây giống lâm nghiệp chất lượng cao; (2) Chuyển đổi trồng rừng thâm canh gỗ có đường kính lớn gắn với mở rộng diện tích rừng trồng đạt tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC, đẩy mạnh trồng cây đa mục đích theo định hướng của Chính phủ; (3) Tư vấn và kinh doanh tín chỉ các bon; (4) Tham gia sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp ở các địa phương; (5) Nghiên cứu để mở rộng diện tích đầu tư lâm nghiệp sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn nhà nước là 51%, phát huy vai trò của Doanh nghiệp nhà nước lớn trong phát triển lâm nghiệp bền vững gắn liền với phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới; góp phần phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao.

- Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, cơ cấu lại Tổng công ty theo hướng tăng quy mô, giảm đầu mỗi, hiệu quả; đẩy mạnh đầu tư phát triển vào ngành nghề, lĩnh vực SXKD chính; đẩy mạnh ứng dụng KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các mặt



hoạt động của Tổng công ty; đẩy mạnh phát triển văn hóa doanh nghiệp Vinafor... để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.

- Thực hiện quản trị công khai minh bạch, hiệu quả trên nền tảng số, áp dụng nguyên tắc quản trị của OECD.

- Nâng cao hiệu quả từ hoạt động SXKD chính, giảm dần phụ thuộc vào nguồn thu từ các hoạt động khác; Phần đầu tăng trưởng doanh thu cao hơn tăng trưởng ngành trong giai đoạn 2026-2030 và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng hai con số của cả nước; Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, nâng cao đời sống, thu nhập cho cán bộ nhân viên người lao động của Tổng công ty, các hộ nhận khoán và người dân trên địa bàn hoạt động.

2. Các nhiệm vụ chủ yếu

2.1 Bám sát các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ Tài chính, Tập đoàn T&T. Đặc biệt là triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 79/NQ-TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 29/NQ-CP và Nghị quyết 41/NQ-CP của Chính phủ; đưa Luật số 68/2025/QH15 và các Nghị định, thông tư hướng dẫn vào thực tiễn trong các mặt hoạt động của Tổng công ty; Tập trung mọi nguồn lực, thực hiện mọi giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện, phần đầu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu chiến lược giai đoạn 2026-2030 đề ra, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của cả nước trong giai đoạn 2026-2030 từ 10% trở lên. Trong đó:

- Phát triển sản xuất lâm nghiệp bền vững hài hòa ba trụ cột: Kinh tế - Xã hội - Môi trường; phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước lớn trong việc tiên phong, định hướng phát triển cho các thành phần kinh tế khác cùng lĩnh vực, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và cải thiện môi trường.

- Phát triển lĩnh vực chế biến gỗ.

- Mở rộng và phát triển lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ.

- Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai.

2.2 Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030 để tạo nền tảng vững chắc giúp Tổng công ty tăng trưởng và phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

2.3 Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại vốn của Tổng công ty theo kế hoạch cơ cấu lại vốn giai đoạn 2026-2030.

2.4 Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao năng suất lao động, giúp Tổng công ty tăng trưởng và phát triển bền vững.

2.5 Sửa đổi bổ sung Điều lệ; hoàn thiện hệ thống nội quy, các quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho các đơn vị thành viên đổi mới sáng tạo và phát triển, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hậu kiểm; nâng cao hiệu quả và minh bạch hóa hệ thống quản trị nội bộ theo quy định của pháp luật.

2.6 Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các mặt hoạt động (từ quản trị, sản xuất kinh doanh, Đầu tư...) của Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị để nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của Tổng công ty;

2.7 Hoàn thiện hệ thống quản trị theo các nguyên tắc chủ yếu của OECD, phù hợp với đặc thù của Tổng công ty.

2.8 Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển văn hóa doanh nghiệp Vinafor.

2.9 Nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng; thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao góp phần đảm bảo an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

3. Các chỉ tiêu cụ thể đến hết năm 2030

- Sản lượng sản xuất, tiêu thụ cây giống của Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 đạt trên 300 triệu cây giống các loại, **tăng trưởng 10%/năm** so với giai đoạn trước;

- Diện tích rừng trồng thâm canh, gỗ có đường kính lớn giai đoạn 2026-2030 tăng thêm hơn 2.000 ha, tăng gấp 2 lần so với giai đoạn trước;

- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 13.551 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ đạt khoảng 9.294 tỷ đồng. Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 5,6% - 5,8%/năm;

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 1.809 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ đạt khoảng 1.595 tỷ đồng.

- Tỷ suất ROE bình quân giai đoạn 2026-2030 của Hợp nhất toàn Tổng công ty đạt khoảng 7,1%/năm. Trong đó, ROE bình quân của Công ty mẹ đạt khoảng 7,9%/năm.

4. Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030

4.1 Mục tiêu đầu tư

Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ hoạt động SXKD có hiệu quả và mở rộng phát triển lĩnh vực chế biến gỗ, sản xuất lâm nghiệp của Tổng công ty và các đơn vị thành viên nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược đến năm 2030 và các năm tiếp theo.

4.2 Kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030

Tổng mức đầu tư khoảng 1.273 tỷ đồng. Trong đó, giá trị đầu tư của Tổng công ty dự kiến khoảng 846 tỷ đồng (chưa bao gồm Dự án đầu tư phát triển lâm nghiệp tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và tham gia sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp của địa phương). Bao gồm:

- Kế hoạch đầu tư XDCB, Dự án (do Công ty mẹ là Chủ đầu tư): 189 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết: 427 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư phát triển các dự án chế biến gỗ (thành lập doanh nghiệp để đầu tư hoặc góp vốn với đối tác liên doanh): 230 tỷ đồng.

Ngoài ra tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển lâm nghiệp tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và tham gia sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp của địa phương.

5. Kế hoạch cơ cấu lại vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác

5.1 Tiêu chí cơ cấu lại vốn tại doanh nghiệp:

Trên cơ sở kế thừa các tiêu chí cơ cấu lại vốn của Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 và các định hướng, quy định mới của Đảng, nhà nước, dự thảo Quyết định về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp kèm theo Tờ trình số 144/TTr-BTC ngày 12/3/2026 của Bộ Tài chính về Quyết định về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các tiêu chí cơ cấu lại vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác như sau:

a) Tiêu chí tiếp tục duy trì vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác như sau:

- Tiêu chí 1: Năm giữ quyền chi phối từ trên 50% vốn điều lệ trở lên tại Công ty lâm nghiệp có phương án sử dụng đất từ 1000 ha trở lên.
- Tiêu chí 2: Các công ty thuộc ngành, lĩnh vực kinh doanh chính/có liên quan phục vụ trực tiếp ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty (trồng rừng và chế biến các sản phẩm từ rừng trồng) và hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
- Tiêu chí 3: Các công ty có vai trò quan trọng, chủ yếu hoặc quy mô cần thiết để thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 và hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- Tiêu chí 4 (về sáp nhập): Các công ty TNHH MTV hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty và cùng địa bàn, khu vực; hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐTV các công ty; phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2026-2030.
- Tiêu chí 5: Các công ty không thuộc các tiêu chí 1, 2, 3, 4 nêu trên và không thuộc tiêu chí thoái vốn.

b) Tiêu chí thực hiện thoái vốn như sau:

- Tiêu chí 1: Các Công ty thuộc danh mục thoái vốn của Đề án cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025.
- Tiêu chí 2: Các công ty có ngành nghề kinh doanh chính (hoặc nay không còn các ngành nghề liên quan đến ngành nghề chính của Tổng công ty) không thuộc ngành, lĩnh vực kinh doanh chính/có liên quan phục vụ trực tiếp ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty (trồng rừng và chế biến các sản phẩm từ rừng).
- Tiêu chí 3: Các công ty hoạt động kinh doanh kém hiệu quả (thua lỗ, lỗ lũy kế lớn hơn 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu...) hoặc không còn vai trò quan trọng, chủ yếu hoặc quy mô cần thiết cho việc thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty giai đoạn 2026-2030.
- Tiêu chí 4: Các công ty có quyền chi phối thấp (tỷ lệ sở hữu dưới 50%), Tổng công ty không đủ quyền quyết định, phụ quyết các vấn đề của doanh nghiệp tại ĐHĐCĐ/HĐQT/HĐTV theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và gặp khó khăn trong công tác quản lý, bảo toàn vốn đầu tư, tiềm ẩn rủi ro tới quyền lợi của Tổng công ty.
- Tiêu chí 5: Các Công ty không còn nhiều tiềm năng, lợi thế như trước (thay đổi về pháp luật và các quy định hoặc chính sách của Nhà nước làm ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị; mất một thị trường lớn, mất khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh theo hình thức cấp phép, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng, gặp các vấn đề khó khăn về lao động, có diện tích đất đai tiềm ẩn rủi ro hoặc thuộc diện bị thu hồi...).

Ghi chú: Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả (có lãi) hoặc kém hiệu quả (thua lỗ, có lỗ lũy kế lớn...) được xác định dựa trên Báo cáo tài chính 02 năm liền kế trước thời điểm xây dựng kế hoạch.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, trường hợp các tiêu chí trên không phù hợp với Quyết định này, Tổng công ty sẽ rà soát, sửa đổi cho phù hợp.

5.2 Danh mục cơ cấu lại vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác

a) Duy trì các Công ty do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ: 9 Công ty

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đông Bắc
- Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ Vinafor Lạng Sơn
- Công ty TNHH MTV Chế biến gỗ và dăm gỗ Dung Quất

- Công ty TNHH MTV Hợp tác lao động và Dịch vụ Vinafor
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tư
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp La Ngà-Đồng Nai
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình
- Công ty TNHH MTV Ván dán Vinafor Bắc Giang

Trong đó, nghiên cứu sáp nhập Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Lộc Bình vào Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đình Lập

b) Duy trì các công ty có vốn góp của Tổng công ty trên 50% vốn điều lệ: 7

Công ty

- Công ty cổ phần Cẩm Hà
- Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp vùng Bắc Bộ
- Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp vùng Bắc Trung Bộ
- Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp vùng Đông Bắc
- Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp vùng Nam Bộ
- Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp vùng Tây Nguyên
- Công ty cổ phần Giống lâm nghiệp vùng Nam Trung Bộ

c) Duy trì các công ty có vốn góp của Tổng công ty dưới 50% vốn điều lệ: 9

Công ty

- Công ty cổ phần 19/5 Đoàn Hùng
- Công ty cổ phần Cờ Đỏ
- Công ty cổ phần Pisico Huế
- Công ty TNHH Nuôi và Phát triển khí Việt Nam
- Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật
- Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Cái Lân
- Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng
- Công ty TNHH Yamaha motor Việt Nam
- Công ty TNHH Việt Thành Thái

- Trong đó, nghiên cứu sáp nhập Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật Vũng Áng vào Công ty TNHH Sản xuất nguyên liệu giấy Việt Nhật

d) Danh mục thoái một phần vốn đầu tư tại các Công ty có vốn góp của Tổng công ty: 01 Công ty

- Công ty TNHH Năng lượng tái tạo Uni - Vinafor Châu Đức (thoái một phần vốn tương đương 10% vốn điều lệ để tìm nhà đầu tư chiến lược)

e) Danh mục thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các Công ty có vốn góp của Tổng công ty: 18 công ty

- Công ty cổ phần Archi Reenco Hòa Bình
- Công ty cổ phần Cơ khí Lâm nghiệp Sài Gòn
- Công ty cổ phần Gỗ lạng Buôn Ma Thuột
- Công ty cổ phần Kon Hà Nừng
- Công ty cổ phần Lâm đặc sản Mây tre xuất khẩu
- Công ty cổ phần Lâm đặc sản và XNK Hà Tĩnh
- Công ty cổ phần Lâm nghiệp 19

- Công ty cổ phần Lâm nghiệp Miền Đông
- Công ty cổ phần Long Bình
- Công ty cổ phần Naforimex Hà Nội
- Công ty cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn
- Công ty cổ phần Thương mại công nghiệp và Chế biến gỗ
- Công ty cổ phần Thương mại Lâm sản Hà Nội
- Công ty cổ phần Vinafor Đà Nẵng
- Công ty cổ phần Vinafor Quảng Trị
- Công ty cổ phần Xây lắp đầu tư phát triển Nông lâm nghiệp VN
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm nông sản Sài Gòn
- Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn

Trường hợp Danh mục cơ cấu lại vốn không còn phù hợp với tiêu chí sửa đổi sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nếu có), Tổng công ty sẽ rà soát, sửa đổi Danh mục cơ cấu lại vốn trên cho phù hợp với các tiêu chí sửa đổi mới.

5.3 Phương thức thực hiện cơ cấu lại vốn:

a) *Về sáp nhập:* Thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan

b) *Về thoái vốn:*

Thực hiện thoái vốn tại doanh nghiệp theo các phương thức quy định của pháp luật, bảo đảm theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, thu hồi vốn đầu tư ở mức cao nhất, hạn chế tối đa tổn thất đầu tư trong chuyển nhượng vốn, áp dụng quy định của Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (và các nghị định hướng dẫn) và các pháp luật có liên quan; thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của Tổng công ty đầu tư bao gồm giá trị tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật; thuê tổ chức đầu giá theo quy định pháp luật để tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn.

Trong đó, về hình thức chào bán dự kiến: Để nâng cao tỷ lệ thành công cho việc thoái vốn, Tổng công ty dự kiến thực hiện phương thức đầu giá công khai theo 01 lô gồm toàn bộ số cổ phần/phần vốn góp sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lý do: Đa số các công ty nằm trong danh mục thực hiện thoái vốn là những đơn vị mà tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại các đơn vị này không chi phối, tiềm ẩn rủi ro về bảo toàn vốn của Tổng công ty, đơn vị có quyền chi phối thì hoạt động không hiệu quả, thua lỗ lớn nên nếu thực hiện đầu giá công khai thông thường thì khả năng cao sẽ rất khó thu hút nhà đầu tư quan tâm (vì họ sẽ khó mua hơn được tỷ lệ sở hữu cần thiết để nắm quyền chi phối, phù quyết nếu có). Ngoài ra, với các tồn tại của các doanh nghiệp thoái vốn thì số cổ phần/phần vốn chào bán có thể bán thành công một phần và do đó phát sinh cổ phần/phần vốn không bán hết (nếu nhà đầu tư mua đủ số cổ phần/phần vốn cần thiết để nắm quyền phù quyết, chi phối và không có nhu cầu mua hết số cổ phần/phần vốn của Tổng công ty chào bán); việc chào bán số cổ phần/phần vốn không bán hết này sẽ khó khăn hơn (do tỷ lệ chào bán nhỏ hơn). Do vậy, việc

chuyển nhượng hết toàn bộ số cổ phần/phần vốn đang nắm giữ tại doanh nghiệp trong một lô đấu giá sẽ có khả năng đem lại thành công cao hơn so với đấu giá thông thường.

6. Giải pháp thực hiện

6.1 Phát triển lâm nghiệp bền vững

- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cải tạo, nâng cấp các Trung tâm nghiên cứu nuôi cấy mô, hệ thống vườn ươm để tạo ra những giống cây chất lượng cao và cung cấp cho thị trường.

- Đẩy mạnh trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống mới chất lượng cao; áp dụng cơ giới hóa, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số (làm đất, số hóa dữ liệu và ứng dụng bản đồ số,...); mở rộng trồng cây đa mục đích; rà soát, tổ chức lại công tác giao khoán đảm bảo đúng quy định, đem lại hiệu quả cao hơn,...

- Triển khai xây dựng chứng chỉ rừng bền vững đối với các diện tích chưa được cấp chứng chỉ; phát triển vùng nguyên liệu FSC cộng đồng.

- Thực hiện các dự án tín chỉ các bon rừng đối với diện tích do Tổng công ty đang quản lý, tiến tới đăng ký một số Dự án với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các dự án tín chỉ các bon rừng cho các vùng sinh thái của Việt Nam.

- Nghiên cứu mở rộng đầu tư phát triển sản xuất lâm nghiệp tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

6.2 Phát triển chế biến gỗ

- Tăng cường đầu tư, cải tạo, nâng cấp nhà, xưởng và máy móc thiết bị tiên tiến hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất cho các đơn vị có tiềm năng phát triển; tích cực áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và chế biến lâm sản; tận dụng có hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

- Tiếp tục đẩy mạnh liên doanh liên kết để thành lập các liên doanh mới quy mô lớn trong lĩnh vực chế biến gỗ, trong đó chú trọng các đối tác truyền thống và mở rộng hợp tác với các đối tác mới có công nghệ hiện đại, có năng lực quản trị và thị trường,...

- Đổi mới mẫu mã và nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các kênh bán hàng trực tuyến (như website của công ty, sàn giao dịch trực tuyến...); xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu các sản phẩm đồ gỗ mang thương hiệu Vinafor.

6.3 Mở rộng và phát triển kinh doanh thương mại, dịch vụ

- Đa dạng chủng loại hàng hóa, mở rộng kinh doanh gỗ nguyên liệu trong nước; ưu tiên phục vụ cho hoạt động chế biến của các đơn vị thành viên.

- Đảm bảo nguồn cung gỗ nguyên liệu có chất lượng ổn định, có nguồn gốc xuất xứ và chứng chỉ rừng bền vững để đáp ứng các tiêu chuẩn mới tại các thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam là Mỹ và Châu Âu.

- Duy trì, mở rộng thị phần xuất khẩu, chủ động xúc tiến thương mại gỗ và sản phẩm gỗ tại các thị trường chính gồm: Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Trung Quốc và mở rộng thị trường mới có nhiều tiềm năng, lợi thế.

- Mở rộng thị trường thông qua đa dạng kênh bán hàng như sàn thương mại trực tuyến (Amazon, Alibaba,...), mạng xã hội (Facebook, Tiktok...), các chuỗi cửa hàng, kênh phân phối bán lẻ, cộng tác viên..., ứng dụng công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý hàng hóa.

6.4 Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai

- Rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý đất đai; đẩy nhanh đo đạc, cắm mốc, lập và phê duyệt phương án sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký hợp đồng thuê đất theo quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất đúng quy định; rà soát các hợp đồng hợp tác kinh doanh đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật; xây dựng phương án tổng thể khai thác sử dụng đất đai đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí nguồn lực.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong thu hồi đất lấn chiếm, bàn giao diện tích không còn nhu cầu sử dụng và xử lý các tồn tại kéo dài về đất đai.

6.5 Giải pháp về đầu tư phát triển:

- Xây dựng tiến độ để triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn 2026-2030. Trong đó tập trung vào: (1) nghiên cứu đầu tư một số nhà máy chế biến gỗ quy mô lớn gắn với vùng nguyên liệu; (2) Nghiên cứu tăng vốn điều lệ cho các đơn vị LN, giống LN để đầu tư mở rộng và phát triển sản xuất lâm nghiệp bền vững.

- Tăng cường theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các Dự án.

6.6 Sắp xếp, cơ cấu lại vốn của Tổng công ty

- Xây dựng và triển khai quyết liệt kế hoạch cơ cấu lại vốn của Tổng công ty giai đoạn 2026-2030 đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả và theo đúng quy định pháp luật.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại Tổng công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Sáp nhập một số Ban chuyên môn, Văn phòng đại diện, Chi nhánh, đơn vị thành viên hoạt động trong cùng lĩnh vực, trên cùng địa bàn khi có đủ điều kiện và phù hợp với tình hình thực tế.

6.7 Phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, sử dụng hợp lý để nâng cao năng suất lao động; đẩy mạnh liên kết với các đối tác để đào tạo và tuyển dụng; chú trọng quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực quản lý cho cán bộ công nhân viên, công nhân kỹ thuật lành nghề; xây dựng cơ chế đãi ngộ phù hợp theo hiệu quả công việc (KPI); đẩy mạnh hoạt động trao đổi đào tạo nhân lực trong lĩnh vực lâm nghiệp với các quốc gia sản xuất lâm nghiệp tốt như Nhật, Úc, Đan Mạch, Phần Lan,....

6.8 Hoàn thiện hệ thống pháp lý, tăng cường công tác kiểm tra giám sát

- Rà soát sửa đổi, bổ sung Điều lệ, các quy chế, quy định của Tổng công ty theo hướng đơn giản hóa các thủ tục, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hậu kiểm nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm tại các đơn vị, giám sát nội bộ nhằm phát hiện sớm các tồn tại, rủi ro và đề xuất giải pháp xử lý kịp thời. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ; Xây dựng kế hoạch tiết kiệm chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực hàng năm.

6.9 Đẩy mạnh ứng dụng KHCN, đổi mới sáng và chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong mọi mặt hoạt động từ quản trị, SXKD, Đầu tư phát triển của Tổng công ty; xây dựng cơ sở dữ liệu, sử dụng các nền tảng kỹ thuật số để tăng cường hiệu quả quản lý, minh bạch hóa quy trình ra quyết định và kết nối với các bên liên quan. Ban hành các quy định, quy trình nội bộ về việc sử dụng hệ thống phần mềm.

6.10 Giải pháp khác

- **Giải pháp về quản trị:** Áp dụng nguyên tắc quản trị OECD phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty. Duy trì Tổng công ty là công ty đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán. Xây dựng hệ thống công bố thông tin kịp thời về tài chính, về ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị)

- **Phát triển văn hóa doanh nghiệp:** Hoàn thiện Quy chế văn hóa doanh nghiệp và Sổ tay văn hóa Vinafor; lồng ghép nội dung văn hóa doanh nghiệp trong các hội nghị, cuộc họp, sinh hoạt chuyên đề và bản tin nội bộ. Đưa tiêu chí đánh giá thực hiện văn hóa doanh nghiệp vào nội dung công tác thi đua - khen thưởng.

- Đẩy mạnh việc liên kết, hội nhập với các tổ chức, hiệp hội chuyên ngành về lâm nghiệp và chế biến gỗ như: Hawa, Vifores, BIFA,.....

- **Nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước giao:** Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức Đảng tại Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc; đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong doanh nghiệp. Rà soát, sửa đổi bổ sung và thực hiện tốt các quy định của Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty và 02 tổ đại diện phần vốn của chủ sở hữu. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành Trung ương và chính quyền địa phương và tích cực tham gia vào các phòng trào, hoạt động an sinh xã hội của Trung ương và các địa phương.

B. ĐỀ XUẤT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Để triển khai kịp thời có hiệu quả, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận thông qua Chiến lược phát triển Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP giai đoạn 2026-2030.

Trường hợp có sự thay đổi nội dung quan trọng của Chiến lược (Kế hoạch đầu tư, Kế hoạch cơ cấu lại vốn ...), Hội đồng quản trị xem xét quyết định thực hiện theo thẩm quyền (trừ nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định) hoặc báo cáo Bộ Tài chính và Công ty cổ phần Tập đoàn T&T theo quy định để thực hiện trên cơ sở phù hợp với thực tế, đem lại hiệu quả cho Tổng công ty.

2. Sau khi Chiến lược ĐHCĐ nhất trí thông qua, HĐQT sẽ chỉ đạo Ban điều hành Tổng công ty tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền và theo đúng quy định pháp luật, phấn đấu thực hiện tốt các định hướng, mục tiêu chiến lược đề ra.

**PHỤ LỤC: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
VÀ KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030**

STT	CHỈ TIÊU	DVT	KH 5 năm giai đoạn 2021-2025	TH giai đoạn 2021-2024	KH 2025	TH năm 2025	% TH/KH 2025	TH giai đoạn 2021-2025	% TH/KH 5 năm 2021-2025	KH2026	KH2027	KH2028	KH2029	KH2030	KH 5 năm giai đoạn 2026-2030	Tăng trưởng trung bình
I	Công ty Mẹ															
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	5.481	5.264	1.420	1.557	110%	6.821	124%	1.712	1.775	1.845	1.921	2.040	9.294	5,6%
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	1.188	1.162	268	272	101%	1.434	121%	290	307	316	332	350	1.595	5,2%
3	Cổ tức	%/VDL	31,3%	30,4%	6,6%	6,97%	106%	37,3%	119%	7,5%	8,0%	8,2%	8,7%	9,2%	8,3%	
4	Tỉ suất LNST/VCSH (ROE)	%	33,9%	29,3%	6,3%	6,6%	105%	7,2%	21,3%	7,25%	7,68%	7,88%	8,26%	8,66%	7,9%	
5	Giá trị DTPT	tỷ đồng	120-165	183	286	303	106%	97	59-81%	279	244	50	212	60	846	
II	Hợp nhất															
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	10.360	8.900	2.231	2.268	102%	11.168	107,8%	2.495	2.536	2.787	2.745	2.988	13.551	5,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	1.452	1.406	330	331	100%	1.737	120%	330	341	354	361	424	1.809	5,3%
3	Tỉ suất LNST/VCSH (ROE)	%	6,0%		5,9%	6,5%	112%	7,0%	116%	6,5%	6,8%	7,0%	7,0%	8,3%	7,1%	
4	Sản xuất tiêu thụ cây giống	tr.cây	169	153	48	47	98%	200	118%	52	57	62	69	75	315	10%
5	Tạo rừng mới năm I. Trong đó:	ha	14.958	12.086	2.987	3.946	132%	16.032	107%	2.999	3.123	3.106	3.141	3.143	15.512	
-	Cây gỗ lớn					324		1.034		514	511	488	473	515	2.501	
-	Cây đa mục đích					107		201		83	221	213	226	177	920	
6	Khai thác rừng	ha	14.533	12.605	2.757	3.980	144%	16.584	114%	2.806	3.088	3.203	3.345	3.146	15.588	

* Ghi chú: Các chỉ tiêu giai đoạn 2027-2030 là chỉ tiêu định hướng, chưa tính đến các yếu tố phát sinh thêm trong quá trình triển khai thực hiện. Căn cứ tình hình thực tế hằng năm, Tổng công ty sẽ XDKH chi tiết trình DHDGD thông qua.

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 68/2028/QH15 ngày 14/06/2025 và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của Công ty mẹ và hợp nhất toàn Tổng công ty;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Tổng số Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (I)	272.202.063.724	
	Trong đó:		
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2025	271.933.420.223	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển sang	268.643.501	
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau		
1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	27.907.695.904	10,25%/LNSTCPP
2	Trả cổ tức bằng tiền (6,97% mệnh giá CP)	243.950.000.000	89,62%/LNSTCPP
	Cộng (II)	271.857.695.904	
III	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 còn lại chuyển phân phối các năm sau (III=I-II)	344.367.820	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. / *Sinh*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phí Mạnh Cường

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về việc quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 như sau:

I. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc năm 2025.

1. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025.

Nghị quyết số 98/NQ/ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong đó thông qua Tờ trình về việc tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị rà soát, xây dựng kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 và xin ý kiến cơ quan chủ sở hữu, trên cơ sở đó để Hội đồng quản trị phê duyệt và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Hội đồng quản trị báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

1.1. Tiền lương của Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách năm 2025.



Tổng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát (03 người: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát) làm việc chuyên trách năm 2025 là: **4.058.147.432 đồng** (xác định theo qui định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025). Đồng thời qui định về việc tiền lương tăng thêm, giảm đi theo mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo qui định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 nêu trên.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025. Hội đồng quản trị Tổng công ty đã quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát năm 2025 (của 03 người: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, tổng số tháng công tác thực tế là 36 tháng) là: **4.622.229.925 đồng** (theo qui định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 tiền lương được tính tăng thêm tối đa 19,1%, HĐQT tính tăng thêm 13,9%).

Trong đó

- Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.899.692.181 đồng
- Tiền lương của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.519.753.745 đồng
- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát: 1.202.784.000 đồng

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách năm 2025.

Tổng mức thù lao kế hoạch của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách năm 2025 là: **811.629.486 đồng** (xác định theo qui định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025).

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và tình hình thực tế. Hội đồng quản trị Tổng công ty đã quyết toán quỹ thù lao của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách năm 2025: **812.259.053 đồng**

Trong đó:

- Thù lao của Thành viên HĐQT (03 người, gồm: 01 Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc + 02 thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc) là: 190.567.418 đồng x 3 người = 571.702.253 đồng

- Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát (02 người) là: 120.278.400 đồng x 2 người = 240.556.800 đồng

2. Tiền lương của Tổng giám đốc năm 2025.

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã quyết toán tiền lương của Tổng giám đốc năm 2025 là: **1.582.478.618 đồng**.

II. Tiền lương, thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026.

Căn cứ các qui định hiện hành của Nhà nước về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý doanh nghiệp có vốn chi phối của Nhà nước (Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ) và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Hội đồng quản trị xây dựng và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát như sau:

1. Tiền lương kế hoạch của Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách năm 2026.

Mức lương bình quân kế hoạch của Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách được xác định trên cơ sở mức lương cơ bản theo (Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ):

Đơn vị: triệu đồng/tháng

Chức danh	Mức lương cơ bản
1. Chủ tịch Hội đồng quản trị	53
2. Trưởng Ban kiểm soát	44
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên	43

Doanh nghiệp có lợi nhuận và lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa bằng 02 lần mức lương cơ bản. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng công ty cao hơn thực hiện năm 2025. Theo đó Quỹ lương kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty (04 người, tính theo số tháng làm việc dự kiến trong năm là 44 tháng) làm việc chuyên trách năm 2026:

$[106.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ người} \times 12 \text{ tháng}] + [86.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \text{ (gồm 02 người, trong đó 01 người dự kiến số tháng làm việc trong năm là 08 tháng)}] + [88.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ người} \times 12 \text{ tháng}] = 4.048.000.000 \text{ đồng}$, theo đó mức lương bình quân kế hoạch là 92.000.000 đồng/người/tháng.

2. Thù lao kế hoạch của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách năm 2026.

Thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Tổng công ty làm việc không chuyên trách năm 2026 được xây dựng theo qui định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 "Mức thù lao tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách được xác định theo thời gian thực tế làm việc nhưng không được vượt quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng quản trị, Kiểm soát viên chuyên trách".

Tổng mức thù lao kế hoạch của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty làm việc không chuyên trách năm 2026, như sau:

- Mức thù lao Thành viên Hội đồng quản trị (03 người, gồm: 01 Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc + 02 thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc. Số tháng làm việc dự kiến là 28 tháng) bằng 13% của Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách: $86.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 13\% = 11.180.000 \text{ đồng/người/tháng}$.

- Mức thù lao Thành viên Ban kiểm soát (02 người): bằng 10% của Kiểm soát viên chuyên trách (Trưởng ban Kiểm soát).

$88.000.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 10\% = 8.800.000 \text{ đồng/người/tháng}$.

Quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Tổng công ty làm việc không chuyên trách (tính theo số tháng đảm nhiệm công việc

2025
TỔNG TY
VIỆT NAM
CỔ PHẦN
FOR
TP.H

trong năm): [11.180.000 đồng x 28 tháng (gồm 03 người, trong đó 01 người dự kiến số tháng làm việc trong năm là 04 tháng)] + [8.800.000 đồng x 2 người x 12 tháng) = **524.240.000 đồng**, theo đó mức thù lao bình quân kế hoạch là 10.081.538 đồng/người/tháng.

III. Tiền lương, thù lao năm 2026 tăng thêm hoặc giảm đi của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát sẽ được điều chỉnh, tăng lên hoặc giảm đi theo kết quả lợi nhuận thực tế đạt được theo qui định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về việc quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước nêu trên.

Nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản. Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với 02 lần mức lương cơ bản và nhân với tỷ lệ lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nhưng không thấp hơn 80% mức lương cơ bản.

IV. Chi trả, quyết toán lương.

Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện theo qui định hiện hành của Nhà nước và của Tổng công ty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phí Mạnh Cường





Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - Công ty cổ phần.

Căn cứ tình hình thực hiện các hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đến nay.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán để tổ chức lựa chọn một (1) công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2026 (riêng, các công ty TNHH MTV và hợp nhất); kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (riêng, các công ty TNHH MTV và hợp nhất) của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần. Danh sách các công ty kiểm toán bao gồm:

- + Công ty TNHH KPMG;
- + Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam;
- + Công ty TNHH ERNST&YOUNG Việt Nam (E&Y);
- + Công ty TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS Việt Nam (PWC).

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện, quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty (về hình thức lựa chọn, phương thức lựa chọn...) đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**QUY CHẾ BẦU CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2026-2031**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp; Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần;
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần,

Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần tiến hành bầu Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031 theo các quy định sau:

Điều 1: Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử.

- Bầu cử bình đẳng, công khai.
- Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ đảm bảo tính dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông.
- Đối tượng có quyền bầu cử: là cổ đông sở hữu cổ phần biểu quyết hoặc người, tổ chức được ủy quyền (sau đây gọi là người được ủy quyền) dự họp có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/03/2026) có mặt tại Đại hội đồng cổ đông tại thời điểm biểu quyết, được đăng ký và ký tên trong danh sách cổ đông dự họp.

Điều 2: Tiêu chuẩn, điều kiện tham gia thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và có thể không phải là cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức) của Tổng công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
- Tuân thủ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 155 của Luật doanh nghiệp.

– Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn điều kiện của pháp luật.

– Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

– Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên.

– Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.

– Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

– Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.

– Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

– Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên.

– Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2031: 05 (năm) thành viên.

Điều 3: Tiêu chuẩn, điều kiện tham gia thành viên Ban kiểm soát.

1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

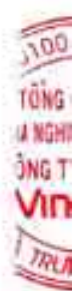
Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

– Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

– Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp; không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

– Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.

– Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động của



Tổng công ty.

– Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

– Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên.

– Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.

– Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

3. Số lượng thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026-2031: 03 (ba) thành viên.

Điều 4: Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

Theo mẫu quy định của Tổng công ty.

Đối với trường hợp đề cử, ứng cử tại Đại hội thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử phải cung cấp ngay hồ sơ đề cử hoặc ứng cử cho Chủ tọa để được xem xét. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tọa sẽ tổ chức biểu quyết tán thành hoặc không tán thành người đó được đưa vào danh sách ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.

Điều 5: Phương thức bầu cử.

– Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

– Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát;

– Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Điều 6: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

– Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được thể hiện đầy đủ trên phiếu bầu "*Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị*", "*Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát*".

– Phiếu bầu được in thống nhất có mã số cổ đông, có số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu biểu quyết và có đóng dấu Tổng công ty.

– Khi cổ đông đến làm thủ tục tham dự Đại hội, cổ đông đăng ký dự họp với Ban Tổ chức và nhận phiếu bầu ngay tại bàn đăng ký. Cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra, đối chiếu với Ban Tổ chức. Nếu có sai sót, cổ đông đề nghị Ban Tổ chức đổi phiếu bầu khác.

– **Phiếu bầu không hợp lệ:**

+ Là phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát ra, không có đóng dấu của Tổng công ty.

+ Phiếu có tổng số quyền bầu đã bầu cho ứng viên (do người bầu tự cộng) lớn hơn tổng số quyền được bầu ghi sẵn trên phiếu.

+ Phiếu bầu tự ý ghi thêm tên người ngoài danh sách đã in hoặc gạch xóa vào phiếu (trường hợp viết sai phải đổi phiếu mới)

+ Phiếu không bầu cho ai.

+ Phiếu bầu nộp cho Ban Kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.

– **Cách ghi trên phiếu bầu:**

+ Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "**số phiếu biểu quyết**" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

+ Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông điền số "0" hoặc để trống.

Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi phiếu bầu bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu, nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, thì cổ đông đó được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu để đổi lại phiếu bầu khác.

Điều 7: Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu.

– Nguyên tắc bỏ phiếu: Ban kiểm phiếu kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông có mặt tại Đại hội. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. Thùng phiếu sẽ được Ban Kiểm phiếu niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

– Ban Kiểm phiếu kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu bầu, kiểm tra lần lượt phiếu bầu và ghi kết quả kiểm phiếu bằng văn bản.

– Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả thành viên Ban Kiểm phiếu.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.

– Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này. Trường hợp có ít nhất 02 ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, thì tổ chức bầu lại theo các quy định tại Quy chế này.



Điều 9: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu.

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 10: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu.

- Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, Ban Kiểm soát sẽ trực tiếp kiểm tra lại, nếu phát hiện sai sót cố ý hoặc có sự gian lận trong kiểm phiếu thì Ban Kiểm phiếu phải chịu bồi hoàn toàn bộ chi phí do phải tổ chức bầu cử lại.
- Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội họp giải quyết và ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11: Hiệu lực của Quy chế.

Quy chế này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần thông qua.

Quy chế này gồm 11 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phí Mạnh Cường



Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

– Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần;

– Căn cứ Hồ sơ đề cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần nhiệm kỳ 2026 - 2031 của các cổ đông, nhóm cổ đông;

– Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-BTC ngày 08/4/2026 của Bộ Tài chính về việc cử lại Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần;

– Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-HĐQT ngày 10/4/2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T về việc thay đổi người đại diện quản lý vốn và cử nhân sự tham gia HĐQT, Ban kiểm soát tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần;

Tính đến 12 giờ 00, ngày 24/4/2026, Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần đã nhận được các hồ sơ đề cử ứng viên tham gia bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031 hợp lệ, sau khi đối chiếu với các điều kiện đề cử được pháp luật và Tổng công ty quy định, danh sách các ứng viên đủ điều kiện tham gia bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031 Tổng công ty, gồm các cá nhân sau:

I. Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị

1. Ông Phí Mạnh Cường - được cổ đông Nhà nước sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

2. Ông Nguyễn Trung Kiên - được cổ đông Nhà nước sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

3. Bà Ngô Thị Thúy Mai - được cổ đông Nhà nước sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

4. Ông Đỗ Vinh Quang - được cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn T&T sở hữu 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

5. Ông Nguyễn Mạnh Hùng - được cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn T&T sở hữu 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

II. Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát

1. Ông Đào Quốc Hoàn - được cổ đông Nhà nước sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

2. Ông Nguyễn Trung Thắng - được cổ đông Nhà nước sở hữu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

3. Ông Ngô Hồng Minh - được cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn T&T sở hữu 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử.

(Thông tin liên quan đến các ứng viên đính kèm)



TRÍCH NGANG LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **PHÍ MẠNH CƯỜNG** Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 28/11/1969.
3. Quê quán: Xã Nam Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
4. Chỗ ở hiện nay: Số 2401 Tòa nhà Vinhomes 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội.
5. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế.
6. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh bằng C
7. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
8. Đào tạo khác: Đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.
9. Chức vụ, công việc hiện nay:
 - Về Đảng: Bí thư Đảng ủy Tổng công ty.
 - Về chính quyền: Phụ trách chung nhóm người Đại diện phần vốn nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty.

10. Tóm tắt quá trình công tác:

12/1989 - 5/1993	Kế toán viên Công ty Lâm sản Đông Bắc
6/1993 - 8/1997	Học Đại học
9/1997 - 10/2003	Cán bộ Công ty Thương mại Lâm sản Hà Nội
11/2003 - 12/2004	Phó phòng KHKD công ty Thương mại Lâm sản Hà Nội
1/2005 - 09/2007	Ủy viên HĐQT, Giám đốc xí nghiệp KDCB&BQNLS Hà Nội Công ty Thương mại LS Hà Nội
10/2007 - 3/2010	Ủy viên HĐQT, Tổ đại diện vốn Nhà nước tại CT Thương mại lâm sản Hà Nội, Giám đốc xí nghiệp KDCB&BQNLS Hà Nội Công ty Thương mại LS Hà Nội.
4/2010 - 5/2010	Trợ lý Tổng giám đốc TCT Lâm nghiệp Việt Nam
6/2010 - 1/2011	Trưởng phòng Kinh doanh 3 Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam
2/2011 - 1/2012	Trưởng phòng KD 3 kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV MDF Gia Lai
2/2012 - 9/2013	Trưởng phòng KD 3 kiêm Giám đốc Công ty MDF Gia Lai
10/2013 - 5/2014	Phó Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng KD 3 Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty MDF Gia Lai
6/2014 - 9/2015	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam kiêm Giám đốc Công ty MDF Gia Lai
10/2015 - 8/2016	Thành viên HĐTV kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam

9/2016 - 6/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần. - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.
7/2019 - nay	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ trách chung Nhóm người Đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần. - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

11. Khen thưởng, kỷ luật:

- Khen thưởng: Chiến sỹ thi đua Bộ NN và PTNT “Đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong giai đoạn 2013 - 2015”; Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2019 và được Tổng công ty, các cấp khen thưởng nhiều năm theo các danh hiệu: giấy khen, bằng khen. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất (2023 - 2025): Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Kỷ luật: không

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ



TÔ VĂN HIỆP

TRÍCH NGANG LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **ĐỖ VINH QUANG**
2. Sinh ngày: 04 tháng 02 năm 1995
3. Nơi sinh: Hà Nội
4. Địa chỉ thường trú: Số 61 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, TP Hà Nội.
5. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị tài chính
6. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng anh.
7. Trình độ lý luận chính trị:
8. Đào tạo khác: Đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý nghiệp vụ và chuyên môn.
9. Chức vụ hiện nay:
 - Về Đảng:
 - Về chính quyền: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.

10. Tóm tắt quá trình công tác:

2018 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ công ty CP Tập đoàn T&T
2019-01/10/2025	Chủ tịch HĐQT công ty CP Thể thao Hà Nội T&T
2020 - nay	Chủ tịch Công ty TNHH T&T Retail
2022 - nay	Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý Khách sạn T&T Chủ tịch HĐQT công ty CP Bất động sản T&T homes
7/2024 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP
2025 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng không Lữ hành Việt Nam

11. Khen thưởng, kỷ luật:

- Khen thưởng:
- Kỷ luật:

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ



TÔ VĂN HIỆP

TRÍCH NGANG LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN TRUNG KIÊN**
2. Sinh ngày: 04 tháng 12 năm 1974
3. Quê quán: Xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
4. Nơi ở hiện nay: B21 ngõ 12 Ngô Huy Quỳnh, phường Việt Hưng, TP. Hà Nội.
5. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế
6. Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ - Tiếng anh.
7. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
8. Đào tạo khác: Đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý nghiệp vụ và chuyên môn.
9. Chức vụ hiện nay:
 - Về Đảng: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng công ty.
 - Về chính quyền: Đại diện phần vốn nhà nước; Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

10. Tóm tắt quá trình công tác:

7/1996 - 10/2001	Kế toán viên - Tổng công ty Lâm sản Việt Nam.
11/2001 - 9/2013	Kế toán trưởng Công ty liên doanh SX nguyên liệu giấy Việt Nhật - Tổng công ty Lâm nghiệp VN
10/2013 - 02/2014	Trưởng phòng, Trợ lý HĐQT - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
3/2014 - 12/2014	Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
01/2015 - 4/2016	Trưởng ban Trợ lý Thư ký HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
5/2016 - 8/2016	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
9/2016 - 7/2017	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.
8/2017 - 6/2019	Đại diện phần vốn nhà nước kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần
7/2019 - nay	Đại diện phần vốn nhà nước; Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

11. Khen thưởng, kỷ luật:

- Khen thưởng: Tổng công ty; các cấp khen thưởng nhiều năm theo các danh hiệu: Giấy khen, bằng khen. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất (2023 - 2025): Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Kỷ luật: Không.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ



TRÍCH NGANG LÝ LỊCH

- Họ và tên: **NGÔ THỊ THÚY MAI** Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 30/9/1973
- Quê quán: Xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Chỗ ở hiện nay: BT13 - Dự án C37 Bắc Hà - 17 Tố Hữu, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh; Cử nhân Luật.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B2- Khung Châu Âu
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp.
- Đào tạo khác: Đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.
- Chức vụ hiện nay:
 - Về Đảng: UVBCH Đảng bộ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
 - Về chính quyền: Đại diện phần vốn nhà nước; Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.

10. Tóm tắt quá trình công tác:

6/1994 - 6/1995	Văn thư cơ quan - Công ty XNK nông thổ sản (Bộ thương mại) TP. HCM
6/1995 - 4/1996	Văn thư cơ quan - Công ty Lâm sản Gia Nghĩa (Tổng công ty Lâm sản Việt Nam)
4/1996 - 12/2006	Chuyên viên Văn phòng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam
12/2006 - 5/2008	Phó Chánh Văn phòng, Thư ký Tổng giám đốc - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam
5/2008 - 2/2009	Quyển Chánh Văn phòng - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam
2/2009 - 9/2013	Chánh Văn phòng - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam
01/10/2013- 31/10/2013	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam
11/2013 - 5/2014	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam kiêm Trưởng ban Quản lý nhà Vinafor.
6/2014 - 6/2024	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.
28/6/2024 - nay	Đại diện phần vốn nhà nước; Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam - CTCP

11. Khen thưởng, kỷ luật:

- Khen thưởng: Tổng công ty; các cấp khen thưởng nhiều năm theo các danh hiệu: Giấy khen, bằng khen. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất (2023 - 2025): Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Kỷ luật: không.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026



TRÍCH NGANG LÝ LỊCH

1. Họ và tên: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
2. Sinh ngày: 18 tháng 09 năm 1980
3. Nơi sinh: Yên Bái
4. Địa chỉ thường trú: B1604, tòa nhà Golden Place, phường Từ Liêm, TP.Hà Nội
5. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế
6. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng anh.
7. Trình độ lý luận chính trị:
8. Đào tạo khác: Đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý nghiệp vụ và chuyên môn.
9. Chức vụ hiện nay:
 - Về Đảng:
 - Về chính quyền: Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần.

10. Tóm tắt quá trình công tác:

09/2003 - 05/2007	Kiểm toán viên công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán
06/2007 - 08/2014	Phó trưởng phòng Kiểm toán công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán
08/2014 - 12/2015	Phó trưởng phòng phụ trách Kiểm toán công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán
01/2016 - 01/2020	Giám đốc Ban Kiểm soát nội bộ công ty CP Tập đoàn T&T
04/2016 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh.
08/2016 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần
03/2017 - nay	Giám đốc Ban Kế toán công ty CP Tập đoàn T&T
03/2026 - nay	Phó TGD công ty CP Tập đoàn T&T

11. Khen thưởng, kỷ luật:

- Khen thưởng:
- Kỷ luật:

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026



TRÍCH NGANG LÝ LỊCH

- Họ và tên: **NGÔ HỒNG MINH**
- Sinh ngày: 27 tháng 12 năm 1990
- Nơi sinh: Tân Yên – Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Lý, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Trình độ ngoại ngữ:
- Trình độ lý luận chính trị:
- Đào tạo khác: Đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý nghiệp vụ và chuyên môn.
- Chức vụ hiện nay:
 - Về Đảng:
 - Về chính quyền: Ban Kế toán – công ty cổ phần Tập đoàn T&T

10. Tóm tắt quá trình công tác:

06/2012 - 03/2016	Kiểm toán viên chính công ty TNHH Deloitte Việt Nam
04/2016 – 06/2023	Kiểm toán viên nội bộ - Ban Kiểm soát nội bộ công ty CP Tập đoàn T&T
08/2017 – 12/2022	Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp - CTCP
12/2020 – 09/2023	Trưởng Ban Kiểm soát công ty cổ phần Dược phẩm Hà Nội
05/2017 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát công ty cổ phần Cà phê Thuận An
07/2023 - nay	Ban Kế toán công ty cổ phần Tập đoàn T&T

11. Khen thưởng, kỷ luật:

- Khen thưởng:
- Kỷ luật:

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ



TÔ VĂN HIỆP

TRÍCH NGANG LÍ LỊCH

1. Họ và tên: **ĐÀO QUỐC HOÀN.** Giới tính: Nam
2. Ngày sinh: 08/6/1974.
3. Quê quán: Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên.
4. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đan Nhiễm, xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.
5. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kế toán.
6. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh bằng C
7. Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
8. Đào tạo khác: Đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.
9. Chức vụ, công việc hiện nay:
- Về Đảng: UVBCH Đảng bộ Tổng công ty; Bí thư chi bộ Văn phòng.
- Về chính quyền: Chánh Văn phòng.

10. Tóm tắt quá trình công tác:

9/1999 - 4/2012	Kế toán viên Bưu điện tỉnh Hưng Yên
5/2012 - 5/2013	Chuyên viên Phòng Kế toán tài chính - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
6/2013 - 10/2016	Phó phòng Kế toán tài chính - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
11/2016 - 6/2019	Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần
7/2019 - 8/2020	Trưởng phòng Kế hoạch đầu tư Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần
9/2020 - 12/2023	Trưởng phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần
01/2024 - Nay	Chánh Văn phòng Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam - công ty cổ phần.

11. Khen thưởng, kỷ luật:

- Khen thưởng: Tổng công ty; các cấp khen thưởng nhiều năm theo các danh hiệu: Giấy khen, bằng khen. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong 03 năm gần nhất (2023 – 2025): Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Kỷ luật: Không.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026





Số: NQ/ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026, NHIỆM KỲ 2026-2031

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, nhiệm kỳ 2026-2031 của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP số BB/ĐHĐCĐ ngày 29 / 04 /2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.

Điều 2: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.

Điều 3: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.

Điều 4: Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – công ty cổ phần.

Điều 5: Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ 5 năm giai đoạn 2021-2025 và phương hướng nhiệm vụ 5 năm giai đoạn 2026-2030 của Tổng công ty. Trong đó, có một số chỉ tiêu chính sau:

1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
I	Công ty Mẹ		
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.712
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	290
-	Cổ tức dự kiến	%/VDL	7,5
-	ROE	%	7,25
-	ROA	%	6,65
II	Hợp nhất toàn Tổng công ty		
1	Kế hoạch tài chính		
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.495
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	330
-	ROE	%	6,5
-	ROA	%	5,9
2	Kế hoạch lâm sinh		
-	Tạo rừng mới năm 1	ha	2.999
-	Khai thác gỗ rừng trồng	ha	2.806



2. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
III	Công ty Mẹ	Tỷ đồng	
	Giá trị giải ngân ĐTPT	Tỷ đồng	279
-	Đầu tư XD CB, Dự án	Tỷ đồng	81
-	Đầu tư vốn	Tỷ đồng	198

(Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, Đầu tư phát triển nêu trên đều chưa tính đến các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh thêm trong năm 2026)

Điều 6: Thông qua Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2025, nhiệm kỳ 2021-2025 và định hướng hoạt động năm 2026, nhiệm kỳ 2026-2031.

Điều 7: Thông qua Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát năm 2025, nhiệm kỳ 2021-2025; Định hướng nhiệm vụ năm 2026, nhiệm kỳ 2026-2031.

Điều 8: Thông qua Tờ trình về chiến lược phát triển Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP 5 năm giai đoạn 2026-2030.

Đại hội đồng cổ đông thông qua chiến lược phát triển Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam – CTCP 5 năm giai đoạn 2026-2030, giao cho Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ đạo triển khai thực hiện theo quy định; Thực hiện rà soát, điều chỉnh phê duyệt kế hoạch 05 năm cơ cấu lại vốn của Tổng công ty (nếu có) sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước.

Trường hợp có sự thay đổi nội dung quan trọng của Chiến lược (Kế hoạch đầu tư, Kế hoạch cơ cấu lại vốn ...), Hội đồng quản trị xem xét quyết định thực hiện theo thẩm quyền (trừ nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông quyết định) hoặc báo cáo Bộ Tài chính và Công ty cổ phần Tập đoàn T&T theo quy định để thực hiện trên cơ sở phù hợp với thực tế, đem lại hiệu quả cho Tổng công ty và báo cáo lại nội dung thay đổi tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 9: Thông qua các Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán năm 2025 bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam.

Điều 10: Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025. Cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Tổng số Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	272.202.063.724
	<i>Trong đó:</i>	
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2025	271.933.420.223
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển sang	268.643.501
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau	
1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	27.907.695.904
2	Trả cổ tức bằng tiền (6,97% mệnh giá cổ phần)	243.950.000.000
	Cộng	271.857.695.904
III	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 còn lại chuyển phân phối các năm sau	344.367.820

Điều 11. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, cụ thể như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty kiểm toán để tổ chức lựa chọn một (1) Công ty kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2026 (riêng, các Công ty TNHH MTV và hợp nhất); kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 (riêng, các Công ty TNHH MTV và hợp nhất) của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần. Danh sách Công ty kiểm toán bao gồm:

- + Công ty TNHH KPMG;
- + Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam;
- + Công ty TNHH ERNST&YOUNG Việt Nam (E&Y);
- + Công ty TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS Việt Nam (PWC).

2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện, quyết định lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty (về hình thức lựa chọn, phương thức lựa chọn...) đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định.

Điều 12: Thông qua Tờ trình về việc tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị (bao gồm cả Tổng giám đốc) và Ban kiểm soát năm 2026.

a. Tiền lương kế hoạch của Thành viên HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách năm 2026.

Quỹ lương kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty (04 người) làm việc chuyên trách năm 2026 là **4.048.000.000 đồng**.

b. Thù lao kế hoạch của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát làm việc không chuyên trách năm 2026.

- Mức thù lao Thành viên Hội đồng quản trị là 11.180.000 đồng/người/tháng.
- Mức thù lao Thành viên Ban kiểm soát bằng 10% của Kiểm soát viên chuyên trách (Trưởng ban Kiểm soát) là 8.800.000 đồng/người/tháng.

Quỹ thù lao kế hoạch năm 2026 của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Tổng công ty làm việc không chuyên trách (tính theo số tháng đảm nhiệm công việc trong năm) là **524.240.000 đồng**.

c. Tiền lương, thù lao năm 2026 tăng thêm hoặc giảm đi của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Nếu lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì thực hiện theo nguyên tắc 1% lợi nhuận vượt so với kế hoạch, được tính thêm 2% mức tiền lương nhưng không quá 20% mức tiền lương tính trên cơ sở 02 lần mức lương cơ bản. Trường hợp lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương tối đa được tính bằng 80% nhân với 02 lần mức lương cơ bản và nhân với tỷ lệ lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nhưng không thấp hơn 80% mức lương cơ bản.

Điều 13: Đại hội thống nhất kết quả bầu HĐQT/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 – 2031, cụ thể như sau (xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp):



STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU	TỶ LỆ %
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
1			
2			
3			
4			
5			
II	BAN KIỂM SOÁT		
1			
2			
3			

Điều 14: Giao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty tổ chức triển khai Nghị quyết này theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - công ty cổ phần./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Đảng ủy TCT;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Các cổ đông TCT (đăng trên Website TCT);
- Ban công bố thông tin;
- Ban Website Vinafor;
- Lưu VT; Ban thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Phí Mạnh Cường

